



**CHUYỂN MÌNH
BỨT PHÁ**



MỤC LỤC

- 6 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 8 Chỉ tiêu tài chính nổi bật 2018-2022
- 10 Giải thưởng tiêu biểu

CHƯƠNG 01

Tổng quan về KSB

- 14 Thông tin tổng quát
- 16 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 28 Hành trình phát triển
- 20 Lĩnh vực và địa bàn sản xuất kinh doanh
- 22 Khách hàng và Đối tác tiêu biểu
- 24 Sản phẩm và Dịch vụ chính
- 26 Đơn vị thành viên

CHƯƠNG 02

Báo cáo tình hình quản trị công ty

- 30 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- 32 Mô hình hoạt động của công ty
- 36 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 38 Giới thiệu Ủy ban Kiểm toán
- 39 Giới thiệu Ban ban Điều hành
- 42 Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và Hoạt động sản xuất kinh doanh
- 54 Triển vọng kinh tế vĩ mô và Định hướng chiến lược
- 60 Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
- 61 Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT
- 62 Thông tin cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- 66 Quản trị rủi ro
- 68 Giao dịch của Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và người có liên quan

CHƯƠNG 03

Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh

- 72 Hoạt động Sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022
- 80 Phân tích tình hình tài chính

CHƯƠNG 04

Báo cáo phát triển bền vững (tóm tắt)

- 96 Phát triển bền vững – hài hòa lợi ích các bên liên quan
- 98 Người lao động: Đảm bảo việc làm và chế độ phúc lợi trong bối cảnh khó khăn chung
- 108 Môi trường: Quản lý giảm thiểu tác động - Giảm phát thải
- 114 Cộng đồng: Đóng góp và chia sẻ trách nhiệm

CHƯƠNG 05

Báo cáo tài chính năm 2022

- 120 Thông tin chung
- 122 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 123 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 125 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 127 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 128 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 130 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



30 YEAR

CHUYỂN MÌNH BỨT PHÁ

Năm 2022, Công ty đã duy trì quyết tâm để thực thi tầm nhìn chiến lược từ Ban Lãnh đạo và nỗ lực xây dựng nền tảng quản trị công ty tốt, định hướng phát triển bền vững qua đó gia tăng hiệu quả hoạt động đồng thời có những đóng góp tích cực cho cộng đồng, xã hội.

Sứ mệnh của KSB là luôn luôn sáng tạo, mở rộng nguồn tài nguyên và quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và dịch vụ. KSB sẽ trở thành đối tác tin cậy của các nhà thầu xây dựng, tham gia vào các công trình trọng điểm của đất nước tại Đông Nam Bộ.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên,

Hành trình nào đi đến vinh quang cũng phải trải qua nhiều khó khăn. Thế nhưng, bằng sự quyết tâm của cả tập thể, ý chí vững vàng của lãnh đạo, khát vọng lớn lao của tập thể CBNV thì bất kể trở ngại nào chúng ta cũng đều vượt qua, đồng thời tự hào với những kết quả tăng trưởng vượt trội qua từng năm.

Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương được vinh danh doanh nghiệp xuất sắc Châu Á Thái Bình Dương, Top 10 Sao vàng Đất Việt cùng nhiều danh hiệu cao quý khác. Tổng tài sản đạt hơn 4.243 tỷ đồng so với đầu năm khoảng 3.984 tỷ đồng, tăng hơn 6,5%. Vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng, đầu năm hơn 1.787 tỷ đồng, cuối năm hơn 1.941 tỷ đồng, tăng 8,6%.

Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đã được vinh danh là doanh nghiệp xuất sắc châu Á năm 2022. Đây là lần thứ 2 liên tiếp KSB được vinh danh của giải thưởng. Có được kết quả đáng tự hào trên là sự nỗ lực không ngừng nghỉ, sự chung tay của toàn thể CBNV cùng tầm nhìn sáng suốt và linh hoạt của tập thể ban lãnh đạo Công ty.

Năm 2023, các động lực tăng trưởng kinh tế như xuất khẩu và tiêu dùng có thể chững lại khi kinh tế các nước đối tác suy thoái và tiêu dùng trong nước khó tăng mạnh như năm trước. Báo cáo cập nhật gần nhất từ Tổng cục Thống kê ghi nhận Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước đạt 51,4% tăng mạnh so với mức 22,5% vào cùng kỳ. Giải ngân đầu tư công được kỳ vọng trở thành trụ cột mới cho tăng trưởng kinh tế giai đoạn tới nhờ tính dẫn dắt và lan tỏa trên nhiều nhóm ngành. Đây là tín hiệu tích cực cho các doanh nghiệp cung ứng vật liệu xây dựng cho dự án cao tốc Bắc - Nam cùng hàng loạt dự án hạ tầng được đẩy mạnh trong năm 2023 kèm theo nhu cầu về đá xây dựng.

Là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng, KSB hiện đang sở hữu các mỏ đá có trữ lượng khai thác lớn tại các khu vực Đồng Nai. Hiện nay công ty đang nắm giữ 9,5% cổ phần tại VLB - Một doanh nghiệp đang có nhiều mỏ đá khai thác tại khu vực Đồng Nai với công suất 4 triệu m³/năm.



4.243 TỶ ĐỒNG
TỔNG TÀI SẢN NĂM 2022
Tăng 6,5% so với 2021



1.941 TỶ ĐỒNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2022
Tăng 8,6% so với 2021

Với lĩnh vực cho thuê hạ tầng khu công nghiệp, KSB đang thực hiện thủ tục pháp lý để tiến hành mở rộng Khu công nghiệp KSB từ 340 ha lên 553 ha, đồng thời Công ty cũng đang xúc tiến đầu tư các khu công nghiệp mới tại tại Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước để gia tăng quỹ đất kinh doanh cho những năm tiếp theo.

Chiến lược phát triển lấy khách hàng làm trung tâm với các giải pháp đột phá trong chiến lược kinh doanh. Bên cạnh đó, KSB tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, qua đó tạo bước **Chuyển mình bút phá** hướng tới phát triển toàn diện và bền vững trên hành trình mới.

Nhân dịp này, tôi xin gửi lời tri ân tới toàn thể CBNV vì những nỗ lực, cống hiến không ngừng nghỉ trong năm 2022 và lời cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ, đồng hành của Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng. Kính chúc các quý vị tràn đầy sức khoẻ, thành công và hạnh phúc.

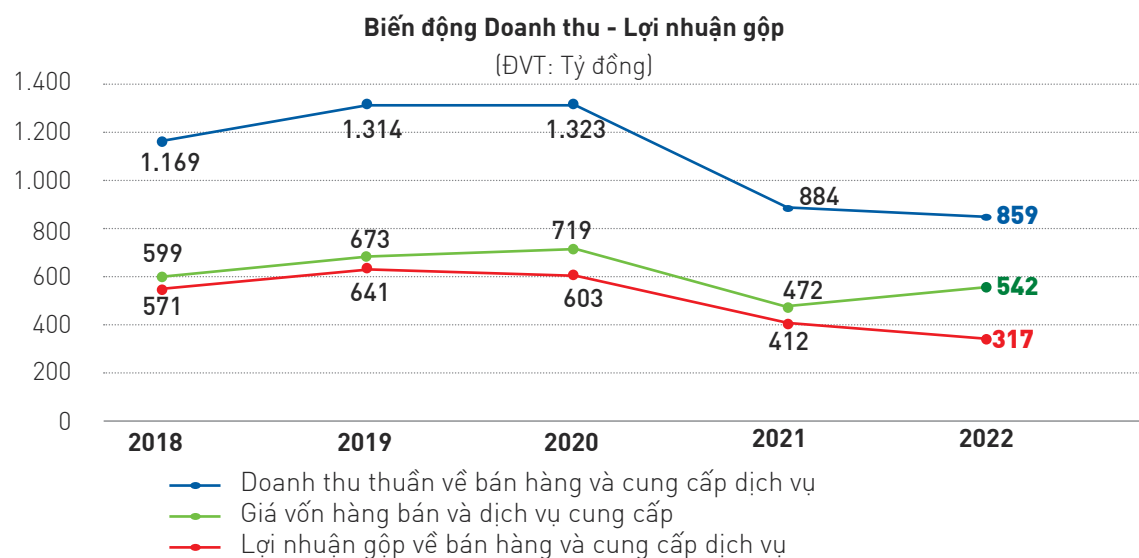
Trân trọng.

PHAN TẤN ĐẠT
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

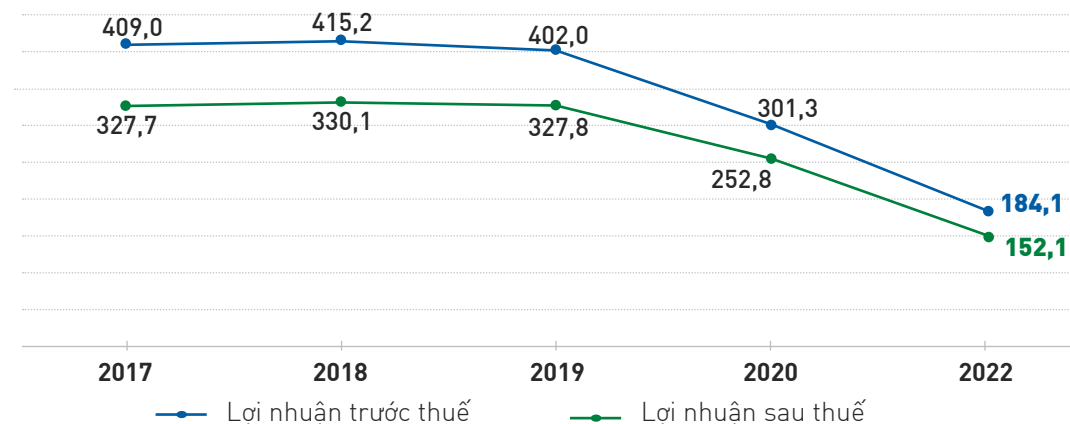
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2018-2022

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	2022 so với 2021 (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.168,99	1.313,99	1.322,46	884,27	859,15	-2,84
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	598,45	673,12	719,34	472,06	542,11	14,84
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	570,55	640,87	603,11	412,22	317,00	-23,10
Doanh thu hoạt động tài chính	21,52	32,14	63,01	102,75	93,90	-8,61
Chi phí tài chính	30,37	81,50	101,47	94,59	135,11	42,83
- Trong đó: Chi phí lãi vay	30,29	80,59	99,04	94,58	135,11	42,85
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	(2,04)	(6,51)	(4,34)	(5,26)	(2,21)	-57,98
Chi phí bán hàng	74,38	89,17	88,89	55,05	40,31	-26,78
Chi phí quản lý doanh nghiệp	84,06	83,13	73,06	61,72	52,95	-14,21
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	401,22	412,68	398,36	298,35	180,32	-39,56
Thu nhập khác	25,33	20,65	21,20	18,53	27,11	46,30
Chi phí khác	17,54	18,16	17,61	15,57	23,34	49,91
Lợi nhuận khác	7,79	2,49	3,59	2,96	3,77	27,30
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	409,01	415,18	401,95	301,31	184,09	-38,90
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	327,70	330,14	327,76	252,81	152,08	-39,84

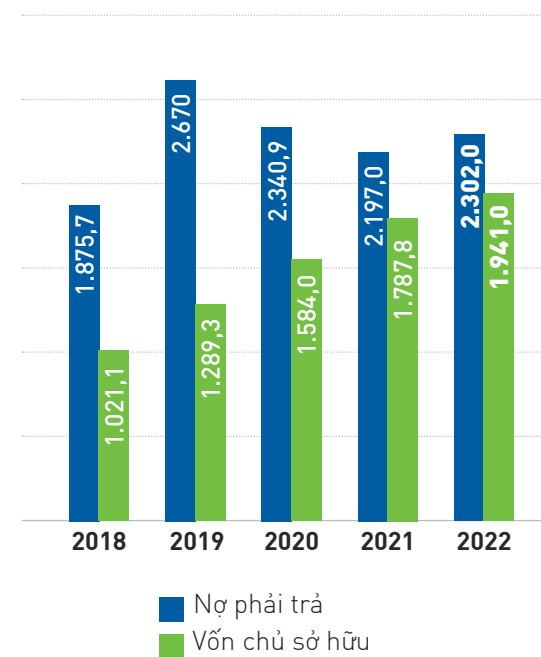


Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế



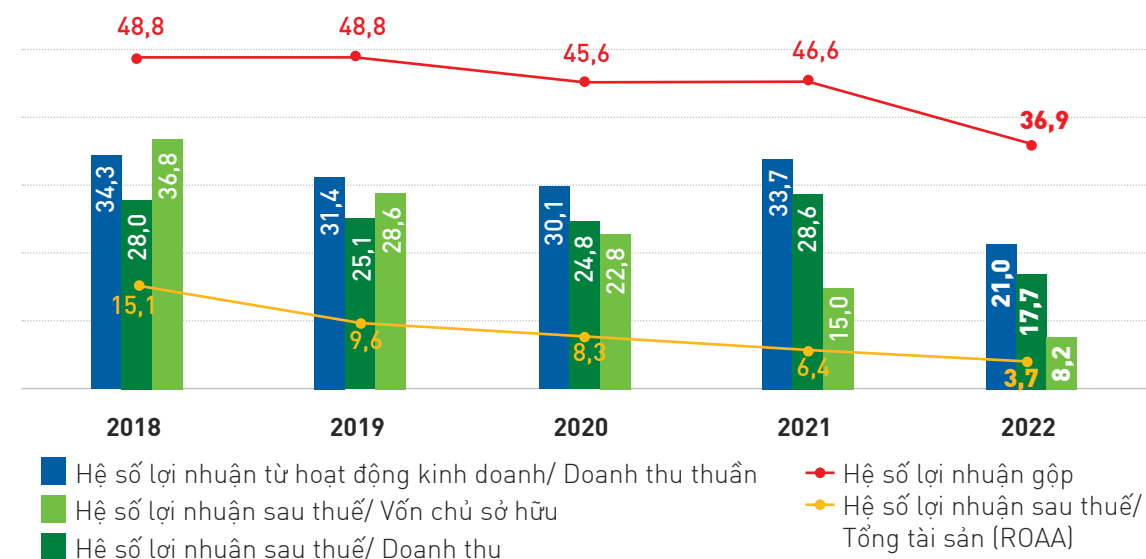
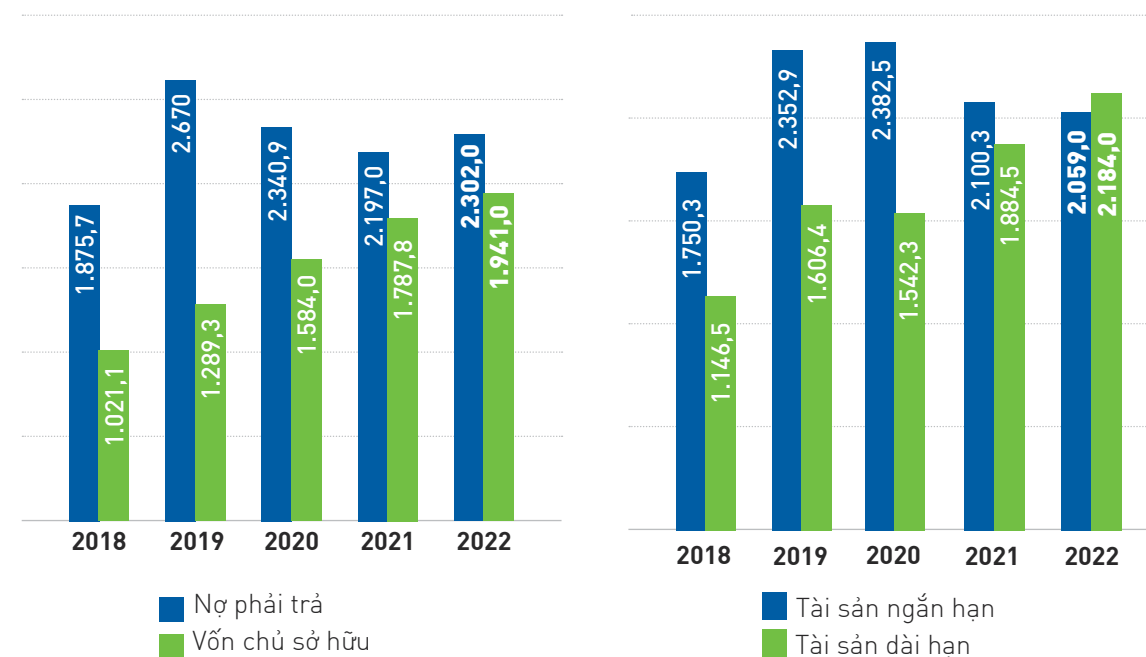
Cơ cấu nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng



Cơ cấu tổng tài sản

ĐVT: Tỷ đồng



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

VINH DỰ NHẬN
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG II



top10
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT MID CAP
NĂM 2020 VÀ 2022
Giải thưởng Doanh nghiệp
Niên yết Việt Nam



top10
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT
NĂM 2021
Hội Doanh nhân trẻ
Việt Nam trao tặng



GIẢI THƯỞNG
KINH DOANH XUẤT SẮC
CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
NĂM 2021 VÀ 2022
Enterprise Asia tổ chức



top200
DOANH NGHIỆP KINH DOANH
HIỆU QUẢ CỦA CHÂU Á
LẦN THỨ 3
do Forbes bình chọn



top50
CÔNG TY KINH DOANH
HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT
NAM 2022
Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư
và CTCK Thiên Việt tổ chức



GIẢI THƯỞNG
DOANH NGHIỆP
TIÊU BIỂU VIỆT NAM
- ASEAN +3 NĂM 2020
Enterprise Asia tổ chức



01

TỔNG QUAN VỀ

KSB

- 14 Thông tin tổng quát
- 16 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 18 Hành trình phát triển
- 20 Lĩnh vực và địa bàn sản xuất kinh doanh
- 22 Khách hàng và Đối tác tiêu biểu
- 24 Sản phẩm và Dịch vụ chính
- 26 Đơn vị thành viên



THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**
 Tên tiếng Anh : **BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
 Tên viết tắt : **BIMICO**
 Trụ sở chính : Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
 Đăng ký kinh doanh : Giấy CNĐKDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 27/4/2006, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 16/02/2023.
 Mã số doanh nghiệp : 3700148825
 Kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu : **KSB**
 Địa chỉ niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM - HOSE
 Vốn điều lệ : **766,31 tỷ đồng**
 Vốn chủ sở hữu : **1.940,86 tỷ đồng** (tại ngày 31/12/2022)

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Điện thoại : (0274) 3822.602
 Fax : (0274) 3823.922
 Email : info@bimico.com.vn
 Web : www.bimico.com.vn





TẦM NHÌN

Đến năm 2025 trở thành nhà cung cấp hàng đầu Đông Nam Bộ và Khu vực phía Nam về sản phẩm vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng chất lượng cao.

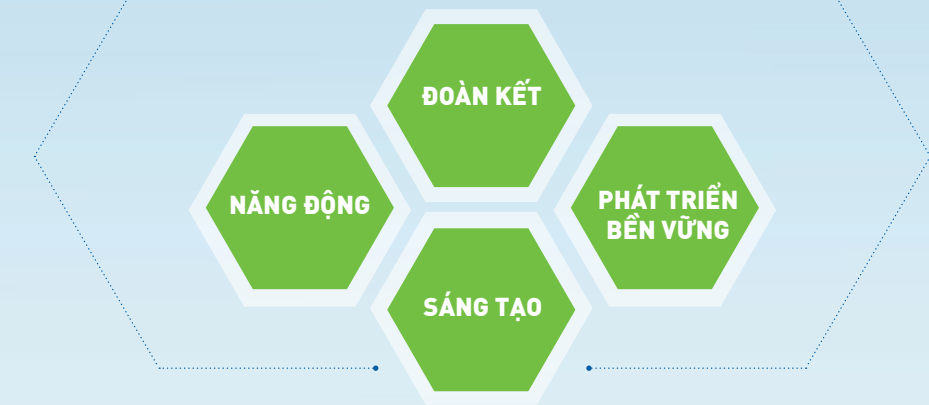


SỨ MỆNH

Luôn luôn sáng tạo, mở rộng nguồn tài nguyên và quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và dịch vụ. Trở thành đối tác tin cậy của các nhà thầu xây dựng, tham gia vào các công trình trọng điểm của đất nước tại Đông Nam Bộ, TP.HCM và các vùng lân cận.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN

1993

THÀNH LẬP CÔNG TY

BIMICO được thành lập ngày 13/01/1993 theo Quyết định số 62/QĐ-UB của UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương), nay tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước.

1997

ĐỔI TÊN CÔNG TY

Khí tỉnh Sông Bé được chia tách thành hai tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Sông Bé được đổi tên thành Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương, theo quyết định số 568/QĐ-UB ngày 01/03/1997 của UBND tỉnh Bình Dương.

2000

ĐỔI TÊN CÔNG TY

Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, theo Quyết định số 179/2000/QĐ-UB ngày 29/12/2000 của UBND tỉnh Bình Dương và đây cũng là tên gọi chính thức của Công ty cho đến nay.

2006

CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

Tháng 05/2006, Công ty được cổ phần hóa với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, trong đó cổ đông Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

2007

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

Công ty chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

2010

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tháng 01/2010, Công ty tăng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 107 tỷ đồng, và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán KSB, vốn nhà nước 50,5%.

2012

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Ngày 09/03/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lần hai lên 180 tỷ đồng, vốn nhà nước 50,5%.

2015

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Tháng 07/2015, Công ty phát hành thêm 5.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 234 tỷ đồng, vốn Nhà nước 50,05%.

2016

NHÀ NƯỚC THOÀI VỐN

Từ ngày 24/02/2016 đến 26/02/2016, SCIC đã thoái toàn bộ phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp. BIMICO trở thành doanh nghiệp ngoài nhà nước. Cổ phần được nắm bởi các công ty, các quỹ, nhân viên nội bộ và các Cổ đông.

BIMICO chứng minh được mình là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

2017

ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ (LẦN II)

THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KSB

Công ty phát hành thêm 23.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 468 tỷ đồng. Doanh số vượt mức 1.100 tỷ đồng; Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty, đón nhận Huân chương Lao động hạng II; Bắt đầu sản xuất đá ly tâm VSI và cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên; Tham gia cung cấp vật liệu xây dựng cho tòa nhà cao nhất Việt Nam Landmark 81.

Thành lập Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB với vốn điều lệ lên đến 300 tỷ đồng, đầu tư chiến lược vào hệ sinh thái Khu công nghiệp.

2018

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC - PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP

Phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu ESOP ưu đãi cho người lao động, vốn điều lệ tăng lên hơn 537,80 tỷ đồng.

2019

THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KSB

Thành lập Công ty TNHH Đầu tư KSB, mở rộng hoạt động mảng BĐS khu công nghiệp. BIMICO còn thành lập Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB, mở rộng hoạt động khai thác, chế biến cao lanh.

2020

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ HÀNG ĐẦU

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, hoạt động của nền kinh tế bị ngưng trệ nhưng BIMICO tiếp tục có một năm thành công với doanh thu thuần đạt 1.322,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 327,8 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt gần 1.584 tỷ đồng.

BIMICO tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng; được trao tặng Giải thưởng Top 10 Báo cáo Thường niên Tốt nhất Mid Cap – Giải thưởng Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam năm 2020 và Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – ASEAN +3.

2021

VƯỢT QUA THÁCH THỨC

Năm 2021 là năm mà địa bàn hoạt động chính của Công ty là khu vực Đông Nam Bộ bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 khiến thị trường bất động sản và xây dựng bị đình trệ. Tuy nhiên, với bản lĩnh vững vàng và các giải pháp linh hoạt, tập thể BIMICO đã vượt qua thách thức và gặt hái kết quả kinh doanh khá tích cực so với thị trường, với doanh thu đạt 884,27 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 252,81 tỷ đồng, tương đương với 90,3% kế hoạch.

2022

CHUYỂN MÌNH BỨT PHÁ

Với một tập thể năng động, sáng tạo, bản lĩnh vững vàng, KSB đã quyết liệt thực hiện các giải pháp đồng bộ, linh hoạt để vượt qua thách thức.

Doanh thu thuần năm 2022 đạt mức 859,1 tỷ đồng, chỉ giảm nhẹ 2,8% so với năm trước. Trong khi đó, lợi nhuận trước thuế ở mức 184,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ghi nhận 152,1 tỷ đồng. Đây là thành tích đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, thể hiện nỗ lực vượt bậc của toàn thể CBNV Công ty và Ban lãnh đạo.

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN SẢN XUẤT KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

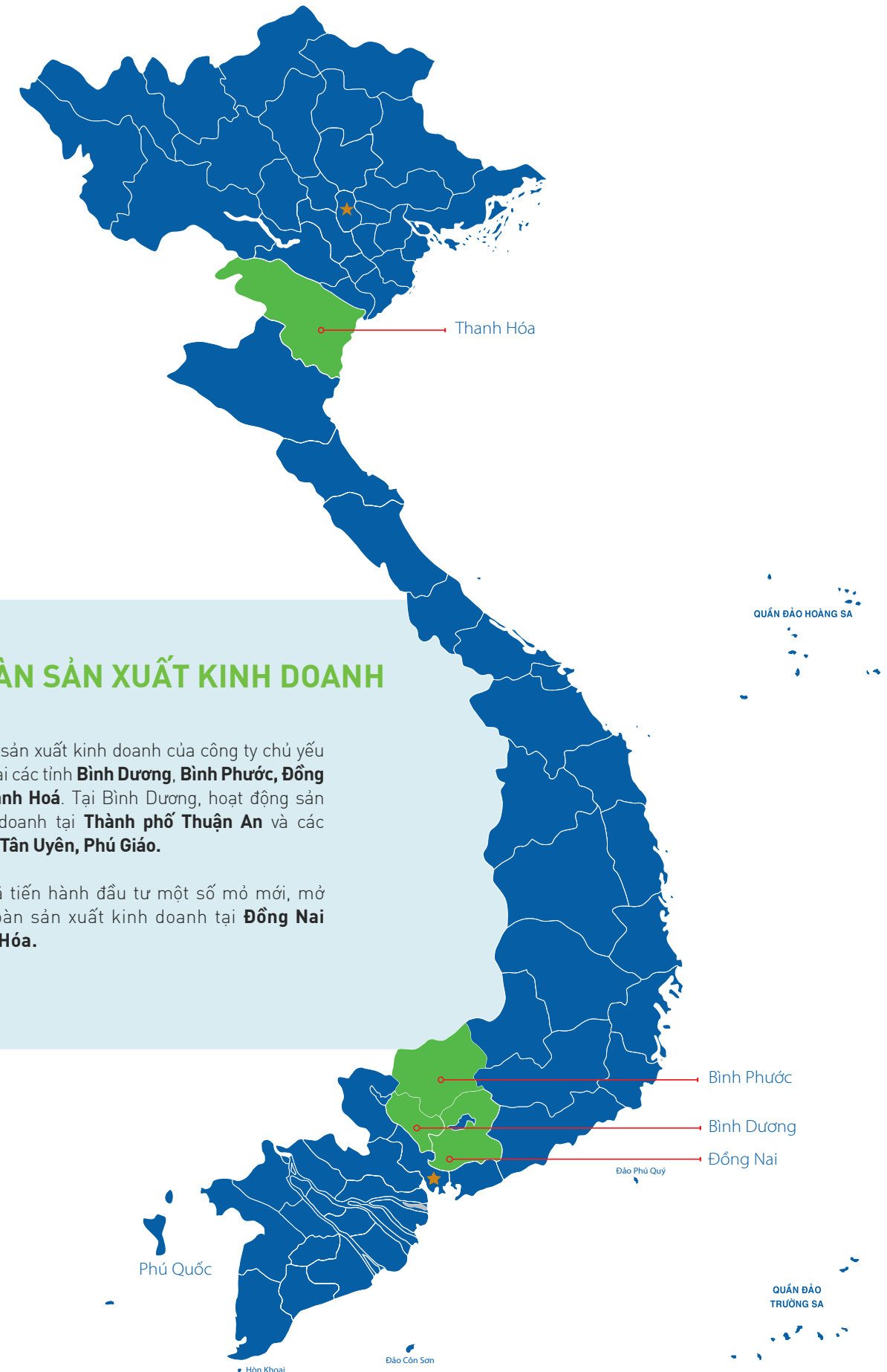
- 01** Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản
- 02** Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng
- 03** Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn
- 04** Xử lý môi trường (Khu xử lý nước thải tại KSB IDC)
- 05** Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp



ĐỊA BÀN SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu tập trung tại các tỉnh **Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai và Thanh Hoá**. Tại Bình Dương, hoạt động sản xuất kinh doanh tại **Thành phố Thuận An** và các huyện **Bắc Tân Uyên, Phú Giáo**.

Công ty đã tiến hành đầu tư một số mỏ mới, mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh tại **Đồng Nai và Thanh Hóa**.



KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH



VẬT LIỆU XÂY DỰNG

KSB chủ trương phát triển những sản phẩm xây dựng mang tính cải tiến để đáp ứng nhu cầu của các dự án khác nhau từ dự án cao ốc đến cơ sở hạ tầng và thân thiện hơn với môi trường. Các sản phẩm đá xây dựng của KSB hiện được đánh giá cao về chất lượng và đạt tiêu chuẩn ngành, đặc biệt là sản phẩm đá ly tâm. Ngoài ra, các sản phẩm cốt bê tông của KSB cũng được đánh giá cao nhờ công nghệ tiên tiến, hiện đại.



KAOLIN

KSB sở hữu mỏ Kaolin với trữ lượng lớn, Công ty hiện đang khai thác và chế biến các loại cao lanh lọc và cao lanh bột phục vụ cho các ngành công nghiệp như: Gốm sứ, ceramic, sơn, nhựa, chế biến cao su và chất độn cho các nhà máy sản xuất phân bón, thức ăn gia súc. Đây cũng là một trong những sản phẩm được đánh giá có chất lượng cao của KSB.



PHÁT TRIỂN BDS KHU CÔNG NGHIỆP

Dựa trên lợi thế sẵn có là khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, KSB đầu tư vào bất động sản công nghiệp và dịch vụ bất động sản nhằm đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa.

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

XÍ NGHIỆP ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ PHƯỚC VĨNH

- ☆ **Địa chỉ:** Khu phố 3, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Bình Dương.
- ☆ **Diện tích:** 30 ha.
- ☆ **Trữ lượng:** 6 triệu m³/năm.
- ☆ **Công suất:** 1.2 triệu m³/năm.
- ☆ **Sản phẩm đa dạng:** 1x2, 0x4, 4x6, mi bụi, mi sàng, đá hộc.
- ☆ **Khai thác mỏ lộ thiên:** Bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 - 350 tấn/h.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ TÂN MỸ

- ☆ **Địa chỉ:** Ấp 1, Xã Tân Mỹ, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- ☆ **Diện tích khai thác:** 41 ha.
- ☆ **Trữ lượng:** 22 triệu m³ (nguyên khối), tương đương 32 triệu m³ nở rời.
- ☆ **Công suất:** 1.5 triệu m³/năm, tương đương 2,2 triệu m³ (nở rời)/năm.
- ☆ **Khai thác mỏ lộ thiên:** Bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 - 250 tấn/h, đường vận tải và hệ thống cảng sông độc lập thuận lợi cho việc vận chuyển thủy và bộ.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT BÊ TÔNG

- ☆ **Địa chỉ:** N4-D3, Khu Công nghiệp KSB, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- ☆ **Công nghệ:** Công nghệ quay ly tâm, công nghệ rung lõi của CHLB Đức.
- ☆ **Công suất:** 60.000 m³/năm.
- ☆ Xí nghiệp sản xuất bê tông sản xuất các loại cống tròn, cống hộp và các cấu kiện bê tông đúc sẵn với nhiều loại kích thước khác nhau. Đội ngũ công nhân lành nghề, cung cấp các dịch vụ vận chuyển, cầu ráp cống theo yêu cầu của khách hàng.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN CAO LẠNH TÂN THÀNH

- ☆ **Địa chỉ 1:** Ấp Suối Sâu, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- ☆ **Địa chỉ 2:** Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC SÉT GẠCH NGÓI PHƯỚC HOÀ

- ☆ **Địa chỉ 1:** Ấp Bồ Lá, Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Bình Dương.
- ☆ **Diện tích khai thác:** 11,717 ha.
- ☆ **Trữ lượng:** 1,5 triệu m³/năm. 32 triệu m³ nở rời.
- ☆ **Công suất:** 250.000 m³/năm (đất sét nguyên khối), tương đương với 325.000 m³/năm (đất sét rời).
- ☆ **Khai thác mỏ lộ thiên:** Bằng cách sử dụng máy xúc thủy lực để xúc bốc trực tiếp lên phương tiện vận chuyển.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.



CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KSB (KSB IDC)

- ☆ **Địa chỉ:** Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
- ☆ Khu Công nghiệp KSB nằm trong tổng thể khu vực phát triển kinh tế - đô thị của tỉnh Bình Dương. Với địa thế đẹp, giao thông thuận lợi, hạ tầng hoàn chỉnh, là nơi lý tưởng sẽ mang đến sự thành công cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KSB

- ☆ **Địa chỉ:** Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI KHAI KHOÁNG THĂNG LONG

- ☆ **Địa chỉ:** Ấp Ông Hoàng, Đường Tân Hiến, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai.
- ☆ **Diện tích khai thác:** 5,7 ha.
- ☆ **Trữ lượng:** 5,3 triệu m³ nguyên khối, tương đương 7,8 triệu m³ nở rời.

CÔNG TY TNHH CAO LẠNH MINH LONG KSB

- ☆ **Địa chỉ:** Khu phố 1, Phường Minh Long, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
- ☆ **Diện tích khai thác:** 64 ha.
- ☆ **Trữ lượng:** 12 tấn cao lạnh.
- ☆ **Công suất:** 450.000 tấn/năm.
- ☆ Mỏ Cao Lạnh Minh Long là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu Cao Lạnh chất lượng, ổn định và lâu dài đến năm 2038 cho các nhà máy Ceramic và nhà máy phân bón trong khu vực miền Nam.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

CTCP PHÚ NAM SƠN, THANH HOÁ (VỐN KSB 51%)

- ☆ **Địa chỉ:** Thôn Tân Phúc, Xã Tân Trường, Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá.
- ☆ **Hệ thống quản lý chất lượng:** ISO 9001:2015.

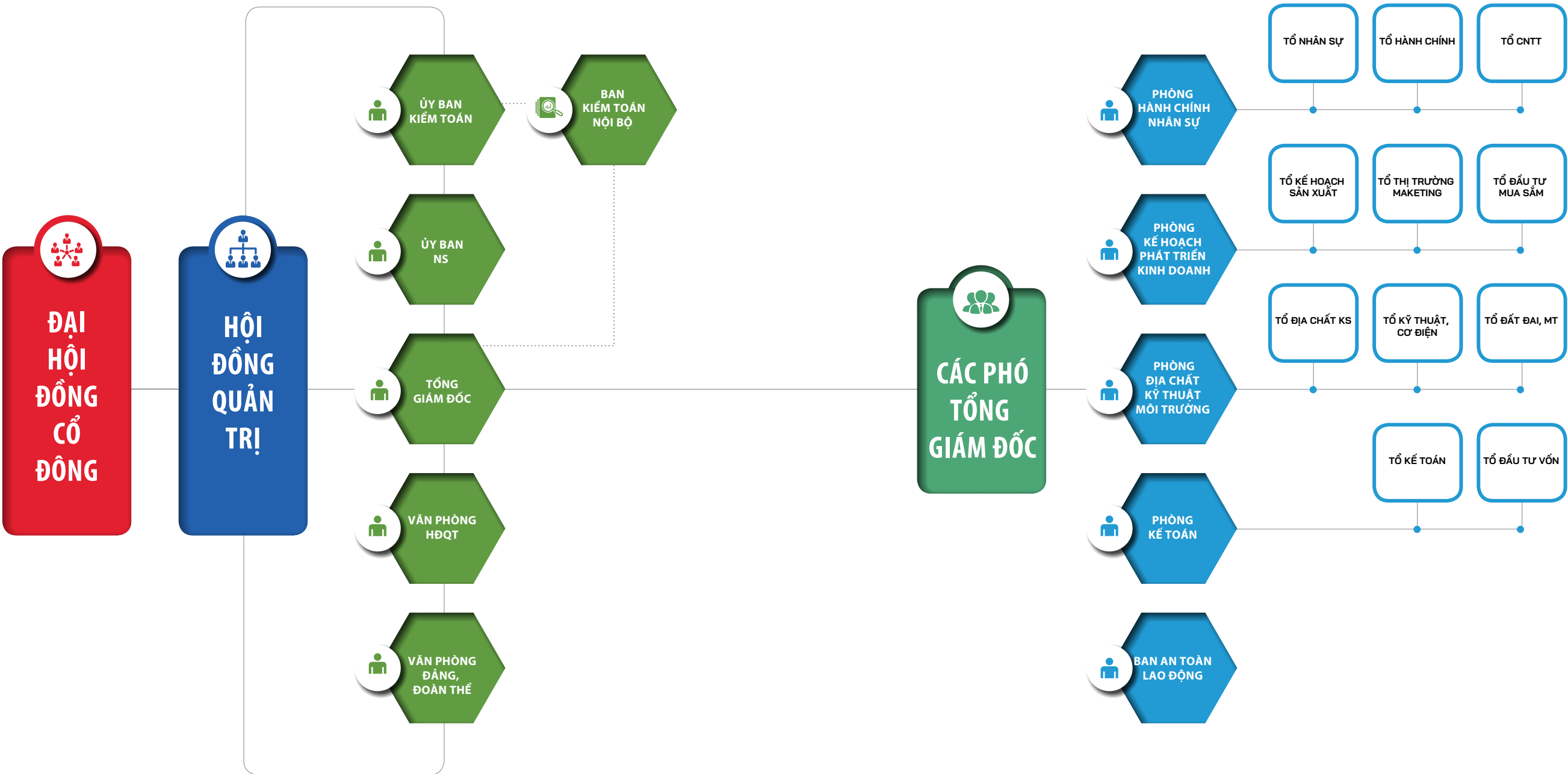
02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 30 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- 32 Mô hình hoạt động của công ty
- 36 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 38 Giới thiệu Ủy ban Kiểm toán
- 39 Giới thiệu Ban Điều hành
- 42 Báo cáo của HĐQT về Quản trị Công ty và hoạt động SXKD
- 54 Triển vọng vĩ mô và Định hướng chiến lược hoạt động
- 60 Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
- 61 Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT
- 62 Thông tin cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- 66 Quản trị rủi ro
- 68 Giao dịch của Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và người có liên quan



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



———— Báo cáo trực tiếp
 Báo cáo theo chức năng được quy định

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	% sở hữu	Hoạt động chính
I Công ty con				
1	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Bình Dương	100%	Phát triển khu công nghiệp
2	Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải - Khai khoáng Thăng Long	Đồng Nai	100%	Khai thác khoáng sản
3	Công ty TNHH Đầu tư KSB	Bình Dương	100%	Quản lý vốn đầu tư
4	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Bình Phước	100%	Khai thác khoáng sản
II Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Thanh Hóa	51%	Khai thác khoáng sản

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1 ÔNG PHAN TẤN ĐẠT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ông Phan Tấn Đạt từng đảm nhiệm những vị trí then chốt tại các ngân hàng, doanh nghiệp lớn.
- Giai đoạn năm 2009-2014, Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc Đầu tư Tài chính tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).
- Từ năm 2016 đến tháng 8 năm 2020, Ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB).
- Từ tháng 08/2020 đến nay, ông Phan Tấn Đạt giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP DRH Holdings.



3 ÔNG NGUYỄN QUỐC PHÒNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Quốc Phòng là người từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt liên quan đến hoạt động Kế toán – Tài chính tại nhiều Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn.
- Ông từng đảm nhận vai trò Kế toán trưởng Chi nhánh Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp (VIGECAM); Phó Tổng Giám đốc Tài chính tại Tập Đoàn Quốc tế Năm Sao.
- Từ tháng 11/2016 đến nay, Ông là Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB).

2 ÔNG TRẦN ĐÌNH HÀ

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

- Ông Trần Đình Hà bắt đầu tham gia công tác quản lý, điều hành tại KSB từ năm 2000 và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.
- Năm 2013, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương và trực tiếp quản lý 04 đơn vị trực thuộc KSB.
- Từ tháng 8 năm 2020 đến nay, Ông Trần Đình Hà được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty.



4 ÔNG TÔN THẮT DIÊN KHOA

Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị

- Ông Tôn Thất Diên Khoa là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tại doanh nghiệp, am hiểu sâu rộng trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Từ tháng 08/1995 đến tháng 06/2006, Ông đảm nhiệm nhiều chức vụ tại Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).
- Hiện Ông Tôn Thất Diên Khoa là Giám đốc Đầu tư Tài chính - Ngân hàng Eximbank Chi nhánh TP.HCM và là thành viên thành viên độc lập Hội đồng Quản trị CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB) và là thành viên Ủy ban kiểm toán.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



5 ÔNG HOÀNG NGUYÊN BÌNH

Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- Ông Hoàng Nguyên Bình đã tốt nghiệp Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh và đảm nhiệm các vai trò quan trọng tại các Công ty hoạt động về lĩnh vực Chứng khoán, Tài chính.
- Ông từng đảm nhận chức vụ Kế toán Trưởng tại Công ty Cổ phần Môi giới Thương Mại Châu Á; Phụ trách Tư vấn Tài chính doanh nghiệp khu vực phía Nam Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM.
- Từ năm 2019, Ông là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

6 ÔNG TRẦN HOÀNG ANH

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ông Trần Hoàng Anh tốt nghiệp cử nhân Kế toán - Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và thạc sĩ Kế toán - Tài chính của trường Swinburne University of Technology và có hàng loạt các chứng chỉ có uy tín về Kế toán - Tài chính.
- Ông có thâm niên gần 20 năm công tác trong lĩnh vực kế toán - tài chính, giữ những chức vụ quan trọng tại những tổ chức lớn như Phó phòng kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C và Trưởng ban Tài chính ngành đường của Tập đoàn TTC.
- Tại ĐHCĐ thường niên năm 2022, Ông Trần Hoàng Anh được bầu vào Hội đồng Quản Trị công ty, nhiệm kỳ 2022 - 2026.



7 ÔNG LÊ HOÀI NAM

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ông Lê Hoài Nam gia nhập KSB từ tháng 08/2017 với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB.
- Ngày 06/01/2021 Hội đồng Quản trị KSB quyết định bổ nhiệm Ông Lê Hoài Nam giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB.
- Tại ĐHCĐ thường niên năm 2022, Ông Lê Hoài Nam được bầu vào Hội đồng Quản trị công ty, nhiệm kỳ 2022 - 2026.

8 ÔNG NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Phụ trách Quản trị Công ty

- Ông Nguyễn Văn Đông tốt nghiệp Thạc Sĩ Luật, đã tham gia công tác tại KSB từ năm 2010.
- Từ năm 2013 được bổ nhiệm Phó phòng Tổ chức Hành chính, đến năm 2019 được bổ nhiệm Trưởng phòng Tổ chức Hành chính.
- Đồng thời từ năm 2019 đến nay Ông Nguyễn Văn Đông được bổ nhiệm là Người Phụ trách Quản trị Công ty.



GIỚI THIỆU ỦY BAN KIỂM TOÁN



1 ÔNG HOÀNG NGUYÊN BÌNH
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Xem thông tin giới thiệu Hội đồng Quản trị.

2 ÔNG TÔN THẮT DIÊN KHOA
Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Xem thông tin giới thiệu Hội đồng Quản trị.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



1 ÔNG TRẦN ĐÌNH HÀ
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Xem thông tin giới thiệu Hội đồng Quản trị.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



2 ÔNG NGUYỄN QUỐC PHÒNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin giới thiệu Hội đồng Quản trị.

3 ÔNG ĐẶNG QUANG THUNG

Phó Tổng Giám đốc

- Ông Đặng Quang Thung bắt đầu tham gia công tác quản lý điều hành tại CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB) từ những năm đầu thành lập và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty. Từ năm 2004 đến nay, ông là Bí thư Đảng Ủy kiêm Chủ tịch Công đoàn của KSB.
- Từ năm 2006 đến nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB).



4 ÔNG NGUYỄN HOÀNG SƠN

Phó Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Hoàng Sơn tốt nghiệp Đại học Mở - Địa chất chuyên ngành chế biến khoáng sản; Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Khoa học Ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ - FNHW.
- Ông đã từng làm trưởng Ban quản lý dự án Titan Pigment, trợ lý Hội đồng Quản trị tại Tổng Công ty KS và Thương mại Hà Tĩnh. Từ năm 2010-2016, Ông giữ vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp nặng FPT.
- Từ tháng 11/2016 đến nay, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB), phụ trách quản lý điều hành Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn.

5 ÔNG NGUYỄN HOÀNG TÂM

Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Hoàng Tâm có nhiều năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Tài chính Kế toán. Ông tham gia công tác và được bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán KSB từ năm 2003.
- Từ ngày 01/02/2019 đến nay, Ông Nguyễn Hoàng Tâm chính thức đảm nhiệm vai trò Kế toán trưởng của KSB.



BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong năm 2022, KSB đã triệu tập một phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 27/05/2022. ĐHĐCĐ đã ban hành Nghị quyết 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ nhằm thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2021 và kế hoạch năm 2022.

Đồng thời, ĐHĐCĐ cũng đã thông qua các tờ trình liên quan đến nhiều vấn đề quan trọng của Công ty như: Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, sửa đổi quy chế nội bộ về QTCT....

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 27/05/2022, ĐHĐCĐ đã tổ chức bầu các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026 với 7 thành viên trong đó có 5 thành viên tái đắc cử và 2 thành viên mới được bầu là Ông Lê Hoài Nam và Ông Trần Hoàng Anh. Ông Phan Tấn Đạt tiếp tục được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026.

KSB đã thực hiện tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc từ năm 2020, nhằm thực hiện quản trị công ty minh bạch, hiệu quả, theo thông lệ tốt về quản trị công ty. Cụ thể, Ông Phan Tấn Đạt chỉ còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, trong khi đó Ông Trần Đình Hà đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc tham gia HĐQT với tư cách là một thành viên điều hành.

HĐQT của KSB có hai thành viên độc lập, chiếm tỷ lệ 29%. Các thành viên độc lập này cũng như các thành viên còn lại đều là những chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, đầu tư, kinh doanh. Điều này đã giúp Công ty kịp thời đưa ra các ý kiến và giải pháp một cách khách quan, đảm bảo hoạt động HĐQT cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vì lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT		Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
1	Phan Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT	31/05/2022		25/25	100%	
2	Trần Đình Hà	TV HĐQT	27/05/2022		25/25	100%	
3	Nguyễn Quốc Phòng	TV HĐQT	27/05/2022		25/25	100%	
4	Lê Hoài Nam	TV HĐQT	27/05/2022		12/25	48%	Được bầu từ ngày 27/05/2022
5	Trần Hoàng Anh	TV HĐQT	27/05/2022		12/25	48%	Được bầu từ ngày 27/05/2022
6	Hoàng Nguyên Bình	TV HĐQTĐL	27/05/2022		25/25	100%	
7	Tôn Thất Diên Khoa	TV HĐQTĐL	27/05/2022		25/25	100%	

Năm 2022 là năm đầu tiên mở cửa nền kinh tế hoàn toàn sau đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp chưa có dấu hiệu phục hồi hoàn toàn. Bên cạnh đó, chính sách thắt chặt tiền tệ trong nước cũng như toàn cầu đã tác động tiêu cực đến triển vọng nền kinh tế. Thị trường bất động sản và vật liệu xây dựng chịu ảnh hưởng từ môi trường lãi suất cao, nhu cầu suy yếu và thị trường trái phiếu doanh nghiệp ngưng trệ.



BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh vĩ mô biến động phức tạp, HĐQT đã tăng cường các cuộc họp để nhận định tình hình, đưa ra các định hướng phù hợp, linh hoạt, kịp thời để Công ty vượt qua khó khăn, thách thức. HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, đồng thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

So với chỉ 8 cuộc họp vào năm trước, HĐQT đã tổ chức đến 25 cuộc họp trong năm 2022 để thảo luận nhiều vấn đề thường nhật cũng như phát sinh đột xuất, bên cạnh các hoạt động trao đổi, thảo luận trực tiếp và qua email với Ban điều hành. Nội dung cụ thể của các cuộc họp HĐQT trong năm 2022 như sau:



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01A/2021/ NQ-HĐQT	19/01/2022	Mua lại trái phiếu trước hạn	100%
2	01/2022/ NQ-HĐQT	24/01/2022	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	100%
3	02/2022/ NQ-HĐQT	25/01/2022	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ESOP	100%
4	02A/2022/ NQ-HĐQT	28/02/2022	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	100%
5	03/2022/ NQ-HĐQT	17/03/2022	Giảm vốn điều lệ tại Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	100%
6	04/2022/ NQ-HĐQT	24/03/2022	Bổ sung tài sản đảm bảo cho khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	05/2022/ NQ-HĐQT	12/04/2022	Gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
8	06/2022/ NQ-HĐQT	12/04/2022	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
9	07/2022/ NQ-HĐQT	14/04/2022	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
10	08/2022/ NQ-HĐQT	27/04/2022	Thông qua dự thảo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
11	09/2022/ NQ-HĐQT	27/04/2022	Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
12	10/2022/ NQ-HĐQT	17/05/2022	Giảm vốn điều lệ tại Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	100%
13	11/2022/ NQ-HĐQT	23/05/2022	Thông qua danh sách nhân sự ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026	100%
14	12/2022/ NQ-HĐQT	31/05/2022	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026	100%
15	13/2022/ NQ-HĐQT	23/06/2022	Chọn đơn vị kiểm toán năm 2022	100%
16	14/2022/ NQ-HĐQT	23/06/2022	Chi trả thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, Ủy ban Kiểm toán	100%
17	15/2022/ NQ-HĐQT	23/06/2022	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT	100%
18	16/2022/ NQ-HĐQT	23/06/2022	Chọn đơn vị tư vấn phát hành cổ phiếu năm 2022	100%
19	17/2022/ NQ-HĐQT	23/06/2022	Thay đổi nhân sự trưởng ban kiểm toán nội bộ	100%
20	18/2022/ NQ-HĐQT	23/06/2022	Điều chỉnh Sơ đồ tổ chức Công ty	100%
21	19/2022/ NQ-HĐQT	29/06/2022	Cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	100%
22	20/2022/ NQ-HĐQT	19/09/2022	Thông qua chủ trương thực hiện dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp KSB mở rộng tại địa bàn xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	100%
23	21/2022/ NQ-HĐQT	20/10/2022	Thông qua hệ thống chức danh, thang bảng lương và tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng phòng ban và tương đương trở lên	100%
24	22/2022/ NQ-HĐQT	14/11/2022	Thông qua quy chế khen thưởng	100%
25	23/2022/ NQ-HĐQT	25/11/2022	Phát hành cổ phiếu ra công chúng	100%

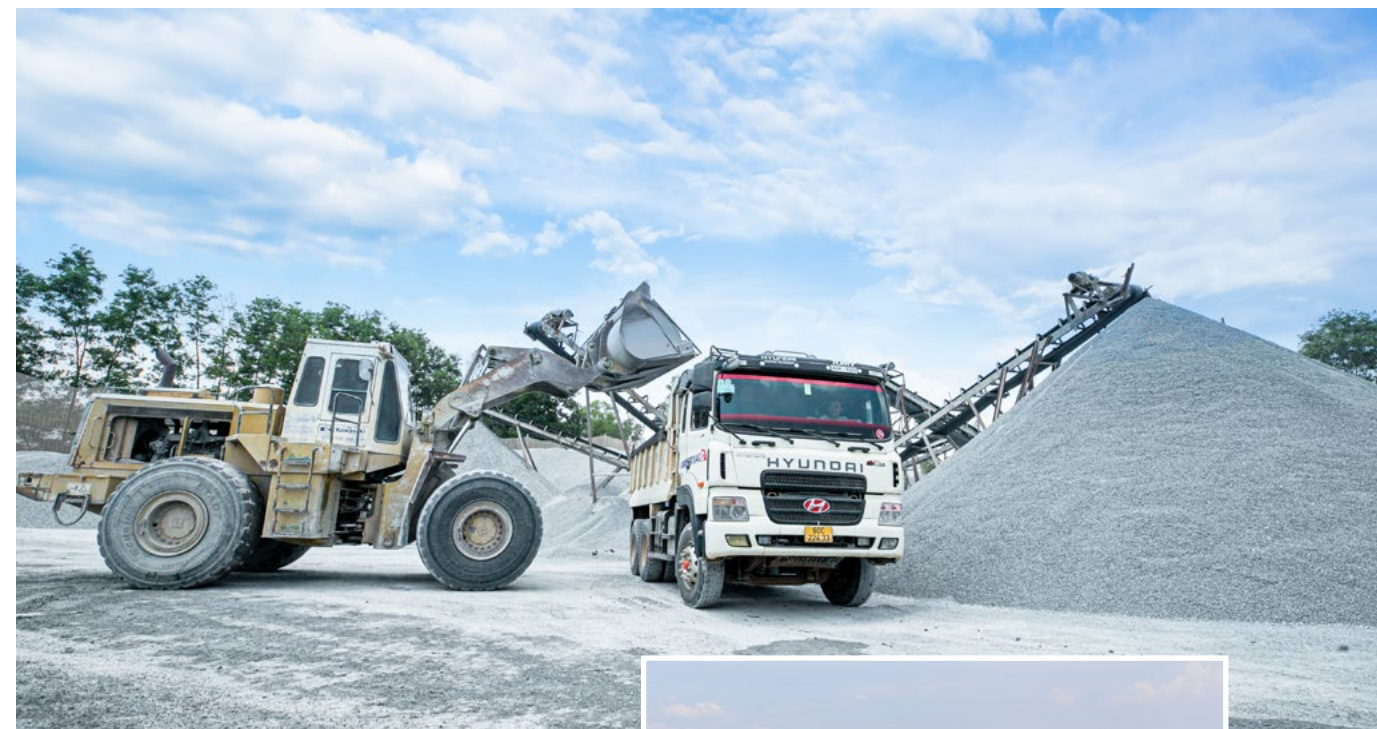
BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022

- ☆ Củng cố nhân sự HĐQT đảm bảo thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất.
- ☆ Đảm bảo cân đối nguồn vốn, sử dụng dòng tiền hợp lý cho các hoạt động SXKD và đầu tư để đạt được hiệu quả cao nhất, không làm tổn hại lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.
- ☆ Không ngừng nghiên cứu triển khai các chiến lược kinh doanh hiệu quả, bám sát thực tiễn thị trường, ngành đồng thời tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều bất định.
- ☆ Tiếp tục quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.
- ☆ Liên tục cập nhật và tìm phương pháp áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý và hoạt động của Công ty.
- ☆ Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Công ty. Ngoài ra, công tác an sinh xã hội, hỗ trợ các địa phương cũng được thực hiện đầy đủ, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ☆ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, cũng như các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động SXKD đều được công bố đúng thời hạn quy định tại trang web Công ty nhằm gia tăng tính minh bạch trong hoạt động của công ty.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH



- ☆ Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- ☆ HĐQT tập trung đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành tuân thủ đúng pháp luật, giám sát, chỉ đạo triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua.

- ☆ Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2023.

- ☆ Định kỳ hàng quý, HĐQT yêu cầu Ban Điều hành báo cáo kết quả kinh doanh, giám sát tiến độ, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình nắm được, HĐQT tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành, có chỉ đạo khắc phục tồn tại và triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.



- ☆ HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức công ty; tổ chức phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Điều hành; điều chỉnh Quy chế hoạt động, Quy chế tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực.

- ☆ Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022.

- ☆ Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục đích đảm bảo tính minh bạch và kịp thời đúng theo quy định.

BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BAN ĐIỀU HÀNH ĐÃ PHỐI HỢP TÍCH CỰC CÙNG HĐQT XỬ LÝ, THÁO GỖ NHỮNG VƯỚNG MẮC NHẪM TẠO MỌI ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI NHẤT CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Năm 2022, tình hình thế giới biến động rất nhanh, phức tạp, xung đột Nga - Ukraine kéo dài; Lạm phát thế giới tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa và hậu quả của đại dịch COVID-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; Rủi ro tài chính, tiền tệ.

Ở trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến giá nguyên vật liệu đầu vào.

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm, bên cạnh đó trong những tháng cuối năm 2022, tác động từ chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát dẫn

đến các doanh nghiệp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn phải hạn chế đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, dừng thi công công trình làm cho nhu cầu tiêu thụ sản phẩm ngành vật liệu xây dựng giảm sút.

Trước bối cảnh đối diện với nhiều khó khăn từ thị trường, đặc biệt là các khó khăn trong việc triển khai, giải ngân vốn đầu tư công và khó khăn của doanh nghiệp bất động sản - hai lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của KSB. Trong ngắn hạn, biên lợi nhuận của ngành Xây dựng đang chịu nhiều áp lực khi chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao và lượng cung

bất động sản trên thị trường nhà ở suy giảm, cũng như tác động lan tỏa từ đầu tư công chưa đạt kỳ vọng. Tuy nhiên nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng và bất động sản tại Việt Nam vẫn rất lớn và đang phát triển, ban Điều hành đã tích cực đề xuất các phương án kế hoạch giúp HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo đời sống cho người lao động, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như Quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ngoài ra, Ban Điều hành đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động đầu tư, SXKD, và tích cực đóng góp ý kiến giúp HĐQT có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế, đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ.

Năm 2022, địa bàn hoạt động chính của Công ty là Bình Dương và khu vực Đông Nam Bộ cũng bị ảnh hưởng chung về thị trường bất động sản và xây dựng đình trệ. Tuy nhiên với bản lĩnh vững vàng cùng với các giải pháp linh hoạt, tập thể KSB đã vượt qua thách thức và gặt hái kết quả kinh doanh khá tích

cực so với thị trường, với lợi nhuận sau thuế ghi nhận 152,08 tỷ đồng và doanh thu đạt 859,15 tỷ đồng, tương đương 81,7% kế hoạch.

Công ty luôn duy trì và thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, trang cấp các thiết bị an toàn tại các đơn vị, luôn xác định "An toàn mới sản xuất". Các đoàn kiểm tra đánh giá cao về mức độ chấp hành và bảo đảm an toàn tại các đơn vị SXKD trong quản lý sử dụng vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự. Công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty coi trọng và thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết.

Mặc dù gặp nhiều thách thức trong môi trường kinh doanh, nhưng Công ty luôn đảm bảo công việc ổn định và các chế độ phúc lợi cạnh tranh cho người lao động. Ngoài ra KSB còn tham gia tích cực các chương trình an sinh xã hội với tổng số tiền và hiện vật giá trị hơn 3,1 tỷ đồng. Bên cạnh đó là các chương trình thông qua Quỹ cộng đồng như: Tài trợ chi phí tổ chức cuộc thi toàn quốc sáng tác video clip; Hỗ trợ bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương; Hỗ trợ làm mới 02 phòng học và 01 phòng lưu trú giáo viên Trường PTDTBT tiểu học Lũng Hồ, Yên Minh, Hà Giang. Đây là những bằng chứng cho thấy nỗ lực thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.



BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022, thị trường bất động sản và xây dựng vừa mới phục hồi trở lại sau đại dịch Covid-19 đã lập tức bị tác động bởi môi trường lãi suất cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, chính sách tài khóa chưa thể mở rộng để thúc đẩy đầu tư công, hỗ trợ tăng trưởng. Bên cạnh lãi suất cao, nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị ách tắc bởi các sự cố trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khiến dòng tiền suy yếu, sức đề kháng trở nên yếu ớt. Nhu cầu của người dân có xu hướng yếu đi rõ rệt khi càng về cuối năm 2022, ảnh hưởng mạnh mẽ đến tổng cầu của nền kinh tế.

Với một tập thể năng động, sáng tạo, bản lĩnh vững vàng, KSB đã quyết liệt thực hiện các giải pháp đồng bộ, linh hoạt để vượt qua thách thức. Doanh thu thuần năm 2022 đạt mức 859,1 tỷ đồng, chỉ giảm nhẹ 2,8% so với năm trước. Trong khi đó, lợi nhuận trước thuế ở mức 184,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ghi nhận 152,1 tỷ đồng. Đây là thành tích đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, thể hiện nỗ lực vượt bậc của toàn thể CBNV Công ty và Ban lãnh đạo.

BAN ĐIỀU HÀNH ĐÃ PHỐI HỢP TÍCH CỰC CÙNG HĐQT XỬ LÝ, THÁO GỖ NHỮNG VƯỚNG MẮC NHẪM TẠO MỌI ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI NHẤT CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY,

Trong hoàn cảnh khó khăn, KSB đã tiến hành rà soát đối tác, khách hàng bị ảnh hưởng lớn từ Covid-19 hay thị trường để có chính sách hỗ trợ như giảm giá, giãn nợ, chiết khấu... với phương châm chia sẻ khó khăn, đồng hành cùng phát triển bền vững. Nhờ vậy, KSB luôn có một tệp khách hàng trung thành và gắn bó qua nhiều năm.

Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ tập trung đẩy mạnh đầu tư công. Đây là một lợi thế to lớn cho KSB và công ty sẽ tận dụng triệt để những lợi thế này để phát triển. Theo đó, với việc KSB đang sở hữu nhiều mỏ đá trữ lượng lớn như: Mỏ Tân Mỹ, Phước Vĩnh tại Bình Dương, mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai... Vị trí các mỏ đá này đều nằm gần các dự án cao tốc và chất lượng sản phẩm tốt. Công ty nhận thấy ngành khai thác vật liệu xây dựng lại tiếp tục được kỳ vọng cao trong thời gian tới nhờ đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt là các công trình cầu đường, xây dựng hạ tầng và thị trường miền Nam phục hồi sau dịch.



Để cụ thể hóa những lợi thế đó, Công ty đang đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành cấp phép Mỏ Tam Lập giai đoạn I. Công ty tiếp tục đưa vào quy hoạch xuống sâu mỏ đá Tân Mỹ, mở rộng xuống sâu mỏ đá Phước Vĩnh. Bên cạnh đó, tiếp tục đến bù mở rộng mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai để đón đầu các dự án đầu tư công trong thời gian tới. Ngoài ra, KSB đang đàm phán gia tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (VLB), doanh nghiệp đang sở hữu nhiều mỏ đá có trữ lượng lớn và tốt nhất khu vực Đông Nam Bộ.

Những nỗ lực không mệt mỏi trong thời gian qua đã giúp KSB củng cố vị thế hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng.

Trong năm qua, KSB tự hào được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý như: Top 10 Sao vàng Đất Việt, Giải thưởng Kinh doanh xuất sắc Châu Á Thái Bình Dương, Top 10 Báo cáo Thường niên Tốt nhất Mid Cap – Giải thưởng Doanh nghiệp Niềm yết Việt Nam...

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của mình, KSB luôn tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh, môi trường, thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Mặc dù hoạt động kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, Công ty luôn đảm bảo việc làm ổn định, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. Đồng thời luôn hoàn thành trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua các chương trình an sinh nhiều ý nghĩa.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

KINH TẾ THẾ GIỚI: CÒN NHIỀU BẤT ỔN CHƯA THỂ LƯỜNG TRƯỚC

Theo IMF, tăng trưởng toàn cầu năm 2022 ước đạt 3,2% nhưng dự báo sẽ tăng trưởng yếu hơn dự kiến trong năm 2023. Lý do chính yếu là các ngân hàng trung ương tiếp tục duy trì lãi suất cao để kiềm chế lạm phát; Trung Quốc tăng trưởng chậm do phong tỏa Covid kéo dài và khủng hoảng thị trường bất động sản; Cuộc xung đột tại Ukraine có thể gây ảnh hưởng sâu rộng lên nền kinh tế thế giới.

Fitch Ratings thì ước tính tăng trưởng toàn cầu năm 2022 chỉ ở mức 2,6%, dù có cải thiện so với mức dự báo trước đó khi kinh tế quý 4 có dấu hiệu hồi phục. Tuy nhiên, Fitch Ratings vẫn điều chỉnh giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023, đạt 1,4%, khi các ngân hàng trung ương mạnh tay hơn trong cuộc chiến chống lạm phát và triển vọng thị trường bất động sản của Trung Quốc xấu đi. Theo OECD, tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo đạt 3,1% năm 2022 và sẽ chậm lại ở mức 2,2% vào năm 2023. Triển vọng toàn cầu cũng ngày càng nghiêng về các nền kinh tế thị trường lớn mới nổi của châu Á chiếm gần 3/4 tăng trưởng GDP toàn cầu vào năm 2023, phản ánh sự suy giảm triển vọng kinh tế của Hoa Kỳ và châu Âu.

Thế giới đang trong giai đoạn có nhiều xáo trộn, lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, buộc các chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ, hộ gia đình siết chặt chi tiêu trong bối cảnh các khoản hỗ trợ tài chính liên quan đến Covid-19 đang dần cạn kiệt. Ngoài ra, tình hình còn phức tạp hơn khi xung đột giữa Nga và Ukraine có dấu hiệu kéo dài và tác động sâu rộng hơn. Trong khi đó, Trung Quốc chỉ mới mở cửa trở lại vào cuối năm 2022, khiến hoạt động kinh tế chưa thể hồi phục mạnh và rủi ro suy thoái vẫn còn hiện diện.



VIỆT NAM: KỶ VỌNG CẢI THIẾN RÕ NÉT VÀ TOÀN DIỆN TRONG NĂM 2023

Theo Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; Khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại từ Quý 4 do chính sách tiền tệ thắt chặt, nhu cầu xuất khẩu suy yếu và thị trường trái phiếu, bất động sản gặp khó khăn. Sản xuất công nghiệp Quý 4/2022 có xu hướng sụt giảm, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 7,69% so với năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) Quý 4/2022 tăng 3%, là mức tăng thấp nhất so với các quý của năm 2022 do đơn hàng sụt giảm, chi phí đầu vào ở mức cao và thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu.

Dòng vốn FDI bị chững lại do chính sách thắt chặt tiền tệ của các nền kinh tế phát triển, bất ổn chính trị toàn cầu và rủi ro suy giảm tăng trưởng kinh tế. Tổng vốn FDI tính đến ngày 20/12/2022 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài ước đạt gần 27,72 tỷ USD, giảm 11% so với năm trước. Nhu cầu bên ngoài suy yếu dẫn ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu và triển vọng thương mại năm 2023.

Năm 2023, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ không thể đạt được mức cao như năm 2022 do hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, thị trường bất động sản đóng băng và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm. Tuy nhiên, lạm phát năm 2023 kỳ vọng sẽ trong tầm kiểm soát khi áp lực bên ngoài dịu bớt, tạo dư địa cho chính sách tiền tệ và tài khóa nới lỏng vào nửa sau của năm.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC



TRIỂN VỌNG NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN - VẬT LIỆU XÂY DỰNG: CƠ HỘI TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÔNG

Năm 2022, Quốc hội đã thông qua Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022-2023 với tổng quy mô lên tới 347.000 tỷ đồng; Trong đó nguồn vốn thực hiện nhóm giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng lên tới 113.850 tỷ đồng, tập trung vào phát triển 13 dự án giao thông quan trọng (dự chi 103.164 tỷ đồng). Các dự án trọng điểm như cao tốc Bắc-Nam phía Đông, sân bay Long Thành được Chính phủ tập trung đẩy mạnh triển khai.

Việc thực hiện giải ngân đầu tư công trong năm 2022 đã không đạt như mong muốn. Vì vậy, hoạt động đầu tư công nhiều khả năng sẽ khởi sắc trong năm 2023, thúc đẩy triển vọng phát triển cơ sở hạ tầng trong năm tới khi các vấn đề về thiếu hụt nguồn cung đá, cát và giá vật liệu xây dựng cao hầu như đã được giải quyết. Các dự án hạ tầng giao thông đáng chú ý trong thời gian tới là cao tốc Bắc Nam (CTBN) phía Đông - giai đoạn 2, sân bay quốc tế

Long Thành, đường vành đai 4 (Hà Nội) và đường vành đai 3 (TP.HCM). Trong đó, dự án sân bay quốc tế Long Thành sẽ mở ra cơ hội cực kỳ to lớn cho mảng vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng.

Bất động sản công nghiệp vẫn duy trì khả năng thu hút đầu tư của các tập đoàn lớn toàn cầu và

ngày càng đóng vai trò năng động trong chuỗi giá trị của nhiều ngành công nghiệp chủ chốt. Nguồn vốn FDI vẫn duy trì tương đối khả quan và Việt Nam đang tiếp tục được hưởng lợi từ chiến lược dịch chuyển khỏi Trung Quốc. Hoạt động của các doanh nghiệp trong nước dù có chậm lại nhưng xu hướng mở rộng là tất yếu. Những yếu tố này đang ủng hộ cho đà tăng trưởng tích cực của bất động sản công nghiệp, vốn là một trong những lĩnh vực trọng yếu của KSB.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH

- ☆ Chất lượng sản phẩm được đánh giá cao, đặc biệt là vật liệu xây dựng cao cấp như đá ly tâm, cát nhân tạo.
- ☆ Uy tín thương hiệu trong suốt 30 năm hoạt động.
- ☆ Có các mỏ đá xây dựng tại vị trí đặc địa, gần các khu vực đang phát triển, đẩy mạnh đầu tư công, các khu đô thị, khu công nghiệp và các thành phố của Đông Nam Bộ. Đồng thời, KSB đang tiến hành đầu tư vào các mỏ mới và công ty khác trong ngành để mở rộng quy mô cung cấp.
- ☆ Công nghệ sản xuất tiên tiến và luôn được cập nhật, đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và năng suất.
- ☆ Sở hữu bất động sản công nghiệp lớn trong khu vực, có vị trí thuận lợi cho các hoạt động sản xuất và giao thương, hệ thống hạ tầng cơ sở được đầu tư xây dựng hiện đại.

ĐIỂM YẾU

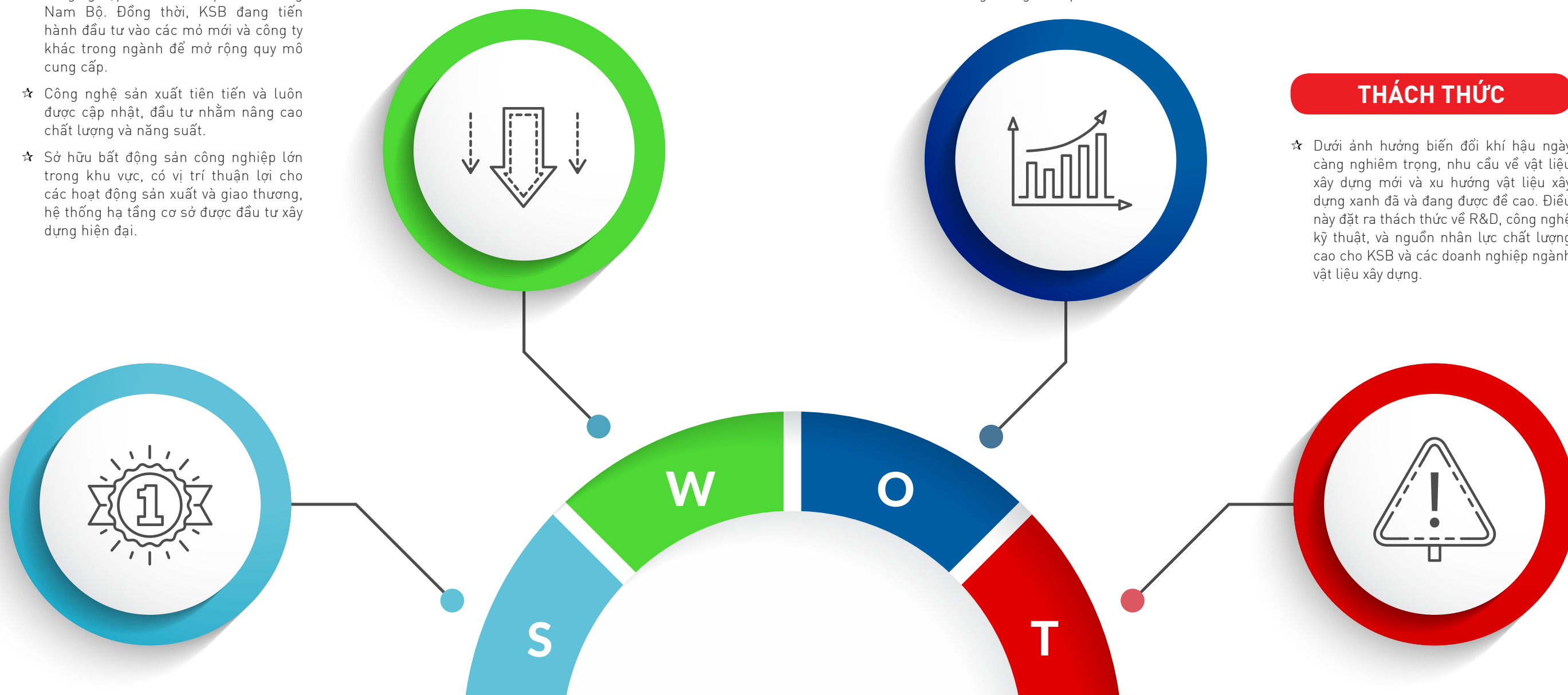
- ☆ Tiến độ xin cấp phép mỏ mới và mở rộng mỏ hiện hữu có thể ảnh hưởng đến sản lượng của KSB trong thời gian tới.
- ☆ Tăng cường quản lý về môi trường, gia tăng nhu cầu về vật liệu xanh ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của KSB.

CƠ HỘI

- ☆ Nhiều dự án đầu tư công đang được Chính phủ đẩy mạnh, chính sách tiền tệ nới lỏng để phục hồi kinh tế, tạo cơ hội to lớn cho ngành vật liệu xây dựng. Trong khi đó, Đông Nam Bộ là khu vực được dự báo tăng trưởng năng động nhất cả nước và cũng là khu vực hoạt động chính của KSB.
- ☆ Xu hướng đô thị hóa và nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng như sân bay, cảng biển, đường cao tốc... ngày càng gia tăng, mang đến cơ hội tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho các doanh nghiệp ngành xây dựng - vật liệu xây dựng nói chung và KSB nói riêng.
- ☆ Làn sóng dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam đã và đang tạo cơ hội phát triển cho mảng cho thuê bất động sản khu công nghiệp. Đây là một trong những lĩnh vực kinh doanh được KSB chú trọng trong những năm qua.

THÁCH THỨC

- ☆ Dưới ảnh hưởng biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, nhu cầu về vật liệu xây dựng mới và xu hướng vật liệu xây dựng xanh đã và đang được đề cao. Điều này đặt ra thách thức về R&D, công nghệ kỹ thuật, và nguồn nhân lực chất lượng cao cho KSB và các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng.



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

Dựa trên phân tích triển vọng kinh tế, triển vọng ngành và điểm mạnh - điểm yếu, thách thức - cơ hội, KSB xác định chiến lược phát triển và mục tiêu của công ty trong trung dài hạn như sau:

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ☆ Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của Công ty.
- ☆ Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới.
- ☆ Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...
- ☆ Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.
- ☆ Giữ vững vị thế của công ty trên thị trường, sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- ☆ Công ty tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
- ☆ Thực hiện đúng các qui định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- ☆ Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.
- ☆ Sản xuất vật liệu xây dựng nguyên liệu chủ yếu từ khoáng sản, bằng công nghệ hiện đại, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.
- ☆ Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư phục vụ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhu cầu của người dân.
- ☆ Khai thác các nguồn lực, tiềm năng hiện có: Quỹ đất, cơ sở hạ tầng của mỏ sau cải tạo phục hồi môi trường để kinh doanh dịch vụ tạo nguồn thu mới.

CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

VỚI HOẠT ĐỘNG CHÍNH LÀ KHOÁNG SẢN, KHAI KHOÁNG, CÓ ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, CÔNG TY LUÔN Ý THỨC ĐƯỢC VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI. SAU ĐÂY LÀ MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI:

Đối với môi trường

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hoá các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực. Đồng thời, KSB luôn chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác...

Đối với xã hội, cộng đồng

- ☆ Bảo vệ sức khoẻ an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- ☆ Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- ☆ Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng cho phép.



BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT được thành lập ngày 21/05/2021 căn cứ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 20/04/2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ngày 06/09/2022, HĐQT đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán theo Quyết định số 30/2022/KSB/QĐ-HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán của KSB hiện có hai thành viên, đều là các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán-kiểm toán, quản trị doanh nghiệp.

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Hoàng Nguyên Bình	Chủ tịch	21/05/2021	2/2	100%
2	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	21/05/2021	2/2	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Năm qua, Ủy ban Kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các bộ phận quản lý khác của Công ty, cụ thể:

- ☆ Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong việc ban hành và triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Điều hành.
- ☆ Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty.
- ☆ Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính công ty trong kỳ.
- ☆ Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- ☆ Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- ☆ Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty.
- ☆ Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán.
- ☆ Đánh giá việc tuân thủ các quy trình, chính sách pháp luật, điều lệ, quy chế và các quy định, quyết định...
- ☆ Kiểm tra, xem xét tính tuân thủ các chính sách và quy trình kế toán cũng như việc đánh giá tính chính xác của các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.
- ☆ Đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm soát đảm bảo an toàn vốn và tài sản của công ty.
- ☆ Đánh giá việc vận hành, chiến lược của Công ty thông qua các thông tin tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

- ☆ HĐQT, Ban Điều hành điều hành và các cán bộ quản lý thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ủy ban Kiểm toán thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.
- ☆ Ủy ban Kiểm toán có những hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời về các quy định mới cũng như có những ý kiến đóng góp trong các quy trình liên quan đến quản trị công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thành viên Độc lập HĐQT đóng vai trò tham mưu, chất vấn và giám sát các hoạt động quản trị công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành, đóng góp vào sự cải thiện hiệu quả hoạt động quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch và bảo vệ cho quyền lợi cổ đông kể cả cổ đông thiểu số.

Hiện HĐQT có 02 thành viên Độc lập HĐQT, nhằm tăng cường khả năng hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập cũng như nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị.

Thành viên Độc lập HĐQT nhận thấy HĐQT đã tổ chức và hoạt động tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ, và Quy chế hoạt động của Công ty. Đồng thời, HĐQT cũng đưa ra các định hướng chiến lược và chỉ đạo điều hành kịp thời giúp KSB vượt qua môi trường kinh doanh khó khăn và đạt được mục tiêu đề ra. Ban Điều hành và HĐQT đã có sự phối hợp nhịp nhàng để có những quyết sách đúng đắn trong năm vừa qua.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

 **766,31** TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022
 tại ngày 31/12/2022

THÔNG TIN CỔ PHẦN TẠI NGÀY 31/12/2022

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số cổ phiếu phát hành: 76.631.202 cổ phiếu

• **Cổ phiếu đang lưu hành:** 76.631.202 cổ phiếu

• **Cổ phiếu quỹ:** 335.400 cổ phiếu

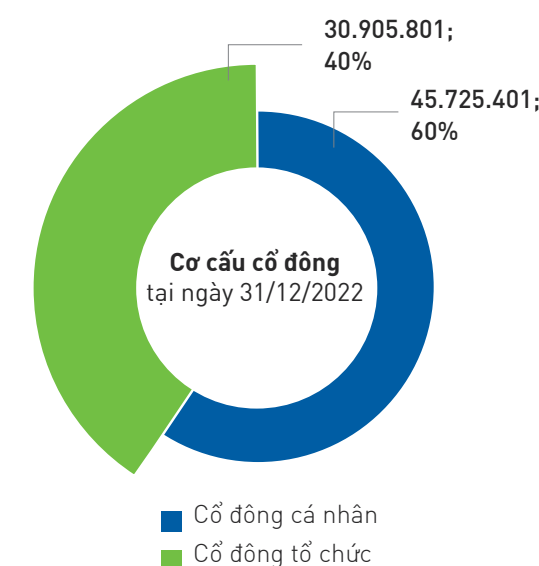
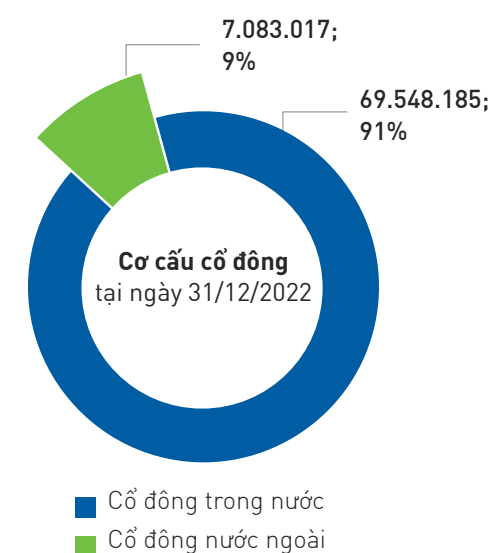
Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 76.295.802 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 3.000.000 cổ phần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2022

STT	Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	11.083	69.548.185	91
1.1	Cá nhân	11.044	45.564.783	59
1.2	Tổ chức	39	23.983.402	31
2	Cổ đông nước ngoài	110	7.083.017	9
2.1	Cá nhân	84	160.618	0
2.2	Tổ chức	26	6.922.399	9
Tổng cộng		11.193	76.631.202	100
	Cá nhân	11.128	45.725.401	60
	Tổ chức	65	30.905.801	40



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Ý THỨC ĐƯỢC TẦM QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN, HĐQT VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY LUÔN CHỈ ĐẠO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH VÀ ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, QUY TRÌNH THỦ TỤC LUÔN ĐƯỢC TUÂN THỦ MỘT CÁCH TUYỆT ĐỐI.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

KSB luôn tâm niệm theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, quản trị minh bạch, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Công ty và các bên liên quan, trách nhiệm với cộng đồng - xã hội. Vì vậy, hoạt động quan hệ nhà đầu tư luôn được Công ty chú trọng ngay từ khi niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty luôn tuân thủ các chuẩn mực Quản trị Công ty được quy định trong văn bản lập quy và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN. Lãnh đạo Công ty luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các bên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động. Công ty luôn đảm bảo tính chất lượng và độ xác thực, tin cậy, kịp thời của những thông tin cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư để góp phần phát triển bền vững cho KSB.

Với xu thế chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, các hoạt động gặp gỡ nhà đầu tư trong và ngoài nước được đẩy mạnh qua các kênh truyền thông trực tuyến như: Website, Email, Zoom, Webex Meeting, Google meet... Khi có phát sinh giao dịch, Công ty đều chủ động công bố thông tin đầy đủ đối với các giao dịch liên quan. KSB xây dựng hệ thống làm việc online qua ứng dụng Bitrix24, nhằm đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời, các sự kiện

không bị đình trệ. Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty cũng đã nâng cấp website với các tính năng hiện đại, thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

Ban Lãnh đạo đã cùng Văn phòng HĐQT liên tục tiếp đón nhiều cổ đông, các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, công ty chứng khoán, đối tác chiến lược... để trả lời những thông tin nhà đầu tư quan tâm về công ty, kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch các dự án và chiến lược phát triển trung và dài hạn. Thông qua các buổi gặp gỡ trực tiếp, tham dự ĐHĐCĐ, cũng như xem Báo cáo thường niên, cổ đông và nhà đầu tư đã có cái nhìn rõ ràng toàn cảnh về KSB, từ đó đã có những phản hồi, đóng góp tích cực cho định hướng hoạt động cũng như chiến lược phát triển của công ty. Hàng năm, Công ty luôn duy trì trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu nhằm đảm bảo quyền lợi tài chính cho bên cấp vốn.

Với những nỗ lực này, Công ty thường xuyên lọt vào Top 10 Doanh nghiệp niêm yết vốn hóa vừa có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất, Doanh nghiệp đạt chuẩn Công bố thông tin trên TTCK... Đây là minh chứng cho việc thông tin minh bạch, đầy đủ, cấu thị của Công ty đối với người đọc, cổ đông, đối tác, nhà đầu tư cũng như các bên liên quan. Ngoài ra, KSB cũng liên tục nhận được các giải thưởng danh giá khác như Top 10 Sao Vàng Đất Việt, Giải thưởng kinh doanh xuất sắc Châu Á – Thái Bình Dương...



QUẢN TRỊ RỦI RO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CỦA KSB ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TƯƠNG ƯNG VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ TRÊN PHẠM VI TOÀN CÔNG TY. CÁC RỦI RO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN, CHỦ TRÌ THỰC HIỆN Ở CẤP LÃNH ĐẠO CAO NHẤT DỰA TRÊN CÁC BÁO CÁO CHI TIẾT CỦA TẤT CẢ PHÒNG BAN, BỘ PHẬN.

TỪ CÁC RỦI RO VÀ MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH SẼ TRỰC TIẾP ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI.



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: Giá nguyên vật liệu tăng, giá dầu, năng lượng... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp xây dựng, khai khoáng nói riêng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường trong tương lai, đặc biệt đối với doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn trong tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.



RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế quốc tế, do đó nhiều văn bản pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp), chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng Khoán), Thuế (Thu nhập Doanh nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) và các luật khác đã và đang được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Do đặc thù ngành nghề của Công ty nên doanh thu của KSB phụ thuộc lớn vào mảng khai thác và chế biến khoáng sản. Đồng thời, bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản cũng có những tác động đến môi trường và dân cư (vận chuyển làm hỏng đường, nổ mìn gây sạt lún, hư hỏng các công trình xây dựng của người dân...) có thể làm gián đoạn hoạt động khai thác, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Các ngành nghề còn lại đang hoạt động với tính chất nhỏ lẻ, chiếm thị phần nhỏ và khả năng cạnh tranh còn yếu trên thị trường. Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc quản trị tài nguyên của quốc gia nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Việt Nam vẫn luôn nằm trong danh sách các nước có chỉ số quản trị tài nguyên tương đối thấp, dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động kém hiệu quả.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Trong tình trạng trữ lượng tài nguyên khai thác không tái tạo được ngày càng sụt giảm, cộng với đó là sự hạn chế trong việc quản trị tài nguyên môi trường dẫn đến những khó khăn đặc trưng cho Công ty. Ngoài ra, các yếu tố về trữ lượng, hàm lượng khoáng, chất lượng khoáng sản khai thác... cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



RỦI RO ĐẦU RA

Trong lịch sử, giá của khoáng sản đã giảm từ 2-4 lần vào thời kỳ khủng hoảng. Điều này cho thấy ngành khoáng sản rất nhạy cảm với hiện trạng của nền kinh tế.



RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Hầu hết các mỏ đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của dư luận.



RỦI RO CẠNH TRANH TRONG NỘI BỘ NGÀNH

Hiện nay cả nước có khoảng 2.000 điểm khai thác - chế biến khoáng sản có đăng ký hợp pháp, bên cạnh hàng trăm nghìn cơ sở khai thác bất hợp pháp khác cùng cạnh tranh với nhau. Cạnh tranh chủ yếu giữa các doanh nghiệp cùng khai thác một loại khoáng sản là cạnh tranh về giá, cạnh tranh về hàm lượng khoáng sản tinh chế, cạnh tranh trong việc xin cấp phép mỏ.



RỦI RO TRONG VIỆC THĂM DÒ, KHAI THÁC

Một đặc thù của ngành khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí, nhiều thời gian (2-3 năm), nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lí do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí sẽ là rất lớn. Bên cạnh đó, việc được cấp phép thăm dò và khai thác các mỏ mới được áp dụng theo hình thức đấu thầu, do vậy chi phí ban đầu càng bị đẩy lên cao.



RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Hàng năm, Công ty luôn có chính sách mua bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn. Mức bảo hiểm đủ để Công ty không bị thiệt hại khi có sự cố bất khả kháng xảy ra.

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY, THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY

Stt.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP DRH Holding	Chủ tịch HĐQT	19.099.025	25,03%	22.799.025	29,88%	Mua

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Stt.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT/Cổ đông lớn	3.025.440	4,13%	3.525.440	4,62%	ESOP
2	Công ty CP DRH		19.099.025	25,03%	29,88%	Mua	
3	Nguyễn Quốc Phòng		122.040	0,17%	302.040	0,4%	ESOP
4	Nguyễn Quốc Phòng		302.040	0,4%	180.040	0,24%	Bán
5	Trần Đình Hà		398.970	0,54%	728.970	0,96%	ESOP
6	Tôn Thất Diên Khoa		191.400	0,26%	371.400	0,49%	ESOP
7	Hoàng Nguyên Bình		110.000	0,15%	290.000	0,38%	ESOP
8	Nguyễn Hoàn Sơn		110.880	0,15%	160.880	0,21%	ESOP
9	Nguyễn Hoàng Tâm		162.809	0,22%	292.809	0,38%	ESOP
10	Đặng Quang Thung		52.650	0,07%	70.050	0,09%	ESOP
11	Nguyễn Văn Đông		140.050	0,19%	190.050	0,25%	ESOP
12	Lê Hoài Nam		165.888	0,23%	265.888	0,35%	ESOP



03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

72 Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022

80 Phân tích tình hình tài chính



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022 là năm đầu tiên mở cửa nền kinh tế hoàn toàn sau đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp chưa có dấu hiệu phục hồi hoàn toàn. Bên cạnh đó, chính sách thắt chặt tiền tệ trong nước cũng như toàn cầu đã tác động tiêu cực đến triển vọng nền kinh tế. Thị trường bất động sản và vật liệu xây dựng chịu ảnh hưởng từ môi trường lãi suất cao, nhu cầu suy yếu và thị trường trái phiếu doanh nghiệp ngưng trệ. Tuy nhiên, KSB đã nỗ lực khắc phục và đưa ra các giải pháp linh hoạt. Ban Điều hành đã bám sát các chủ trương của Hội đồng Quản trị, các quy định

của địa phương, xử lý kịp thời những vướng mắc tại các đơn vị, có các biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động, đồng sức đồng lòng tiếp tục vượt qua khó khăn.

Doanh thu thuần năm 2022 đạt mức 859,1 tỷ đồng, chỉ giảm nhẹ 2,8% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế ở mức 184,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ghi nhận 152,1 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng tài sản đạt hơn 4.243 tỷ đồng so với đầu năm khoảng 3.984 tỷ đồng, tăng hơn 6,5%, vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng, đầu năm hơn 1.788 tỷ đồng, cuối năm hơn 1.941 tỷ đồng. Đây là thành tích đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

1 Khai thác đá xây dựng	: 4.957.245 tấn - Đạt 84,2 % Kế hoạch.
- XN Phước Vĩnh	: 1.770.874 tấn
- XN Tân Mỹ	: 2.408.660 tấn
- HTX Thăng Long	: 777.711 tấn
2 Cao lanh	
- Tiêu thụ cao lanh nguyên khai	: 4.302 m ³ - Đạt 143% Kế hoạch.
- Cao lanh lọc	: 0 tấn
- SX Cao lanh bột	: 4.403,75 tấn - Đạt 70% Kế hoạch.
- TT Cao lanh bột	: 4.456 tấn - Đạt 71% Kế hoạch.
- Cát trắng tận thu	: 0 m ³
3 Sét Phước Hòa	: 0 m³
4 Cống bê tông	: 60.930 m - Đạt 94% Kế hoạch.
5 Công ty KSB IDC	
- Doanh thu	: 350.700.000.000 đồng - Đạt 59% Kế hoạch.
- Lợi nhuận	: 99.611.255.623 đồng - Đạt 67% Kế hoạch.



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

CÔNG TÁC MỎ, ĐẤT ĐAI

CÔNG TÁC MỎ

- ☆ KSB đang sở hữu nhiều mỏ đá trữ lượng lớn như: mỏ Tân Mỹ, Phước Vĩnh tại Bình Dương, mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai... Với vị trí nằm gần các dự án đầu tư công sắp triển khai đồng thời có chất lượng sản phẩm tốt, đây là tiềm năng to lớn để KSB có thể tận dụng và tăng tốc phát triển trong thời gian tới.
- ☆ Cụ thể, KSB đang đẩy nhanh hoàn thành cấp phép Mỏ Tam Lập giai đoạn I, đưa vào quy hoạch xuống sâu mỏ đá Tân Mỹ, mở rộng xuống sâu mỏ đá Phước Vĩnh và tiếp tục đền bù mở rộng mỏ Thiện Tân 7 tại Đồng Nai.
- ☆ KSB cũng có định hướng gia tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (VLB), là doanh nghiệp đang sở hữu nhiều mỏ đá có trữ lượng lớn ở khu vực Đông Nam Bộ.

ĐẤT ĐAI

Tính đến 31/12/2022, quỹ đất ở các mỏ khoáng sản Công ty đang quản lý và sử dụng là: 224,25 ha. Cụ thể như sau:

Stt	Tên mỏ	Diện tích cấp phép (m ²)	Diện tích trong ranh cấp mỏ (m ²)			Diện tích ngoài ranh mỏ làm mặt bằng chế biến và công trình phụ trợ	Tổng diện tích đã đền bù mỏ, sân công nghiệp và CT phụ trợ	Thời hạn còn lại theo giấy phép
			Đã đền bù	Đã đưa vào khai thác	Chưa khai thác			
1	Mỏ đá Tân Mỹ	409.600	267.900	102.643	39.057	137.932	508.475	Đến 28/08/2029
2	Mỏ Phước Vĩnh	296.200	296.200			265.147	561.347	Hết hạn 13/01/2023 (đang xin gia hạn)
3	Mỏ đá Thiện Tân 7	122.661	54.495	38.880	29.286	9.403	102.778	Đến 29/01/2035
4	Mỏ đá Tam Lập	200.000	-	140.000	60.000	250.450	390.450	
5	Mỏ sét Bó Lá	334.000	87.055	162.432	84.513	11.000	260.487	GĐ 1: Đến 29/09/2021 GĐ 2: Dự kiến 12,6 năm kể từ ngày cấp phép
6	Mỏ cao lanh Tân Lập	240.000	157.052		50.000	28.297	185.349	Hết hạn 10/2021 (đang đóng cửa mỏ)
7	Mỏ cao lanh Minh Long	640.000	38.550	106.049	491.262	4.139	148.738	Đến 07/03/2038 (đang tạm dừng khai thác)
Cộng		2.242.461	901.252	550.004	754.118	706.368	2.157.624	

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

CÔNG TY KSB IDC

Stt	Nội dung	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Đền bù mở rộng, xây dựng hạ tầng:	41.812.836.364	
	- Đền bù mở rộng khu B	40.000.000.000	
	- Xây dựng hạ tầng khu TMDV	1.812.836.364	
2	Sửa chữa	954.907.273	
	- Sửa chữa kho chứa bùn khu A và làm mới nhà kho chứa bùn khu B	807.407.273	
	- Sửa chữa trạm quan trắc online	147.500.000	
3	Mua sắm mới TSCĐ	2.690.000.000	
	- Mua xe ô tô	2.690.000.000	
Tổng cộng		45.457.743.637	

Năm 2022, đã có kế hoạch đền bù nhưng còn vướng các thủ tục và giá đất tăng cao nên chưa thực hiện được.

ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SXKD KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Stt	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
I	Máy móc thiết bị	10.439.113.000	
1	Đầu tư mới	3.013.396.500	
2	Sửa chữa lớn máy móc thiết bị	7.425.716.500	
II	Công tác mỏ khoáng sản	13.678.794.000	
1	Nhận công tác chuyển nhượng 4.660 m ² để mở rộng mỏ Phước Vĩnh	3.680.000.000	
2	Nhận chuyển nhượng 5.162 m ² để mở rộng mỏ Thiện Tân 7	9.998.794.000	
	- Đã thanh toán	5.000.000.000	
	- Chuyển sang năm 2022	4.998.794.000	
3	Chi phí tư vấn hồ sơ mỏ	3.669.681.000	
	- Trung tâm quan trắc - Sở TNMT	100.000.000	
	- Hồ sơ mỏ sét Bó Lá	940.500.000	
	- Hồ sơ mỏ Tâm Lập	1.525.000.000	
	- Đề tài nghiên cứu xuống sâu mở rộng mỏ Phước Vĩnh và mỏ Tân Mỹ	1.104.181.000	
Tổng cộng		24.117.907.000	

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

LAO ĐỘNG, ĐÀO TẠO



CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, ĐÀO TẠO

KSB luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, trình độ cao là một thế mạnh cạnh tranh vượt trội của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay. Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, bình đẳng, và luôn trao cơ hội hội thăng tiến cho CBNV nhằm giúp họ phát huy hết năng lực bản thân, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Tổng số lao động của KSB tại thời điểm cuối năm 2022 đạt 310 người, trong đó lao động có trình độ Đại học và trên Đại học chiếm đến 33%, Cao đẳng - Trung cấp chiếm 10% và Công nhân kỹ thuật chiếm 57% do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng.



310 NGƯỜI
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/21/2022

Dù là một năm có hoạt động khó khăn nhưng KSB vẫn duy trì mức thu nhập khá cao cho toàn thể CBNV. Cụ thể, mức lương bình quân đạt 14,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 5% so với năm trước. Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật với tổng số tiền lần lượt ở mức: 3,6 tỷ đồng, 622 triệu và 52 triệu đồng. Điều này cho thấy nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo KSB trong hoàn cảnh khó khăn chung khi doanh nghiệp bị tác động bởi môi trường lãi suất cao, thắt chặt tiền tệ và thị trường bất động sản ảm đạm.

Công ty liên tục tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện kỹ thuật cho người lao động đồng thời đưa cán bộ cấp quản lý và công nhân tiêu biểu tham gia các lớp tập huấn nâng cao tay nghề do các đơn vị khác tổ chức. Các lớp đào tạo nội bộ về an toàn lao động, an toàn vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cũng được tổ chức cho CBNV làm việc trực tiếp trong môi trường có nhiều yếu tố rủi ro nhằm nâng cao nhận thức của người lao động.

Năm 2022, KSB đã tổ chức nhiều khóa học đa dạng, với tổng số lượt người tham dự đạt 174 lượt, với tổng chi phí gần 75 triệu đồng. Bên cạnh đó, KSB tổ chức các cuộc trao đổi quy mô nhỏ, nhằm chia sẻ kinh nghiệm nghiệp vụ, giúp CBNV nắm vững các kỹ năng yêu cầu trong công việc.



14,2 TRIỆU ĐỒNG/
NGƯỜI/THÁNG
MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN
NĂM 2022



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Ban An toàn của Công ty thường xuyên kiểm tra công tác an toàn và yêu cầu các đơn vị khắc phục các nguy cơ có thể xảy ra tai nạn. Công ty luôn duy trì và thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, trang cấp các thiết bị an toàn tại các đơn vị, luôn xác định và quán triệt "An toàn mới sản xuất". Các đoàn kiểm tra đánh giá cao về mức độ chấp hành và bảo đảm an toàn tại các đơn vị SXKD trong quản lý sử dụng vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự.

Công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty coi trọng và thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Thực hiện đầy đủ các hồ sơ đã cam kết theo đúng Quy định của Pháp luật: Đăng ký

chủ nguồn chất thải nguy hại, hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt; Giấy phép xả thải vào nguồn nước; Giấy phép khai thác và sử dụng nước ngầm; Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ; Nộp tiền ký quỹ bảo vệ môi trường đối với các mỏ khoáng sản. Thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đúng cam kết.

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí: Phun tưới nước tại những vị trí phát tán bụi của máy xay nghiền đá; Tưới nước dọc các tuyến đường vận chuyển; Trồng cây xanh xung quanh mỏ, nhà xưởng, khu vực sản xuất. Chờ hàng đúng khổ, đúng tải, phủ bạt kín thùng xe, quét dọn đường vận chuyển.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn nhưng KSB vẫn luôn tích cực hỗ trợ Bình Dương và nhiều tỉnh thành khác trong công tác an sinh xã hội, cộng đồng với tổng chi phí đạt hơn 3,1 tỷ đồng.

Cụ thể, trong năm 2022, KSB đã hỗ trợ 1,8 tỷ đồng góp phần chung tay cùng Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, tỉnh Bình Dương chăm lo cho trẻ em khó khăn, mồ côi trong chương trình "Mẹ đỡ đầu - Yêu thương và sẻ chia".

Ngoài ra, KSB còn tài trợ cho nhiều chương trình ý nghĩa khác như:

- ☆ Tài trợ chương trình tuyên truyền phòng chống Covid-19 phạm vi toàn quốc.
- ☆ Hỗ trợ các địa phương chăm lo cho các gia đình chính sách, hộ nghèo.
- ☆ Hỗ trợ xây dựng phòng học cho học sinh Trường PTDTBT tiểu học Lũng Hồ, Yên Minh, Hà Giang.



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	2022 so với 2021 (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.168,99	1.313,99	1.322,46	884,27	859,15	-2,84
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	598,45	673,12	719,34	472,06	542,11	14,84
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	570,55	640,87	603,11	412,22	317,00	-23,10
Doanh thu hoạt động tài chính	21,52	32,14	63,01	102,75	93,90	-8,61
Chi phí tài chính	30,37	81,50	101,47	94,59	135,11	42,83
- Trong đó: Chi phí lãi vay	30,29	80,59	99,04	94,58	135,11	42,85
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	(2,04)	(6,51)	(4,34)	(5,26)	(2,21)	-57,98
Chi phí bán hàng	74,38	89,17	88,89	55,05	40,31	-26,78
Chi phí quản lý doanh nghiệp	84,06	83,13	73,06	61,72	52,95	-14,21
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	401,22	412,68	398,36	298,35	180,32	-39,56
Thu nhập khác	25,33	20,65	21,20	18,53	27,11	46,30
Chi phí khác	17,54	18,16	17,61	15,57	23,34	49,91
Lợi nhuận khác	7,79	2,49	3,59	2,96	3,77	27,30
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	409,01	415,18	401,95	301,31	184,09	-38,90
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	327,70	330,14	327,76	252,81	152,08	-39,84

DOANH THU DUY TRÌ KẾT QUẢ ĐÁNG KHÍCH LỆ DÙ BỐI CẢNH NGÀNH CÒN KHÓ KHĂN

Năm 2022 là năm mà nền kinh tế mở cửa hoàn toàn trở lại đầu tiên kể từ sau đại dịch Covid-19. Hoạt động của nhiều doanh nghiệp chưa thể hồi phục hoàn toàn, sức khỏe chung của nền kinh tế vẫn còn "ốm yếu", đặc biệt là ngành xây dựng và bất động sản.

Điều này đã có tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ở khu vực kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ. Tuy vậy, các con số tài chính của năm qua cho thấy KSB vẫn duy trì được nhiều kết quả tích cực và đáng khích lệ so với tình hình chung.

Cụ thể, doanh thu thuần năm 2022 được ghi nhận ở mức 859,11 tỷ đồng, chỉ giảm nhẹ 2,85% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 317 tỷ đồng, giảm 23,1% so với năm trước chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng mạnh 14,84% lên mức 542,11 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính như lãi tiền gửi, cổ tức nhận được duy trì ở mức cao 93,9 tỷ đồng, giúp Công ty bù trừ khoản chi phí lãi vay 135,1 tỷ đồng.



859,15

TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN NĂM 2022
chỉ giảm nhẹ 2,85% so với năm trước

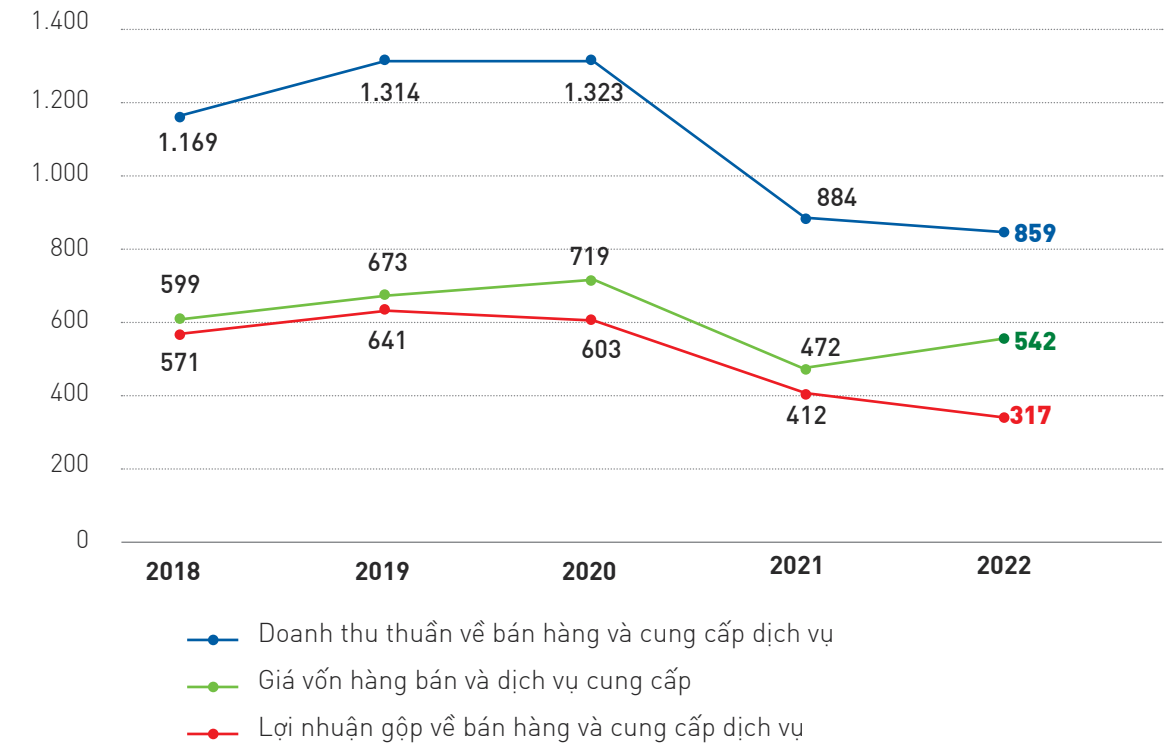


317

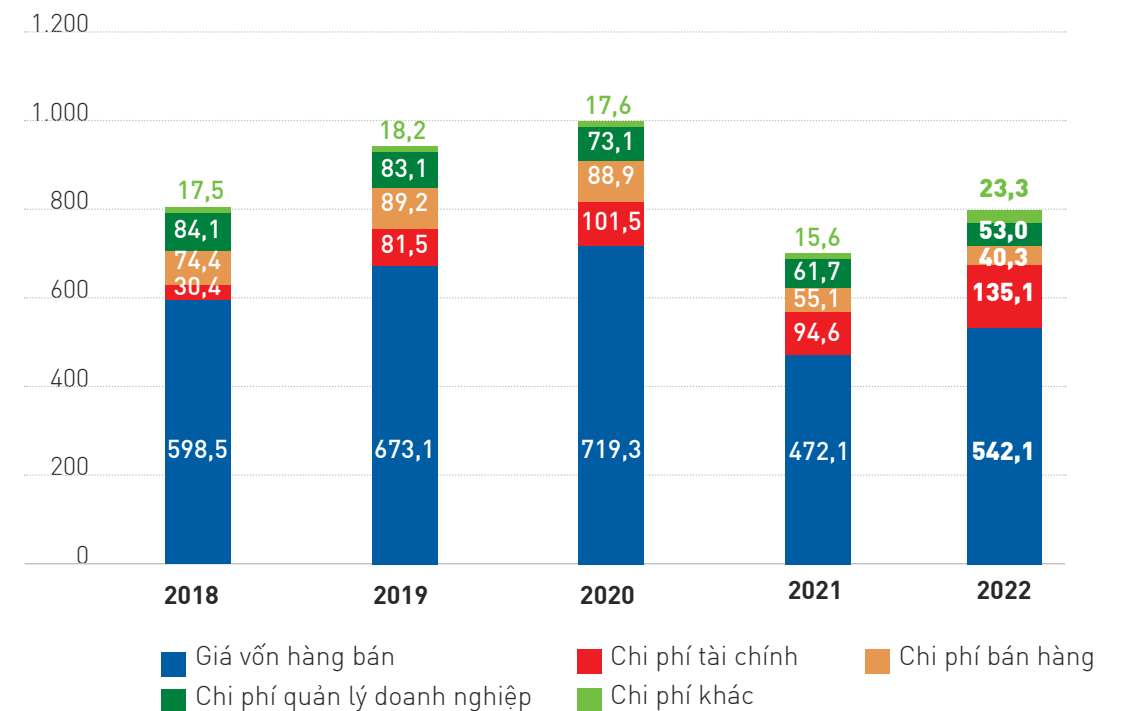
TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2022
giảm 23,1% so với năm trước
do giá vốn hàng bán tăng mạnh

Biến động Doanh thu - Lợi nhuận gộp
(ĐVT: Tỷ đồng)



Cấu trúc các loại chi phí
(ĐVT: Tỷ đồng)

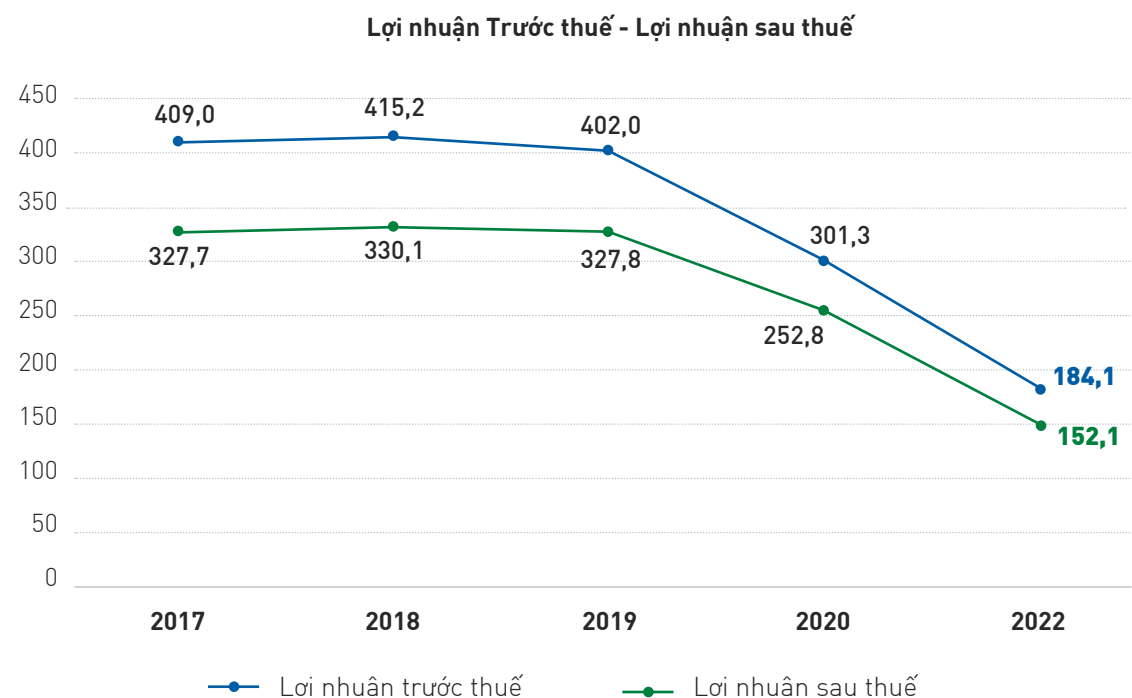


PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chi phí/Doanh thu thuần	2018	2019	2020	2021	2022
Giá vốn hàng bán	51,2%	51,2%	54,4%	53,4%	63,1%
Chi phí tài chính	2,6%	6,2%	7,7%	10,7%	15,7%
Chi phí bán hàng	6,4%	6,8%	6,7%	6,2%	4,7%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,2%	6,3%	5,5%	7,0%	6,2%
Chi phí khác	1,5%	1,4%	1,3%	1,8%	2,7%

Như đã đề cập ở trên, chi phí giá vốn hàng bán và chi phí tài chính có đã sự gia tăng so với năm trước, tác động đến biên lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, KSB đã cho thấy hiệu quả rất cao trong công tác quản trị chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp – là hai khoản mục lớn trong cấu trúc chi phí của Công ty.

Cụ thể, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 lần lượt ở mức 40,31 và 52,95 tỷ đồng, tiếp tục được kéo giảm tương ứng 26,8% và 14,2% so với năm trước. Tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu lần lượt ở mức 4,7% và 6,2%, giảm mạnh từ mức 6,2% và 7% của năm 2021.



Năm 2022, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế ở mức 184,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt mức 152,1 tỷ đồng. Đây là những con số đáng khích lệ trong bối cảnh

khó khăn chung của nền kinh tế, thể hiện nỗ lực của toàn thể CBNV của Công ty và những biện pháp quản trị hiệu quả của Ban lãnh đạo.

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2022/2021 (%)
Tổng tài sản	2.896,8	3.959,3	3.924,8	3.984,85	4.242,8	6,5%
Tài sản ngắn hạn	1.750,3	2.352,9	2.382,52	2.100,3	2.059,0	-2,0%
Tài sản dài hạn	1.146,5	1.606,4	1.542,33	1.884,5	2.183,8	15,9%
Nợ phải trả	1.875,7	2.670	2.340,8	2.197,0	2.302,0	4,8%
Nợ ngắn hạn	698,5	1.656,00	1.402,0	1.231,2	1.342,0	9,0%
Nợ dài hạn	1.177,1	1.013,3	938,8	965,7	959,9	-0,6%
Vốn chủ sở hữu	1.021,1	1.289,3	1.583,9	1.787,85	1.940,9	8,6%

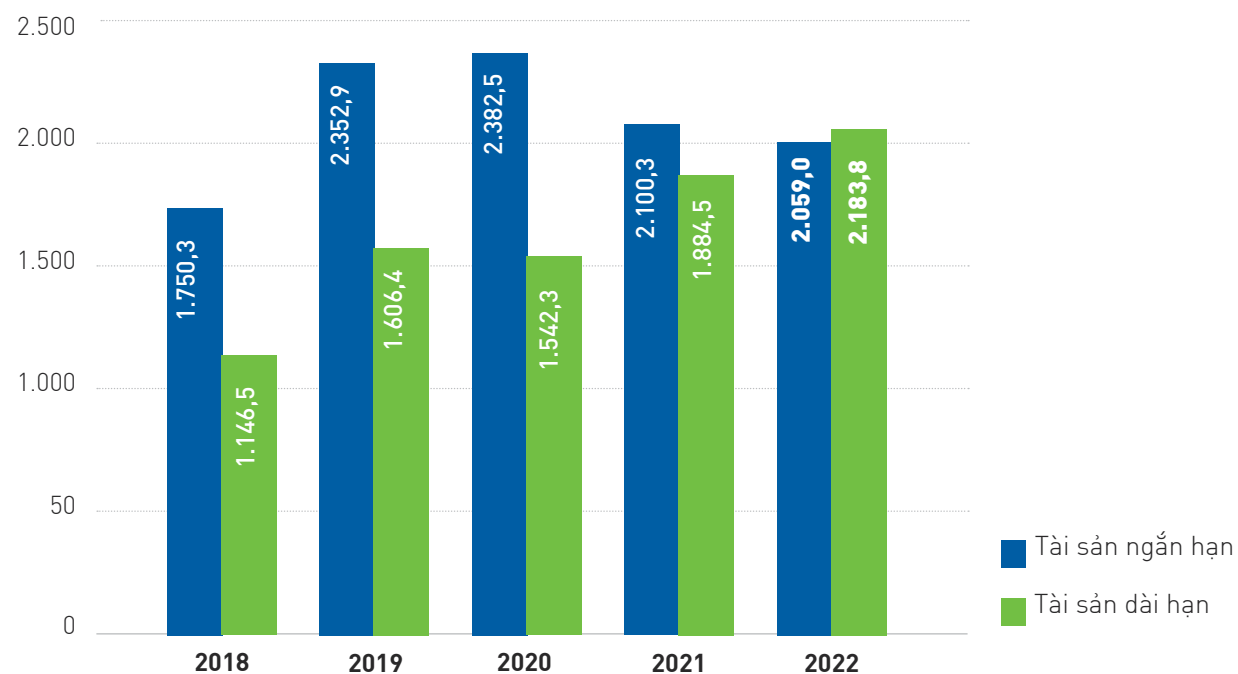
Đến cuối năm 2022, tổng tài sản của KSB ghi nhận ở mức 4.242,8 tỷ đồng, tăng trưởng khá mạnh 6,5% so với năm trước. Tài sản dài hạn tăng mạnh 15,9% lên mức 2.183,8 tỷ đồng, trong khi tài sản ngắn hạn đang ở mức 2.059,0 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với năm trước. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn gần như tương đương nhau với tỷ trọng lần lượt ở mức 48,5% và 51,5% tổng tài sản.

4.242,8 TỶ ĐỒNG
TỔNG TÀI SẢN CỦA KSB
tăng trưởng khá mạnh 6,5% so với năm trước

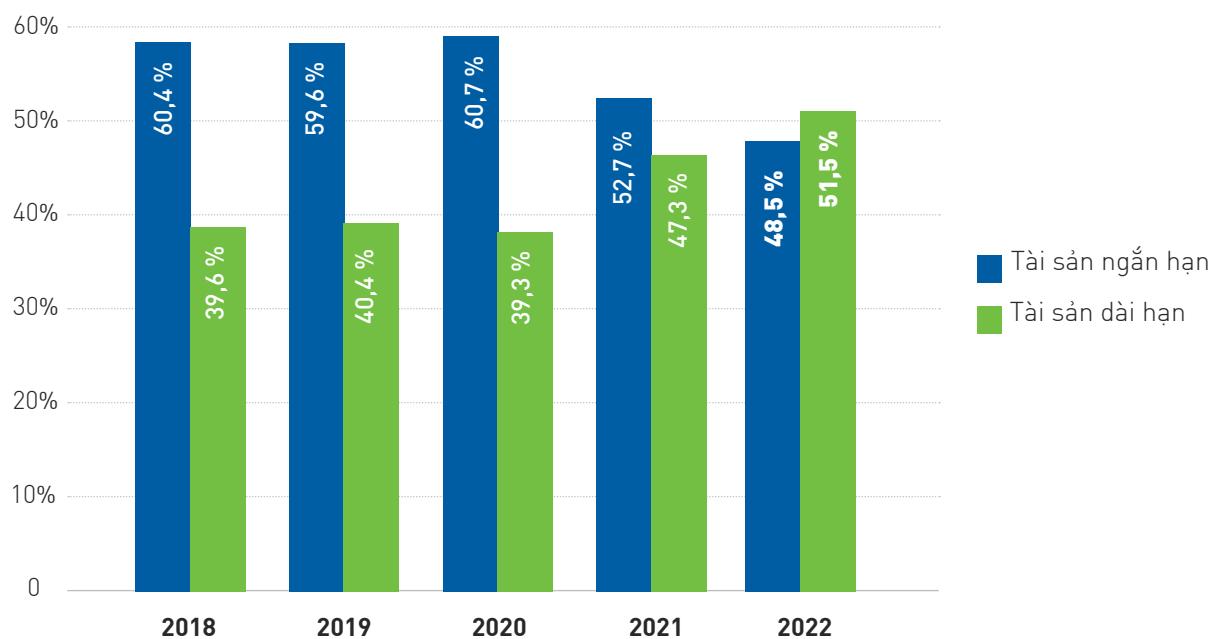


PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tổng tài sản (Đvt: Tỷ đồng)



Cơ cấu tổng tài sản (%)



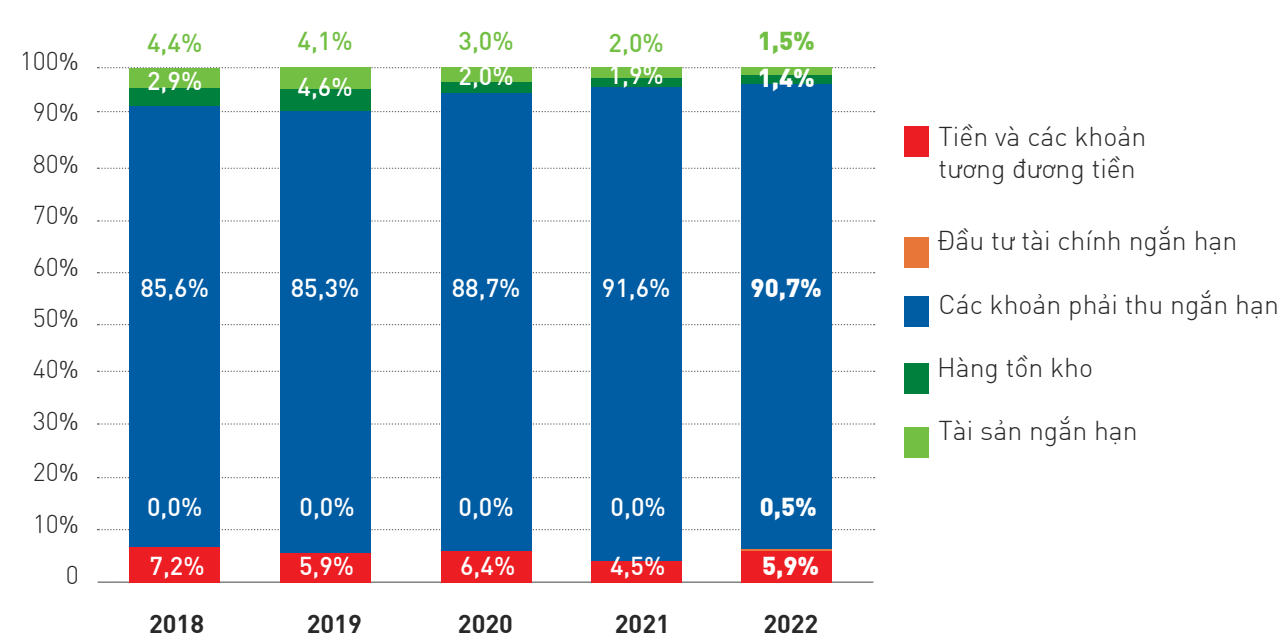
TÀI SẢN NGẮN HẠN

Chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn là các khoản phải thu với 1.867,6 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 90,7% tài sản ngắn hạn - tỷ lệ này giảm nhẹ từ mức 91,6% của năm trước. Tỷ lệ dự phòng khoản phải thu khó đòi được trích lập ở mức 66,6 tỷ đồng, tương đương 3,5% tổng khoản phải thu. Tiền và tương đương tiền chiếm 5,9% tài sản ngắn hạn với 122,3 tỷ đồng, tăng mạnh 29,8% so với năm 2021. Hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác chỉ chiếm tổng cộng 2,9%, tương ứng ở mức 28,4 tỷ đồng và 30,4 tỷ đồng.



Cơ cấu tài sản ngắn hạn	2018	2019	2020	2021	2022
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,2%	5,9%	6,4%	4,5%	5,9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,5%
Các khoản phải thu ngắn hạn	85,6%	85,3%	88,7%	91,6%	90,7%
Hàng tồn kho	2,9%	4,6%	2,0%	1,9%	1,4%
Tài sản ngắn hạn khác	4,4%	4,1%	3,0%	2,0%	1,5%
Tổng cộng	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Cơ cấu tài sản ngắn hạn (%)



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

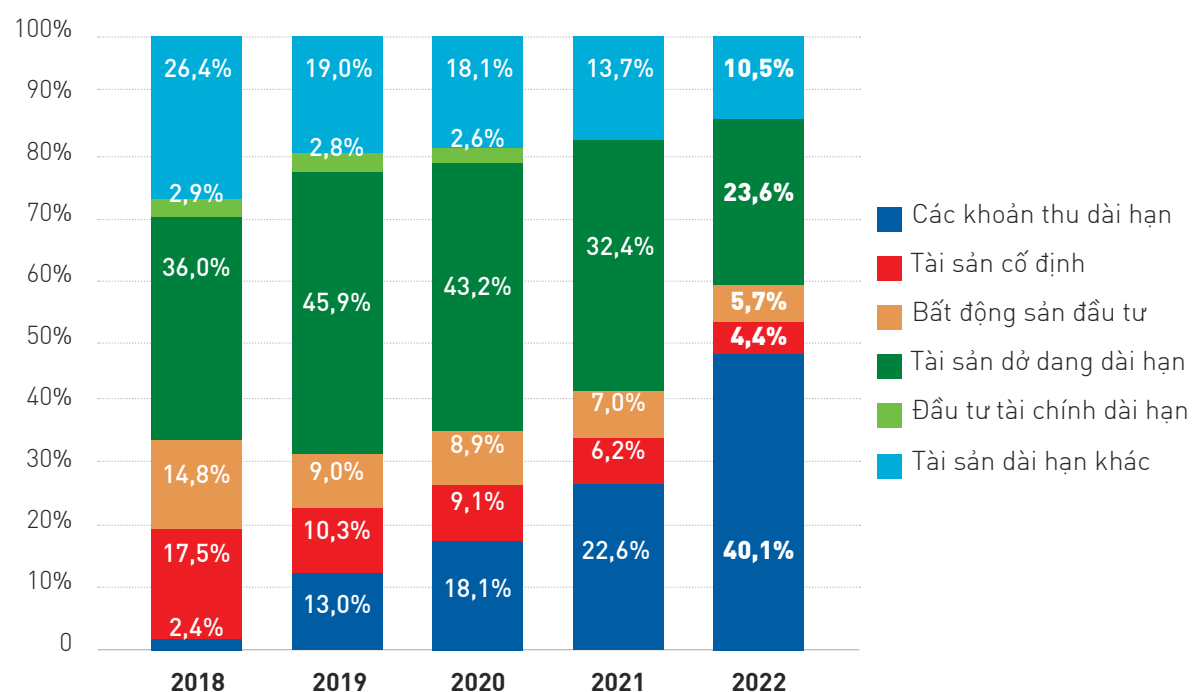
TÀI SẢN DÀI HẠN

Các khoản phải thu dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản dài hạn ở mức 40,1% với giá trị 876,4 tỷ đồng. Tài sản dở dang dài hạn và Đầu tư tài chính dài hạn là các hạng mục lớn tiếp theo, với giá trị lần lượt đạt 516 tỷ đồng và 339 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 23,6% và 15,5% của tài sản dài hạn.

Cơ cấu tài sản dài hạn

Chi tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Các khoản phải thu dài hạn	2,4%	13,0%	18,1%	22,6%	40,1%
Tài sản cố định	17,5%	10,3%	9,1%	6,2%	4,4%
Bất động sản đầu tư	14,8%	9,0%	8,9%	7,0%	5,7%
Tài sản dở dang dài hạn	36,0%	45,9%	43,2%	32,4%	23,6%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,9%	2,8%	2,6%	18,1%	15,5%
Tài sản dài hạn khác	26,4%	19,0%	18,1%	13,7%	10,5%
Tổng cộng	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Cơ cấu tài sản dài hạn (%)



CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 tăng nhẹ 4,8% so với năm trước đang ở mức 2.302,0 tỷ đồng, tuy nhiên chỉ chiếm 54,3% tổng nguồn vốn, tức giảm nhẹ từ mức 55,1% so với năm trước. Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cải thiện hơn từ 44,9% lên 45,7% tổng nguồn vốn tài trợ.

NỢ PHẢI TRẢ

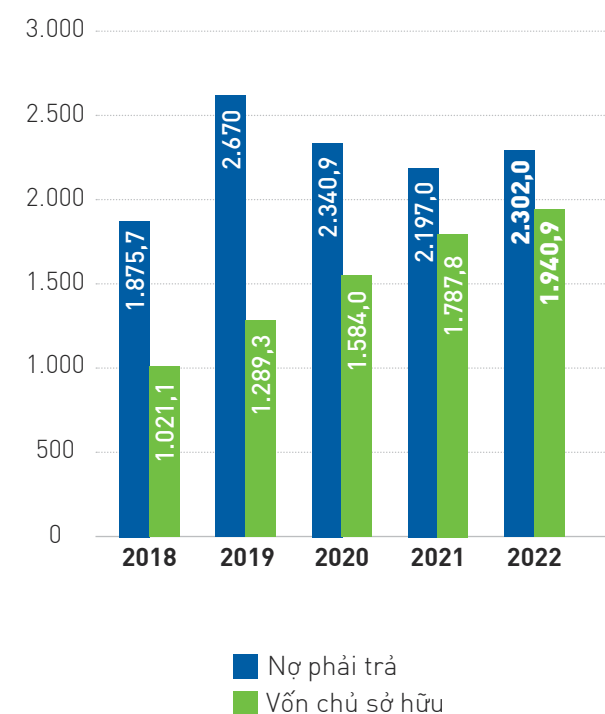
Tổng nợ ngắn hạn tăng nhẹ 9% so với năm ngoái lên mức 1.342,0 tỷ đồng. Tín dụng người bán tiếp tục được Công ty tận dụng khi khoản phải trả người bán tăng 23,6% lên mức 47 tỷ đồng. Phải trả ngắn hạn khác giảm 40,2% xuống còn 368,0 tỷ đồng; trong khi vay ngắn hạn tăng lên 758,0 tỷ đồng. Khoản vay dài hạn chỉ tăng nhẹ so với năm trước và đang đứng ở mức 357,7 tỷ đồng.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

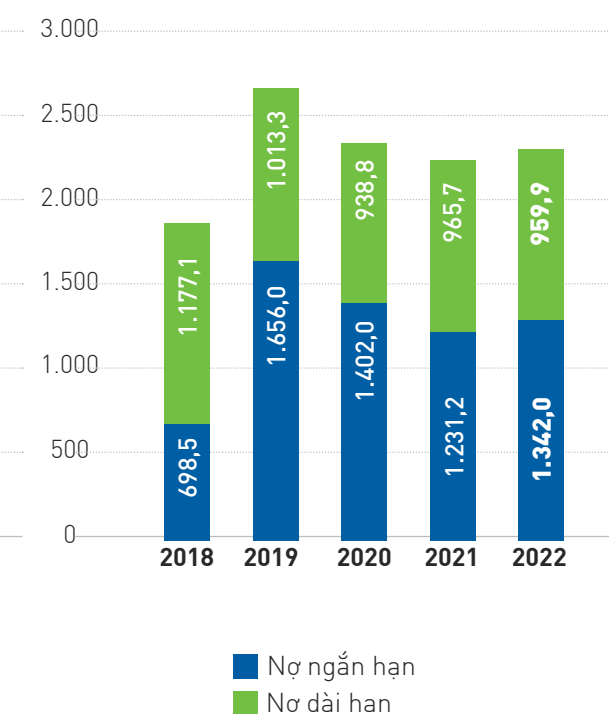
Nguồn vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm qua với mức 8,6% lên 1.940,9 tỷ đồng. Trong đó, vốn góp của chủ sở hữu tăng gần 10% lên 736,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 14,5% lên 993,2 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn	2018	2019	2020	2021	2022
Nợ phải trả	64,8%	67,3%	59,6%	55,1%	54,3%
Vốn chủ sở hữu	35,2%	32,7%	40,4%	44,9%	45,7%

Cơ cấu nguồn vốn (Tỷ đồng)



Cơ cấu nợ phải trả (Tỷ đồng)



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

Chi tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	703,9	635,3	457,4	44,2	129,8
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.472,6)	(935,3)	(170,2)	(172,6)	(496,4)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	577,8	314,2	(275,2)	71,0	394,7
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(190,9)	14,3	12,0	(57,4)	28,1
Tiền và tương đương tiền cuối năm	125,3	139,6	151,6	94,2	122,3

Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cải thiện tích cực đạt 129,8 tỷ đồng, so với chỉ 44,2 tỷ đồng của năm trước. Do Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư khiến lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm 496,4 tỷ đồng. Năm qua, Công ty đã tăng cường các khoản vay nên lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính đạt 394,7 tỷ đồng.

Tiền và tương đương tiền cuối năm của Công ty đạt 122,3 tỷ đồng, tăng gần 30% so với năm trước. Đây là khoản dự trữ tiền mặt giúp Công ty chủ động nguồn thanh khoản trong trường hợp kinh tế diễn biến tiêu cực, và cũng giúp Công ty tận dụng các cơ hội đầu tư tiềm năng.



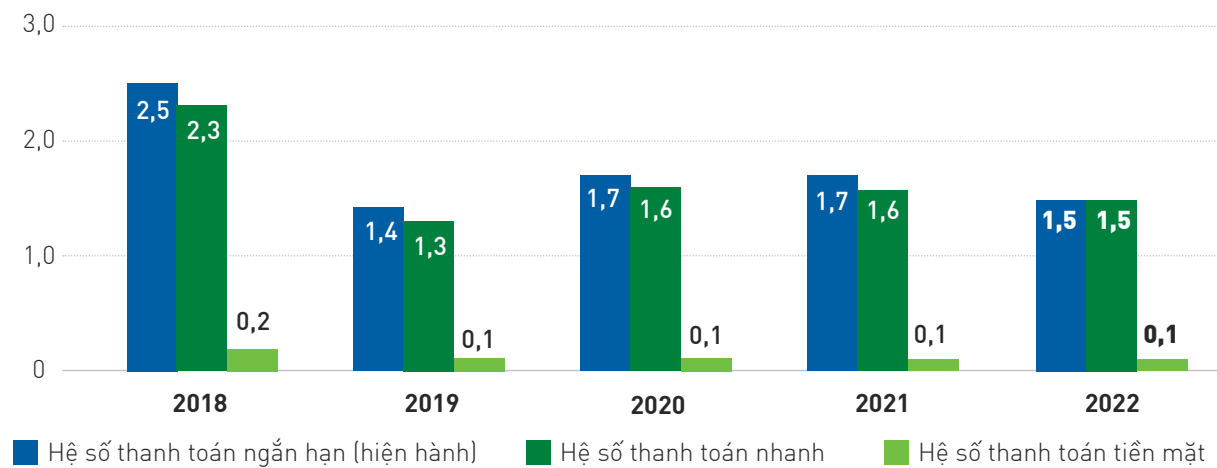
PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Đvt	2018	2019	2020	2021	2022
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	Lần	2,5	1,4	1,7	1,7	1,5
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,3	1,3	1,6	1,6	1,5
Hệ số thanh toán tiền mặt	Lần	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động						
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	48	51	48	77	81
Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	35	43	40	34	23
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	19	29	25	25	29
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,5	0,4	0,3	0,2	0,2
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời						
Hệ số lợi nhuận gộp	%	48,8	48,8	45,6	46,6	36,9
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	34,3	31,4	30,1	33,7	21,0
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	28,0	25,1	24,8	28,6	17,6
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	36,8	28,6	22,8	15,0	8,2
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	15,1	9,6	8,3	6,4	3,7
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	64,8	67,4	59,6	55,1	54,3
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	183,7	207,1	147,8	122,9	118,6

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

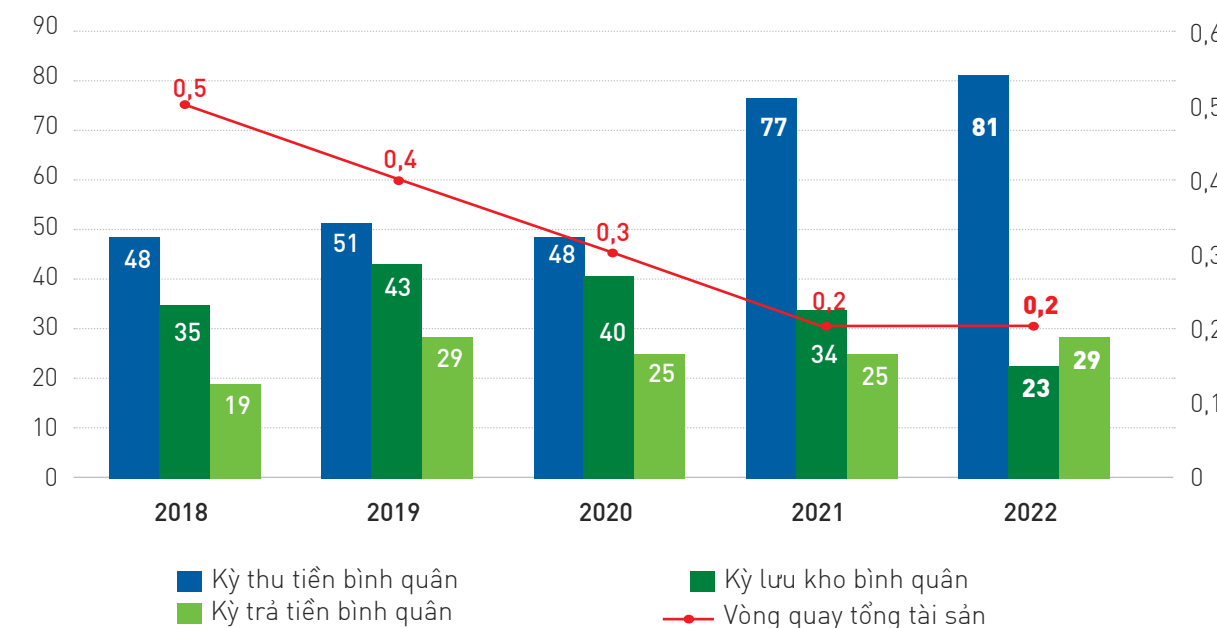
Công ty cho thấy khả năng duy trì các chỉ số thanh khoản tích cực dù bối cảnh kinh doanh vẫn đang gặp nhiều khó khăn. Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành), hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán tiền mặt duy trì ở mức gần như tương đương so với các năm trước, đạt tương ứng 1,5, 1,5 và 0,1 lần.



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kỳ thu tiền bình quân tăng từ 77 ngày lên mức 81 ngày trong năm 2022 do các khoản phải thu tăng khá mạnh. Trong khi đó, chỉ số Kỳ trả tiền bình quân cũng tăng từ 25 ngày lên 29 ngày, và Kỳ lưu kho bình quân giảm từ 34 ngày xuống còn 23 ngày.

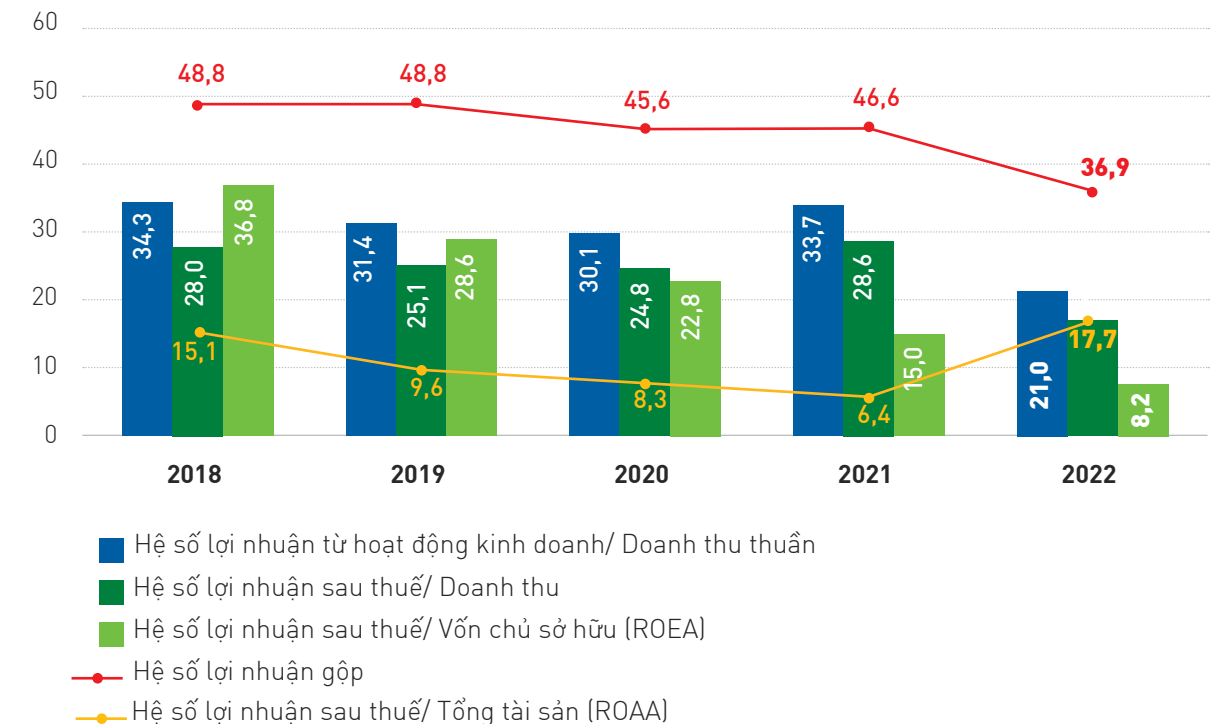
Doanh thu thuần và tổng tài sản của KSB trong năm biến động nhẹ, chỉ số Vòng quay tổng tài sản duy trì ở mức 0,2 lần.



KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong bối cảnh nền kinh tế và ngành còn nhiều khó khăn, các hệ số sinh lời của Công ty đã bị ảnh hưởng đáng kể. Hệ số lợi nhuận gộp giảm từ 46,6% xuống còn 36,9%; hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh và hệ số lợi nhuận thuần đạt mức tương ứng 21% và 17,7%. Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm so với năm trước nhưng vẫn đứng ở mức cao 8,2% và hệ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) ghi nhận ở mức 3,7%.

Mức sinh lời nói trên đã thể hiện những nỗ lực không mệt mỏi của CBNV và Lãnh đạo Công ty khi mà cả nền kinh tế và ngành bất động sản, xây dựng chưa thể phục hồi trở lại.



04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TÓM TẮT)

- 96 Phát triển bền vững – Hòa lợi ích các bên liên quan
- 98 Người lao động: Đảm bảo việc làm và chế độ phúc lợi trong bối cảnh khó khăn chung
- 108 Môi trường: Quản lý giảm thiểu tác động - Giảm phát thải
- 114 Cộng đồng: Đóng góp và chia sẻ trách nhiệm



CÙNG VỚI TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG THÌ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG LÀ ĐIỀU KHÔNG THỂ THIẾU ĐỂ ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN LÂU DÀI CHO DOANH NGHIỆP. DO ĐÓ, KSB LUÔN CHÚ TRỌNG VIỆC CÂN BẰNG GIỮA MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - HÀI HÒA LỢI ÍCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững thì việc duy trì mối quan hệ bền vững với các bên liên quan là điều Công ty luôn chú ý. Đặc biệt, chiến lược và chính sách của Công ty được xây dựng không những phải phù hợp với tình hình thực tế mà còn phải đạt được mục tiêu thỏa mãn hài hòa các mối quan tâm và kỳ vọng của các bên liên quan.

Mỗi bên liên quan khác nhau sẽ có những vấn đề quan tâm và sự kỳ vọng cũng như mức độ ảnh hưởng khác nhau đến hoạt động của Công ty; và ngược lại, mức độ ảnh hưởng của Công ty đến các bên liên quan cũng sẽ khác nhau.

Với lĩnh vực hoạt động chính là khai khoáng và phát triển bất động sản, KSB luôn ý thức rõ việc tối đa hóa lợi ích các bên liên quan cần đi cùng với việc hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực đến môi trường, cộng đồng và xã hội. Theo đó, KSB đặt ra các mục tiêu chiến lược đối với môi trường và xã hội, và gắn kết vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hóa các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực.

Đồng thời, KSB luôn cẩn thận trong việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác...

ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

- ☆ Bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- ☆ Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- ☆ Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của mình.



CÁC NGUỒN LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là yếu tố quan trọng trong chuỗi giá trị bền vững của KSB, là nguồn lực quan trọng giúp công ty thực hiện trách nhiệm với cổ đông và nhà đầu tư, môi trường, và xã hội cũng như cộng đồng. Việc chú trọng phát triển con người được xem là một phần quan trọng của KSB trong mục tiêu về trách nhiệm xã hội – một trong ba yếu tố cốt lõi của sự phát triển bền vững.

TRUNG TÂM R&D

KSB đã và đang đầu tư cho hoạt động R&D nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, đảm bảo đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng. Ngoài ra, trung tâm R&D cũng góp một phần đáng kể vào sự phát triển bền vững của Công ty.

QUỸ ĐẤT – QUY HOẠCH KHU CÔNG NGHIỆP

Dựa trên nhu cầu thực tế về đất công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất, và tiềm năng mang lại lợi nhuận trong tương lai, KSB đã quy hoạch đất thành khu công nghiệp. Việc quy hoạch khu công nghiệp sẽ đóng góp đáng kể cho việc hoàn thành trách nhiệm tăng trưởng kinh tế của KSB.

THIẾT BỊ KHAI THÁC CHẾ BIẾN

KSB đã mạnh dạn đầu tư và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nhằm nâng cao năng suất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

KSB có nguồn tài nguyên đá và kaolin được đánh giá cao về chất lượng và có trữ lượng lớn trong khu vực. Ngoài ra, KSB đã và đang phát triển nguồn tài nguyên mới để nâng cao năng suất nhằm góp phần hoàn thành trách nhiệm tăng trưởng kinh tế bền vững của Công ty.

Năm 2022, KSB tiếp tục thực hiện riêng Báo cáo Phát triển Bền vững nhằm cung cấp thêm nhiều thông tin chi tiết, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Ban lãnh đạo Công ty đối với công tác phát triển bền vững, thực thi hoạt động sản xuất kinh doanh những không quên đi các nghĩa vụ bảo vệ môi trường, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng - xã hội. Dưới đây là phần trình bày tóm tắt một số nội dung cơ bản về phát triển bền vững của KSB.

NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CHUNG

KSB luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, trình độ cao là một thế mạnh cạnh tranh vượt trội của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh thu hút nhân tài cao như hiện nay. Với chủ trương đó, Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, bình đẳng, và luôn trao cơ hội hội thăng tiến cho CBNV nhằm giúp họ phát huy hết năng lực bản thân, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tất cả người lao động đều được bố trí việc làm phù hợp, ổn định, được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần.



CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO DUY TRÌ LỢI THẾ CẠNH TRANH CAO CHO CÔNG TY

Trong năm 2022, bối cảnh chung của nền kinh tế và ngành, hoạt động kinh doanh của KSB còn nhiều khó khăn, hoạt động tái cấu trúc, sắp xếp lại liên tục được xem xét nhằm tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, tổng số nhân viên của KSB năm 2022 đạt 310 người, giảm so với 331 người của năm trước do hoạt động sắp xếp lại công việc nhằm cải thiện hiệu suất. Trong đó, Công ty tuyển dụng mới 21 người và thôi việc 35 người.



Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	Tăng/giảm (%/ tổng số lao động)
Số lượng nhân viên thuê mới	người	12	16	17	21	6,8
Số lượng nhân viên thôi việc	người	110	53	46	35	11,3



310 NGƯỜI
TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
CỦA KSB NĂM 2022

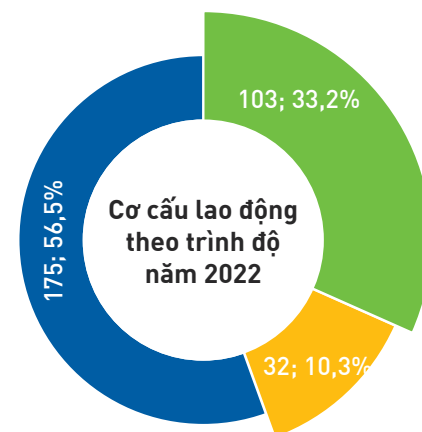
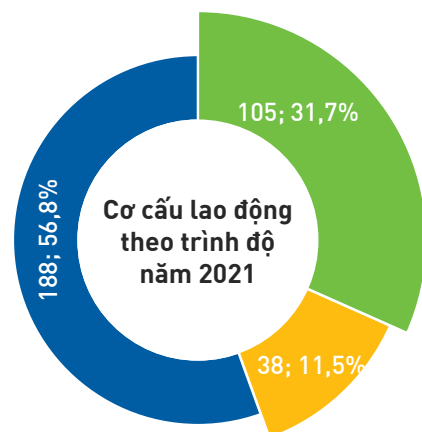
Ngay từ những ngày đầu thành lập, KSB đã xác định con người là yếu tố cốt lõi cho sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trải qua quá trình phát triển, ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng nên sự vững chắc trong việc phát triển vững mạnh của công ty trên chặng đường phía trước.

NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CHUNG

CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO DUY TRÌ LỢI THẾ CẠNH TRANH CAO CHO CÔNG TY

Tuy nhiên, cơ cấu lao động tại công ty vẫn đảm bảo chất lượng cao và đây là lợi thế cạnh tranh không nhỏ của KSB để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh trong tương lai. Số lao động đạt trình độ đại học trở lên tiếp tục duy trì ở mức cao 103 người, chiếm 33,2% tổng số CBNV; lao động đạt trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp là 32 người, chiếm tỷ lệ 10,3%. Như vậy, tỷ lệ lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm đến 43,5% tổng số lao động của Công ty, một tỷ lệ rất cao nếu xét trong các công ty sản xuất tại Việt Nam. Còn lại là 175 lao động công nhân kỹ thuật/ lao động phổ thông, chiếm tỷ lệ 56,5%. Do hoạt động đặc thù ngành nghề nên số lượng lao động công nhân kỹ thuật/lao động phổ thông chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lao động.

Cơ cấu lao động theo trình độ	2019		2020		2021		2022	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)
Đại học và trên Đại học	119	29,2	115	32,0	105	31,7	103	33,2
Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	53	13,0	43	12,0	38	11,5	32	10,3
Công nhân kỹ thuật/ Lao động phổ thông	235	57,7	201	56,0	188	56,8	175	56,5
TỔNG CỘNG	407	100	359	32	331	100	310	100

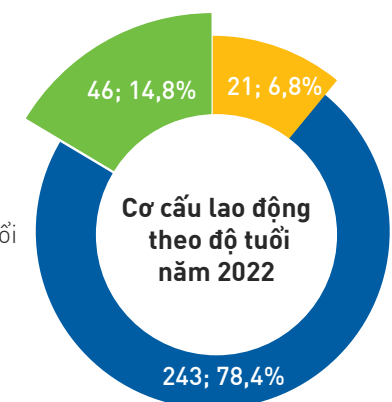
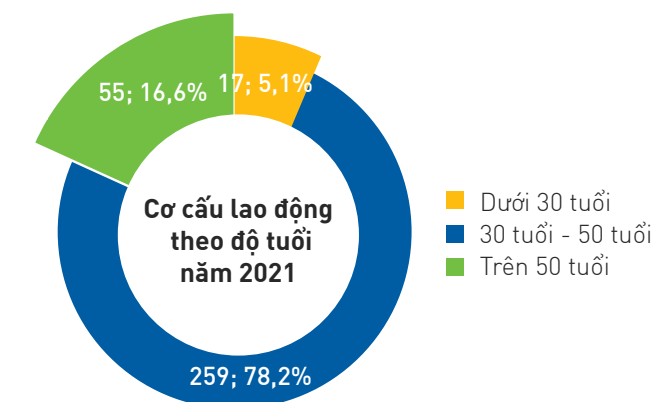
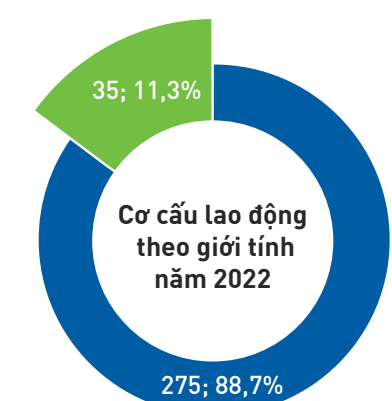
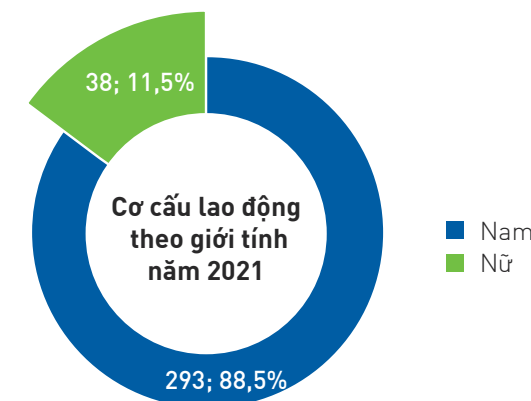


- Đại học và trên đại học
- Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp
- Công nhân kỹ thuật/ Lao động phổ thông

Với đặc thù ngành nghề xây dựng và khai thác khoáng sản nên tỷ lệ lao động nam chiếm đa số trong cơ cấu lao động, trong khi lao động nữ chỉ chiếm 11,3% tổng số lao động. Đây cũng là điều có thể hiểu được lao động của KSB chủ yếu có độ tuổi phân bố trong khoảng 30 tuổi - 50 tuổi với tỷ lệ gần 78,4%; đây là độ tuổi chín về kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đáng chú ý, cơ cấu lao động của Công ty có xu hướng trẻ trung hơn, với tỷ lệ người lao động dưới 30 tuổi tăng nhẹ lên 6,8%. Số lượng lao động trên 50 tuổi chiếm tỷ trọng 14,8% cơ cấu lao động, đóng vai trò là lực lượng giàu kinh nghiệm, hỗ trợ, dìu dắt thế hệ trẻ, đảm bảo sự kế thừa lãnh đạo trong tương lai.



Cơ cấu lao động theo tiêu chí	2019		2020		2021		2022	
	Số lượng nhân viên	%/ tổng số nhân viên	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động
Giới tính								
Nam	347	85,3	306	85,2	293	88,5	275	88,7
Nữ	60	14,7	53	14,8	38	11,5	35	11,3
Độ tuổi								
Dưới 30 tuổi	45	11,1	40	11,1	17	5,1	21	6,8
30 tuổi - 50 tuổi	285	70	260	72,4	259	78,2	243	78,4
Trên 50 tuổi	77	18,9	59	16,4	55	16,6	46	14,8



NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CHUNG

VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH – CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ TÍCH CỰC DÙ BỐI CẢNH CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

NGUỒN NHÂN LỰC LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT ĐỂ DUY TRÌ NĂNG LỰC CẠNH TRANH, ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

Các chính sách phúc lợi cho người lao động luôn được KSB chú trọng trong những năm qua, vì nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để duy trì năng lực cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững. Với tầm quan trọng của nguồn nhân lực, chính sách của KSB được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành ưu thế đặc biệt, giữ vai trò quyết định để thực hiện thành công những kế hoạch đã đề ra.

Chính sách lương thưởng được thực hiện dựa trên hiệu quả làm việc góp phần thu hút nguồn nhân lực và giữ chân nguồn lao động chất lượng cao cũng như tạo động lực làm việc cho toàn thể nhân viên. Vị trí công việc được sắp xếp theo năng lực, đúng người đúng chỗ nhằm tạo ra hiệu quả làm việc cao nhất và tạo cơ hội cho CBNV phát huy tốt năng lực bản thân.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động cũng được xem xét và cập nhật thường xuyên, trong tương quan so sánh với thị trường và các doanh nghiệp trong ngành để đảm bảo quyền lợi của nhân viên, giữ chân nhân tài. Bên cạnh đời sống vật chất, Công ty luôn quan tâm đến các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần của người lao động để giúp người lao động yên tâm cống hiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Công ty có chính sách phân bổ mức lương cao hơn mức tối thiểu của vùng là hoạt động giúp loại bỏ sự bất bình đẳng, đồng thời ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương tại những nơi Công ty có hoạt động. Đây cũng là một phương thức để Công ty đóng góp vào việc nâng cao mức sống, giúp các địa phương phát triển bền vững.



Hệ thống tiền lương được xây dựng căn cứ vào giá trị đóng góp của công việc, yêu cầu về trình độ, kỹ năng để đảm nhiệm công việc đó đảm bảo mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh được với thị trường. Bên cạnh tiền lương hàng tháng, CBNV còn được hưởng lương hiệu quả căn cứ vào kết quả thực hiện công việc.

Công ty còn áp dụng chính sách khen thưởng cuối năm, các khoản tiền thưởng vào các dịp Lễ, Tết, thường khi Công ty vượt kế hoạch lợi nhuận và khi có sáng kiến cải tiến, chính sách cổ phiếu ESOP để thu hút nhân tài và tăng sự gắn kết của nhân viên. Về đời sống tinh thần, KSB thường xuyên tổ chức các hoạt động họp mặt đầu Xuân, chào mừng Ngày Phụ nữ Quốc tế, Ngày Phụ nữ Việt Nam, giao lưu thể thao, teambuilding, du lịch,

hoạt động Công đoàn... nhằm mang lại đời sống tinh thần phong phú cho CBNV.

Mối quan hệ giữa Người lao động và Công ty: Nhân viên tại KSB luôn đối xử hòa nhã thân thiện với nhau, không có tình trạng phân biệt đối xử nào về giới tính, dân tộc, ... xảy ra trong Công ty. Thỏa ước lao động tập thể nhằm đưa ra thống nhất bằng văn bản thỏa thuận giữa tập thể lao động và người sử dụng lao động với những quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên để đảm bảo lợi ích hai bên góp phần duy trì sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và doanh nghiệp. Ngoài thỏa ước lao động tập thể, Công ty và Công đoàn còn tổ chức hội nghị người lao động định kỳ nhằm tìm hiểu nguyện vọng cũng như khó khăn của người lao động để kịp thời ghi nhận và điều chỉnh, góp phần tăng cường gắn kết giữa Công ty và người lao động.



NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CHUNG

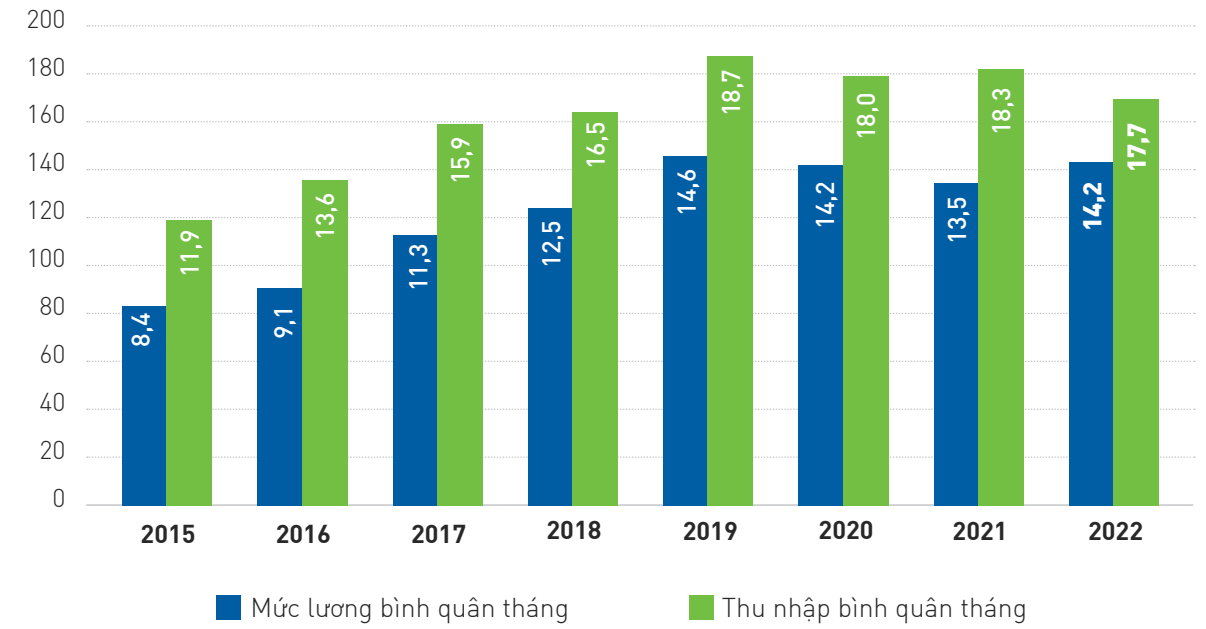
VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH – CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ TÍCH CỰC DÙ BỐI CẢNH CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

ĐVT: Triệu VND

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Mức lương bình quân/tháng	8,4	9,1	11,3	12,5	14,6	14,2	13,5	14,2
Thu nhập bình quân/tháng	11,9	13,6	15,9	16,5	18,7	18,0	18,3	17,7



Lương và thu nhập bình quân tháng (Đvt: Triệu đồng)



ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ GIÚP ĐẢM BẢO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG KẾ THỪA

Xây dựng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Vì thế, KSB đã và đang đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh cho Công ty đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng lao động kế thừa, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, liên tục.

Các lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kỹ thuật cho người lao động đồng thời đưa cán bộ cấp quản lý và công nhân tiêu biểu tham gia các lớp tập huấn nâng cao tay nghề do các đơn vị khác tổ chức. Ngoài ra, các lớp đào tạo nội bộ về an toàn lao động, an toàn vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cũng được tổ chức cho CBNV làm việc trực tiếp trong môi trường có nhiều yếu tố rủi ro nhằm nâng cao nhận thức của người lao động.

Công ty luôn dành một khoản ngân sách khá lớn để thực hiện nhiều khóa đào tạo phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau. Năm 2022, KSB đã tổ chức nhiều khóa học đa dạng, với tổng số lượt người tham dự đạt 174 lượt, với tổng chi phí gần 75 triệu đồng. Bên cạnh đó, KSB tổ chức các cuộc trao đổi quy mô nhỏ, nhằm chia sẻ kinh nghiệm nghiệp vụ, giúp CBNV nắm vững các kỹ năng yêu cầu trong công việc.

NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CHUNG

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ GIÚP ĐẢM BẢO LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG KẾ THỪA

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022
1	Số lượng khóa đào tạo	Khóa	3		3	3
a	Đào tạo nội bộ	Khóa	1	-	1	-
b	Đào tạo bên ngoài	Khóa	2	1	4	3
2	Số lượt người tham dự đào tạo	Lượt người	591		439	174
a	Cấp độ nhân viên	Lượt người	503	125	397	154
b	Cấp độ quản lý	Lượt người	88	3	42	20
3	Số giờ đào tạo/ nhân viên	Giờ	4,295	960	232	1,760
4	Chi phí dành cho hoạt động đào tạo		0,11	50,000,000	0.164	74,500,000
a	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Tỷ đồng	0,11	250,000,000	0.164	74,500,000
b	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Tỷ đồng	0,11	50,000,000	0.165	74,500,000
c	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	1	20%	101%	100%



AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP LUÔN ĐƯỢC ƯU TIÊN

Công tác an toàn, vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp là một trong những công tác được Công ty quản lý nghiêm ngặt nhằm đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động cũng như đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục và không bị gián đoạn bởi các tai nạn sự cố.

Người lao động luôn được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân. Ngoài ra, các chế độ về an toàn, vệ sinh lao động cũng được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định hiện hành. Công tác an toàn, vệ sinh lao động được quản lý nghiêm ngặt. Hoạt động kiểm định và hiệu chuẩn các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được Công ty đảm bảo thực hiện theo đúng yêu cầu của pháp luật.

Hoạt động truyền thông về an ninh, an toàn được công ty duy trì hàng năm nhằm giúp các bên liên quan nâng cao ý thức về an ninh, an toàn. Cụ thể: truyền thông về an ninh, an toàn được thực hiện định kỳ hàng năm với mục đích phổ biến những thông tin và quy định liên quan đến các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị của Công ty, khách hàng, người lao động làm việc trong khu công nghiệp và người dân địa phương. Đồng thời, những thực trạng và nguy cơ cần phòng tránh cũng được đưa ra thảo luận nhằm giúp người dân, chính quyền và doanh nghiệp hiểu hơn về những rủi ro tiềm ẩn để có biện pháp phòng

ngừa, hỗ trợ và kiểm soát hiệu quả an ninh, an toàn tại các mỏ khai thác. Các đoàn kiểm tra luôn đánh giá cao về mức độ chấp hành và bảo đảm an toàn tại các đơn vị SXKD trong quản lý sử dụng vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự.

Đặc biệt, trong năm 2022, KSB đã ra mắt Đội tự vệ tại Xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Phước Vĩnh. Đội có nhiệm vụ vừa sản xuất, kinh doanh, vừa tổ chức huấn luyện sẵn sàng xử lý các tình huống, là lực lượng nòng cốt cho phong trào toàn đơn vị sẵn sàng bảo vệ thành quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị; cùng với với lực lượng bảo vệ của đơn vị giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trong đơn vị; phối hợp cùng cơ quan quân sự địa phương giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và sẵn sàng đối phó với các tình huống có thể xảy ra. Tuyên truyền, vận động người lao động trong cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về Quốc phòng – An ninh; nội quy, quy định của đơn vị về an toàn, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Về sức khỏe nghề nghiệp, để đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp cho CBNV, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và xếp loại sức khỏe cho toàn bộ CBNV. Lao động nữ và lao động làm việc trong điều kiện độc hại được tổ chức khám sức khỏe chuyên sâu định kỳ.



MÔI TRƯỜNG: QUẢN LÝ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG - GIẢM PHÁT THẢI

Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và không để xảy ra sự cố có liên quan đến môi trường hay có các hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt

MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT CỦA KSB

Hoạt động kinh doanh gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, cụ thể như: Khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, sử dụng tiết kiệm nguồn nước, điện, có các biện pháp xử lý chất thải

Giảm nhẹ tác động tiêu cực từ hoạt động kinh doanh của Công ty với môi trường

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LUÔN ĐƯỢC CÔNG TY COI TRỌNG VÀ THƯỜNG XUYÊN KIỂM TRA, YÊU CẦU CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐÚNG VÀ ĐẦY ĐỦ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ CAM KẾT.

Công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty coi trọng và thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép. Đối với các khu vực xung quanh, Công ty luôn có chủ trương không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học đời sống sinh vật hoang dã, không tác động đến môi trường tự nhiên, không lạm dụng hoá chất độc hại, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực...

Bên cạnh đó, KSB đã chuyển dần từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu và tích cực xây dựng và

cải tiến các cơ chế, chính sách liên quan đến bảo vệ, khai thác và sử dụng khoáng sản một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả cao hơn.

Công ty đã và đang ưu tiên đầu tư các công nghệ hiện đại góp phần tiết kiệm năng lượng – nước sử dụng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Để đạt được mục tiêu và cam kết đã đề ra, Công ty đã xây dựng chính sách với 3 nội dung chính là: (1) Xây dựng hệ thống quản lý, quy trình; (2) Sử dụng tiết kiệm nguồn nhiên liệu, điện, nước và có các giải pháp để xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường; (3) Tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về môi trường.



MÔI TRƯỜNG: QUẢN LÝ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG - GIẢM PHÁT THẢI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ về mặt giấy phép, quy trình, thủ tục theo luật định, thực hiện đầy đủ các hồ sơ đã cam kết theo đúng Quy định của Pháp luật: Đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt; Giấy phép xả thải vào nguồn nước; Giấy phép khai thác và sử dụng nước ngầm; Khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ; Nộp tiền ký quỹ bảo vệ môi trường đối với các mỏ khoáng sản. Thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đúng cam kết.

Cụ thể, toàn bộ nhà máy, xí nghiệp của KSB đều được thực hiện đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường trước khi hoạt động. Hoạt động đo đạc, giám sát môi trường được thực hiện định kỳ 1 quý/lần và báo cáo lên các cơ quan chức năng nhằm đảm bảo việc chấp hành nghiêm ngặt quy định của pháp luật về môi trường. Trong trường hợp có các yêu cầu khắc phục từ cơ quan chức năng, Công ty luôn thực hiện một cách nghiêm túc và thực hiện đúng các yêu cầu luật định.

Đối với bộ phận văn phòng, KSB thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi làm việc cho toàn thể CBNV trong Công ty vì chỉ cần mỗi cá nhân có hành động nhỏ sẽ tạo ra được đóng góp đáng kể cho công tác bảo vệ môi trường. Việc chung tay giữ gìn vệ sinh nơi làm việc sẽ giúp CBNV bảo vệ sức khỏe và an toàn của chính mình và cũng là để bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty kiểm tra và thường xuyên nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cũng như kiểm tra chặt chẽ các hoạt động kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì và hiệu chuẩn máy móc định kỳ nhằm nâng cao hiệu suất, tuổi thọ của máy móc và đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí được áp dụng thường xuyên như: Phun tưới nước tại những vị trí phát tán bụi của máy xay nghiền đá; tưới nước dọc các tuyến đường vận chuyển; trồng cây xanh xung quanh mỏ, nhà xưởng, khu vực sản xuất. Chở hàng đúng khổ, đúng tải, phủ bạt kín thùng xe, quét dọn đường vận chuyển.

NĂM 2022, KSB KHÔNG CÓ VI PHẠM HAY BỊ PHẠT VÌ VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

KSB TÍCH CỰC TRUYỀN THÔNG VỀ VẤN ĐỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG NỘI BỘ CÔNG TY NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC CỦA MỖI CBNV NHẪM GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Công ty chủ yếu phát sinh lượng điện và dầu DO sử dụng cho máy móc thiết bị trong quá trình vận hành khai thác, sản xuất kinh doanh. Lượng khí nhà kính phát thải, vì vậy, cũng phần lớn phát sinh từ hoạt động này.

Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, KSB luôn có ý thức hạn chế sử dụng các nguồn năng lượng, nhiên liệu, nước... để vừa giảm thiểu chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh

và giảm tiêu hao nguồn tài nguyên. KSB tích cực truyền thông về vấn đề tiết kiệm năng lượng trong nội bộ Công ty nhằm nâng cao ý thức của mỗi CBNV nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và góp phần giảm thiểu chi phí SXKD, nâng cao hiệu suất hoạt động. Ngoài ra, KSB còn khuyến khích CBNV đưa ra các sáng kiến, sáng tạo tiết kiệm năng lượng, và tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào SXKD để nâng cao hiệu suất, giảm chi phí cũng như hạn chế phát thải khí nhà kính.

Lượng nhiên liệu/năng lượng tiêu thụ & Phát thải CO₂

Loại nhiên liệu, năng lượng	ĐVT	2020	2021	2022	Tăng/giảm (%)	Hệ số phát thải CO ₂	Phát thải CO ₂ (tấn)
Điện sử dụng	Kwh	19.043.972	19.043.972	13.780.571	-10,730	0,7221 tCO ₂ /MWh	9.950,95
Dầu DO	tấn	273.2	273.2	112,3	33,659	3,165 tCO ₂ /tấn	355,57

MÔI TRƯỜNG: QUẢN LÝ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG - GIẢM PHÁT THẢI



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Lượng điện tiêu thụ & Phát thải CO₂ tại một số đơn vị tiêu biểu

Loại nhiên liệu, năng lượng	ĐVT	2020	2021	2022	Tăng/giảm (%)	Hệ số phát thải CO ₂	Phát thải CO ₂ (tấn)
Phước Vĩnh	Kwh	7.676.500	7.643.600	7.345.900	-3,89%	0,7221	5.304,47
Tân Mỹ	Kwh	4.732.440	4.442.038	5.992.611	34,91%	0,7221	4.327,26
Phước Hòa	Kwh	47.490	142.880	77.240	-45,94%	0,7221	55,78
Bê Tông	Kwh	212.720	192.070	207.360	7,96%	0,7221	149,73
Văn phòng	Kwh	163.730	136.490	157.460	15,36%	0,7221	113,70
Tổng cộng	Kwh	12.451.334	12.557.078	13.780.571	9,74%	0,7221	9.950,95



TIÊU THỤ NƯỚC

KSB sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt và SXKD, với nguồn nước đang sử dụng được cung cấp bởi Công ty cấp thoát nước tỉnh Bình Dương. Lượng nước tiêu thụ được tính theo tổng hóa đơn thanh toán tiền nước mỗi tháng và được tính trên tình trạng sản lượng sản xuất cụ thể trong tháng.

KSB luôn kiểm soát chặt chẽ các khâu xử lý nước thải, chất thải nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường cũng như đảm bảo các hoạt động sản xuất

kinh doanh của Công ty, các cơ sở sản xuất không gây tác động xấu đến môi trường, đa dạng sinh học tại địa bàn hoạt động. KSB đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và hồ chứa nước sau xử lý để tái sử dụng cho các mục đích khác như tưới cây, tưới đường để giảm thiểu bụi trong khuôn viên công ty thay cho nước máy. Với hoạt động này, KSB đã tiết kiệm được đáng kể lượng nước tiêu thụ và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên này.

Lượng nước sử dụng tại một số đơn vị tiêu biểu

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022
Phước Vĩnh	m ³	152.570	121.617	114.779	112.432	83.900,5
Tân Mỹ	m ³	131.325	150.447	121.505	48.030	95.238
Phước Hòa	m ³	163.180		129.023	18.399	-
Minh Long	m ³			544	600	-

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Tại các hội nghị COP26 và COP27, Việt Nam đã thể hiện cam kết rất cao khi đặt mục tiêu đưa mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã đề ra Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến 2025 với 3 nhiệm vụ chính là cắt giảm phát thải nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng cường sản xuất xanh.

Đây là nguyên nhân dẫn đến việc thị trường vốn truyền thống đang dần được dịch chuyển sang thị trường vốn xanh để tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn và bền vững hơn phục vụ cho việc thực hiện chiến lược đã đề ra.

KSB hiểu được rằng để đạt được sự phát triển bền vững thì việc kết hợp mục tiêu tăng trưởng về kinh tế với trách nhiệm cộng đồng, xã hội và môi trường. Do đó, việc rà soát và điều chỉnh các quy trình liên quan luôn được KSB chú trọng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và các bên liên quan. KSB còn đầu tư vào công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực cũng như nâng cao hiệu suất; đồng thời tăng đầu tư cho công tác R&D để sản xuất các loại vật liệu mới như cát nhân tạo, giảm ảnh hưởng tiêu cực đến tự nhiên.



CỘNG ĐỒNG: ĐÓNG GÓP VÀ CHIA SẺ TRÁCH NHIỆM



 **> 3,1** TỶ ĐỒNG
TỔNG CHI PHÍ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở hoạt động kinh tế mà còn ở những giá trị bền vững mà doanh nghiệp đó mang lại cho cộng đồng - xã hội. Là một truyền thống của KSB, Công ty thường xuyên có những hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương như tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương, hay những chương trình thiện nguyện góp phần chia sẻ khó khăn với người dân tại địa bàn hoạt động của mình. Các hoạt động cộng đồng này luôn được Ban lãnh đạo và CBNV toàn Công ty tích cực hưởng ứng tham gia.

Năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn nhưng KSB vẫn luôn tích cực hỗ trợ Bình Dương và nhiều tỉnh thành khác trong công tác an sinh xã hội, cộng đồng. Tổng chi phí cho các hoạt động này trong năm 2022 đạt mức cao hơn 3,1 tỷ đồng.

Đặc biệt trong năm qua, bên các hoạt động truyền thống, KSB đã hỗ trợ số tiền 1,8 tỷ đồng góp phần chung tay cùng Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, tỉnh Bình Dương chăm lo cho trẻ em khó khăn, mồ côi được phát triển toàn diện ngay tại gia đình và cộng đồng như bao trẻ nhỏ khác. Hoạt động này thuộc khuôn khổ chương trình “Mẹ đỡ đầu – Yêu thương và sẻ chia”, do các cấp Hội Phụ nữ từ Trung ương tới địa phương đã vận động, kết nối, hỗ trợ, đỡ đầu cho 10.774 trẻ mồ côi có hoàn cảnh khó khăn; trong đó có gần 2.000 trẻ mồ côi do Covid-19 có nhu cầu hỗ trợ và hơn 8.000 trẻ mồ côi do các nguyên nhân khác. Đây là chương trình hết sức nhân văn do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động. Tại Bình Dương, có gần 50 tổ chức, cá nhân, doanh nhân đã tiên phong đỡ đầu cho 279 trẻ mồ côi với tổng số tiền trên 3 tỷ đồng trong năm 2021. Chương trình này đã lan toả yêu thương đến tận ngõ ngách, xóm làng nơi các mảnh đời bất hạnh đang cần nhất sự giang tay chờ che, giúp đỡ của những người mẹ.

Ngoài ra, KSB còn tài trợ cho nhiều chương trình ý nghĩa khác như: (1) Tài trợ chương trình tuyên truyền phòng chống Covid-19 phạm vi toàn quốc. (2) Hỗ trợ các địa phương chăm lo cho các gia đình chính sách, hộ nghèo. (3) Hỗ trợ xây dựng phòng học cho học sinh Trường PTDTBT tiểu học Lũng Hồ, Yên Minh, Hà Giang.

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết trong **Báo cáo Phát triển bền vững năm 2022** được chúng tôi lập riêng.



CỘNG ĐỒNG: ĐÓNG GÓP VÀ CHIA SẺ TRÁCH NHIỆM

ĐÓNG GÓP KINH TẾ

GIÁ TRỊ KINH TẾ TẠO LẬP

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	Tăng/Giảm (%)
Doanh thu	1.314,0	1.322,5	884,2	859,1	-2,8%
Doanh thu tài chính	32,1	63,0	102,7	93,9	-8,3%
Doanh thu khác	20,6	21,2	18,5	27,1	46,3%
Tổng cộng	1.366,7	1.406,7	1.005,6	980,1	-2,5%

GIÁ TRỊ KINH TẾ CHIA SẺ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	Tăng/Giảm (%)
Chi phí hoạt động kinh doanh	945,1	1.000,4	699,0	793,8	13,6%
Lương thưởng và phúc lợi của người lao động	74,5	63,0	48,3	54,0	11,8%
Chi phí tài chính	81,5	101,5	94,6	135,1	42,8%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>80,6</i>	<i>99,0</i>	<i>94,6</i>	<i>135,1</i>	<i>42,8%</i>
<i>Cổ tức bằng tiền</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
Chi phí đầu tư tài sản cố định	189,4	173,5	69,6	64,8	-6,9%
Nộp ngân sách	311,0	253,6	141,2	133,5	-5,5%
Đóng góp cho cộng đồng và xã hội	9,9	4,5	5,7	3,1	-45,6%
Tổng cộng	1.611,4	1.596,5	1.058,4	1.184,3	11,9%



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

- 120 Thông tin chung
- 122 Báo cáo của Ban Điều hành
- 123 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 125 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 127 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 128 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 130 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp; cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 8, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch	
Ông Trần Đình Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên độc lập	
Ông Hoàng Nguyên Bình	Thành viên độc lập	
Ông Trần Hoàng Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Nguyên Bình	Chủ tịch
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Tấn Đạt.

Ông Trần Đình Hà được Ông Phan Tấn Đạt ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 09/2022/GUQ-KS ngày 21 tháng 7 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. *Am*

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



TRẦN ĐÌNH HÀ

Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2023



Ernst & Young Law Vietnam Limited
20th floor, Bitexco Financial Tower,
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City S.R. of Vietnam

Tel +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61354722/22012538-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



NGUYỄN QUỐC HOÀNG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2023



ĐẶNG NGUYỄN HƯƠNG

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5041-2019-004-1

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01 – DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.058.952.095.072	2.100.298.588.526
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	122.310.178.437	94.189.722.384
111	1. Tiền		112.310.178.437	84.189.722.384
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	10.000.000.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		10.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.1	10.000.000.000	-
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		1.867.221.684.021	1.924.639.919.388
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	187.575.318.780	192.700.105.127
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.449.002.178	9.025.418.829
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	239.361.089.890	207.361.089.890
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.496.400.737.629	1.585.604.952.483
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	[66.564.464.456]	[70.051.646.941]
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	10	28.357.356.032	39.114.885.484
141	1. Hàng tồn kho		28.357.356.032	39.114.885.484
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		31.062.876.582	42.354.061.270
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	31.006.708.901	41.205.429.374
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		56.167.681	1.148.631.896
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.183.820.151.356	1.884.556.054.261
210	<i>I. Khoản phải thu dài hạn</i>		876.404.385.860	425.206.045.142
211	1. Phải thu dài hạn khách hàng	5	7.800.000.000	13.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	868.604.385.860	412.206.045.142
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		96.765.612.976	117.135.290.630
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	84.264.509.092	66.921.470.290
222	Nguyên giá		309.354.823.679	250.840.944.744
223	Giá trị khấu hao lũy kế		[225.090.314.587]	[183.919.474.454]
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	12.415.516.921	49.939.825.721
225	Nguyên giá		21.142.793.626	83.384.228.306
226	Giá trị hao mòn lũy kế		[8.727.276.705]	[33.444.402.585]
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	85.586.963	273.994.619
228	Nguyên giá		1.859.582.990	1.859.582.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		[1.773.996.027]	[1.585.588.371]
230	<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	15	125.379.460.022	131.299.573.088
231	1. Nguyên giá		198.994.282.106	228.079.092.761
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		[73.614.822.084]	[96.779.519.673]
240	<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>		516.049.670.432	611.489.432.077
242	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16	516.049.670.432	611.489.432.077
250	<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		338.953.583.945	341.164.833.643
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.2	32.647.583.945	34.858.833.643
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.3	306.306.000.000	306.306.000.000
260	<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>		230.267.438.121	258.260.879.681
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	186.557.096.990	206.723.525.508
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	4.436.524.284	5.122.843.354
269	3. Lợi thế thương mại	18	39.273.816.847	46.414.510.819
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.242.772.246.428	3.984.854.642.787

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01 – DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.301.911.131.618	2.196.998.229.715
310	I. Nợ ngắn hạn		1.341.966.239.032	1.231.211.278.709
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	47.024.767.908	38.027.475.129
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		687.441.315	1.536.307.130
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	64.320.928.996	67.804.370.578
314	4. Phải trả người lao động		2.971.326.593	2.102.935.907
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	37.381.722.809	22.755.510.098
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	20.756.639.928	38.350.598.114
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	367.997.804.237	614.946.174.705
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	758.029.979.742	386.734.826.454
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	42.795.627.504	58.953.080.594
330	II. Nợ dài hạn		959.944.892.586	965.786.951.006
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	571.087.012.374	589.244.564.792
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	2.978.363.275	4.047.913.213
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	357.669.626.261	343.231.218.496
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	26	28.209.890.676	29.263.254.505
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.940.861.114.810	1.787.856.413.072
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.1	1.940.861.114.810	1.787.856.413.072
411	1. Vốn cổ phần		766.312.020.000	736.312.020.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		766.312.020.000	736.312.020.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.658.500	1.658.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.354.000.000)	(3.354.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		184.725.312.353	169.383.360.103
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		993.176.123.957	885.513.374.469
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		883.656.017.956	698.916.603.215
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		109.520.106.001	186.596.771.254
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.242.772.246.428	3.984.856.642.787


LƯƠNG TRỌNG TÍN

Người lập biểu


NGUYỄN HOÀNG TÂM

Kế toán trưởng

**TRẦN ĐÌNH HÀ**

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02 – DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	859.149.585.991	884.273.309.528
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(43.190.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	859.106.395.991	884.273.309.528
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29, 32	(542.110.057.065)	(472.055.424.680)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		316.996.338.926	412.217.884.848
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	93.901.793.925	102.747.237.893
22	7. Chi phí tài chính	30	(135.109.191.567)	(94.591.553.193)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(135.109.191.567)	(94.580.866.798)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	17.1	(2.211.249.698)	(5.255.721.037)
25	9. Chi phí bán hàng	31, 32	(40.304.753.828)	(55.048.941.507)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31, 32	(52.948.621.642)	(61.720.377.587)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		180.324.316.116	298.348.529.417
31	12. Thu nhập khác	33	27.109.932.451	18.534.210.544
32	13. Chi phí khác	33	(23.341.738.365)	(15.577.492.190)
40	14. Lợi nhuận khác	33	3.768.194.086	2.956.718.354
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		184.092.510.202	301.305.247.771
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(31.322.756.246)	(47.086.590.116)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	(686.319.070)	(1.405.875.038)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		152.083.434.886	252.812.782.617
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	1.717	2.966
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	1.717	2.966


LƯƠNG TRỌNG TÍN

Người lập biểu


NGUYỄN HOÀNG TÂM

Kế toán trưởng

**TRẦN ĐÌNH HÀ**

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03 - DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		184.092.510.202	301.305.247.771
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 15, 18	178.488.693.237	153.573.691.360
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(4.540.546.314)	11.185.623.024
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(98.467.249.773)	(98.529.412.257)
06	Chi phí lãi vay	30	135.109.191.567	94.580.866.798
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		394.682.598.919	462.116.016.696
09	Tăng các khoản phải thu		147.000.279.485	(178.942.259.367)
10	Giảm hàng tồn kho		11.338.747.034	8.725.254.075
11	Giảm các khoản phải trả		(283.432.077.688)	(107.817.544.153)
12	Giảm chi phí trả trước		30.365.148.991	40.935.586.577
14	Tiền lãi vay đã trả		(96.395.745.818)	(100.514.443.346)
15	Thuế TNDN đã nộp	20	(36.073.600.126)	(41.632.528.961)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	25	(37.636.186.238)	(38.636.021.438)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		129.849.164.559	44.234.060.083
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(508.999.664.482)	(172.978.462.049)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		2.000.000.000	2.909.090.909
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(62.000.000.000)	(70.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		20.000.000.000	100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(358.656.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	306.750.000.000
27	Lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức được chia		52.591.442.265	119.234.675.072
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(496.408.222.217)	(172.640.696.068)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	27.1	30.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	24	989.300.478.234	524.073.921.326
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(614.234.013.549)	(439.705.184.441)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	24	(10.386.950.974)	(13.328.500.952)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		394.679.513.711	71.040.235.933
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		28.120.456.053	(57.366.400.052)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		94.189.722.384	151.556.122.436
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	122.310.178.437	94.189.722.384


LƯƠNG TRỌNG TÍN

Người lập biểu


NGUYỄN HOÀNG TÂM

Kế toán trưởng

**TRẦN ĐÌNH HÀ**

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006 sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp; cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty đối với hoạt động kinh doanh khoáng sản là 12 tháng và hoạt động đầu tư các dự án cho thuê khu công nghiệp là từ 36 đến 60 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 8, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Tân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 310 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 331).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp và một (1) công ty liên kết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
(1) Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Tỉnh Bình Dương	Phát triển khu công nghiệp	100	100
(2) Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Khai khoáng Thăng Long	Tỉnh Đồng Nai	Khai thác khoáng sản	100	100
(3) Công ty TNHH Đầu tư KSB	Tỉnh Bình Dương	Hoạt động đầu tư, dịch vụ tài chính	100	100
(4) Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Tỉnh Bình Phước	Khai thác khoáng sản	100	100
(5) Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp vật liệu xây dựng	50	50

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Kế toán máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	• chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	• giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	6 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	38 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Đất và hạ tầng khu công nghiệp cho thuê	38 năm

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại Thuyết minh số 3.20, khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến các dự án khu công nghiệp, mỏ đá, mỏ sét mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác gắn liền với chi phí phát triển phát sinh trong quá trình khai mỏ khoáng vật và được vốn hóa như chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dựa trên sản lượng khoáng vật được khai thác.

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng môi giới được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Công cụ dụng cụ

Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Nhà nước trong thời hạn 48 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả (tiếp theo)

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 – DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cho thuê ghi nhận một lần

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Nhóm Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- » Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Nhóm Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- » Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- » Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- » Nhóm Công ty phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.23 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	494.399.351	1.152.381.721
Tiền gửi ngân hàng	111.815.779.086	83.037.340.663
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	122.310.178.437	94.189.722.384

(*) Khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi là 4,6%/năm.

Ngoài ra, khoản tiền gửi ngân hàng kể trên đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	187.575.318.780	192.700.105.127
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	10.400.000.000	5.200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ MDT	10.400.000.000	5.200.000.000
Phải thu từ hoạt động kinh doanh khoáng sản và cung cấp dịch vụ	105.860.734.334	103.845.878.958
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Đại Phong	24.883.059.999	6.842.008.271
Công ty TNHH Ngọc Lợi	21.751.905.168	12.890.760.766
Công ty TNHH MTV Đầu tư Song Lộc	8.476.198.830	8.476.198.830
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát Lợi	360.742.208	7.053.591.686
Công ty TNHH Ngọc Quý	-	1.431.030.476
Khác	50.388.828.129	67.152.288.929
Phải thu từ hoạt động kinh doanh cho thuê khu công nghiệp	71.314.584.446	83.654.226.169
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thái Hòa	17.443.262.500	17.443.262.500
Công ty TNHH Công nghiệp Vantex	8.900.465.037	8.880.046.080
Công ty TNHH Good Winning	321.969.676	166.450.556
Khác	44.648.887.233	57.164.467.033
Dài hạn	7.800.000.000	13.000.000.000
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	7.800.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ MDT	7.800.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	195.375.318.780	205.700.105.127
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 9)	(36.564.464.456)	(40.051.646.941)
GIÁ TRỊ THUẦN	158.810.854.324	165.648.458.186

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chùa Bửu Sơn	8.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Mỏ Khoáng Sản	-	1.800.000.000
Khác	2.449.002.178	2.225.418.829
TỔNG CỘNG	10.449.002.178	9.025.418.829

(*) Đây là khoản trả trước cho Chùa Bửu Sơn để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	224.861.089.890	194.861.089.890
Bên liên quan (Thuyết minh số 36)	14.500.000.000	12.500.000.000
TỔNG CỘNG	239.361.089.890	207.361.089.890
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 9)	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	209.361.089.890	177.361.089.890

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Tỉnh Vân	75.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 6 năm 2023 đến ngày 4 tháng 9 năm 2023	12 - 17
Các cá nhân khác	65.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 5 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023	15 - 17
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Mercury	52.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023	12
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	Quá hạn	12
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	14.500.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	12
Công ty TNHH Huệ Minh	2.861.089.890	Quá hạn	11
TỔNG CỘNG	239.361.089.890		

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.242.220.000.000	1.420.220.000.000
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư (i)		
• Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng	1.072.220.000.000	1.072.220.000.000
• Công ty sở hữu dự án tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và các công ty khác	170.000.000.000	170.000.000.000
Phải thu từ thanh lý hợp đồng (ii)	131.579.000.000	171.579.000.000
Tạm ứng đền bù đất (iii)	56.678.491.189	141.827.037.096
Lãi từ ủy thác đầu tư	29.621.917.808	-
Phải thu lãi cho vay	25.262.656.233	22.504.222.381
Cổ tức	8.930.000.000	-
Khác	2.108.672.399	7.474.693.006
Dài hạn	868.604.385.860	412.206.045.142
Hợp đồng hợp tác đền bù giải phóng mặt bằng (iv)	829.878.000.000	371.078.000.000
Ký quỹ, ký cược	36.455.606.617	36.429.045.142
Khác	2.270.779.243	4.699.000.000
TỔNG CỘNG	2.365.005.123.489	1.997.810.997.625
Trong đó:		
• Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 36)	1.965.122.000	2.242.874.000
• Phải thu các bên khác	2.363.040.001.489	1.995.568.123.625

- (i) Khoản này thể hiện khoản ủy thác đầu tư cho các cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần và vốn góp. Một số cổ phiếu do các cá nhân này nắm giữ đã được dùng để thế chấp các trái phiếu thường trong nước.
- (ii) Đây là khoản phải thu từ thanh lý hợp đồng thực hiện đền bù và thi công hạ tầng dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cước giữa Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bình Dương ("Dịch vụ Bình Dương"). Theo đó, theo Cam kết trả nợ, Dịch vụ Bình Dương phải hoàn trả lại toàn bộ khoản tiền này cho Nhóm Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- (iii) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên và quản lý chủ chốt để đền bù đất cho dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cước.
- (iv) Đây là khoản tạm ứng theo Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Trí ("Minh Trí") và một cá nhân liên quan đến việc bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cước. Theo hợp đồng này, Nhóm Công ty sẽ thanh toán khoản phí dịch vụ là 2% trên tổng giá trị đất bồi thường thực tế

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**9.1 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	70.051.646.941	58.822.285.909
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.606.388.947	11.484.256.574
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.093.571.432)	(254.895.542)
Số cuối năm	66.564.464.456	70.051.646.941

9.2 Nợ quá hạn

	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Số đầu năm		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thái Hòa	17.443.262.500	(12.210.283.750)	5.232.978.750	17.443.262.500	(8.721.631.250)	8.721.631.250
Công ty TNHH MTV Đầu tư Song Lộc	8.476.198.830	(8.476.198.830)	-	8.476.198.830	(8.476.198.830)	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	4.999.416.150	(4.999.416.150)	-	4.999.416.150	(4.999.416.150)	-
Công ty TNHH Khoáng Sản Hà Đô	4.594.040.380	(3.215.828.266)	1.378.212.114	4.594.040.380	(2.297.020.190)	2.297.020.190
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	2.765.064.363	(2.765.064.363)	-	2.765.064.363	(2.765.064.363)	-
Công ty Cổ phần Ecoplastics Solutions	-	-	-	16.649.518.800	(8.093.571.432)	8.555.947.368
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.581.865.392	(4.897.673.097)	2.684.192.295	6.743.534.785	(4.698.744.726)	2.044.790.059
TỔNG CỘNG	75.859.847.615	(66.564.464.456)	9.295.383.159	91.671.035.808	(70.051.646.941)	21.619.388.867

VND

B09 - DN/HN

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm (*)	23.900.250.589	34.944.070.323
Nguyên liệu, vật liệu	3.998.322.577	3.652.025.001
Công cụ, dụng cụ	243.466.466	129.129.509
Hàng hóa	215.316.400	389.660.651
TỔNG CỘNG	28.357.356.032	39.114.885.484

(*) Thành phẩm lưu động trị giá 10.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	31.006.708.901	41.205.429.374
Chi phí hoa hồng	19.537.934.069	35.955.358.136
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.005.548.337	2.019.386.014
Khác	4.463.226.495	3.230.685.224
Dài hạn	186.557.096.990	206.723.525.508
Chi phí thuê đất (*)	57.510.797.653	58.296.293.863
Chi phí đền bù	49.696.534.967	58.230.928.025
Chi phí cấp quyền khai thác	38.576.509.705	47.423.997.051
Khác	40.773.254.665	42.772.306.569
TỔNG CỘNG	217.563.805.891	247.928.954.882

(*) Quyền sử dụng đất thuộc văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con, đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24.1).

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

Nguyên giá:	Nhà xưởng và vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Số đầu năm	100.357.448.898	114.180.417.933	28.770.547.899	4.798.393.412	2.734.136.602	250.840.944.744
Mua mới trong năm	-	1.478.901.880	-	-	-	1.478.901.880
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	61.381.605.481	-	859.829.199	-	62.241.434.680
Thanh lý trong năm	(62.194.012)	(5.113.863.613)	-	(30.400.000)	-	(5.206.457.625)
Số cuối năm	100.295.254.886	171.927.061.681	28.770.547.899	5.627.822.611	2.734.136.602	309.354.823.679
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	23.076.235.817	73.031.235.046	19.771.805.065	3.318.990.380	-	119.198.266.308
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(59.364.474.261)	(95.531.487.617)	(24.377.186.652)	(3.233.345.422)	(1.412.980.502)	(183.919.474.454)
Khấu hao trong năm	(3.931.605.505)	(9.656.843.399)	(1.256.013.479)	(517.614.348)	(345.692.668)	(15.707.769.399)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(29.519.386.367)	-	(590.316.384)	-	(30.109.702.751)
Thanh lý trong năm	62.194.012	4.554.038.005	-	30.400.000	-	4.646.632.017
Số cuối năm	(63.233.885.754)	(130.153.679.378)	(25.633.200.131)	(4.310.876.154)	(1.758.673.170)	(225.090.314.587)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	40.992.974.637	18.648.930.316	4.393.361.247	1.565.047.990	1.321.156.100	66.921.470.290
Số cuối năm	37.061.369.132	41.773.382.303	3.137.347.768	1.316.946.457	975.463.432	84.264.509.092

(*) Văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con, đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24.1).

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	82.524.399.107	859.829.199	83.384.228.306
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(61.381.605.481)	(859.829.199)	(62.241.434.680)
Số cuối năm	21.142.793.626	-	21.142.793.626
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(32.903.279.233)	(541.123.352)	(33.444.402.585)
Khấu hao trong năm	(5.343.383.839)	(49.193.032)	(5.392.576.871)
Mua lại tài sản cố định	29.519.386.367	590.316.384	30.109.702.751
Số cuối năm	(8.727.276.705)	-	(8.727.276.705)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	49.621.119.874	318.705.847	49.939.825.721
Số cuối năm	12.415.516.921	-	12.415.516.921

Nhóm Công ty thuê máy móc và thiết bị quản lý theo các hợp đồng thuê tài chính ký ngày 6 tháng 11 năm 2018 với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê là 60 tháng. Theo đó, Nhóm Công ty có quyền mua lại máy móc thiết bị khi hết thời gian thuê. Các cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo các hợp đồng thuê tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 24.3.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	200.000.000	1.659.582.990	1.859.582.990
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	200.000.000	1.005.520.000	1.205.520.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(200.000.000)	(1.385.588.371)	(1.585.588.371)
Khấu hao trong năm	-	(188.407.656)	(188.407.656)
Số cuối năm	(200.000.000)	(1.573.996.027)	(1.773.996.027)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	273.994.619	273.994.619
Số cuối năm	-	85.586.963	85.586.963

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	40.973.916.770	1.607.721.600	160.632.641.794	24.864.812.597	228.079.092.761
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	88.285.875.649	56.001.270.924	-	144.287.146.573
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	(88.285.875.649)	(56.001.270.924)	-	(144.287.146.573)
Thanh lý trong năm	(17.619.876.543)	-	-	(11.464.934.112)	(29.084.810.655)
Số cuối năm	23.354.040.227	1.607.721.600	160.632.641.794	13.399.878.485	198.994.282.106
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	-	-	1.337.866.160	1.337.866.160
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(24.440.244.007)	(859.774.996)	(50.749.890.754)	(20.729.609.916)	(96.779.519.673)
Khấu hao trong năm	(1.040.028.324)	(88.328.184.109)	(59.342.280.696)	(1.348.752.210)	(150.059.245.339)
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	88.285.875.649	56.001.270.924	-	144.287.146.573
Thanh lý trong năm	17.494.978.642	-	-	11.441.817.713	28.936.796.355
Số cuối năm	(7.985.293.689)	(902.083.456)	(54.090.900.526)	(10.636.544.413)	(73.614.822.084)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	16.533.672.763	747.946.604	109.882.751.040	4.135.202.681	131.299.573.088
Số cuối năm	15.368.746.538	705.638.144	106.541.741.268	2.763.334.072	125.379.460.022

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 28.1 và 29.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê lại thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tương đương với giá trị còn lại vào ngày này.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn thể hiện chi phí phát sinh cho các dự án đang trong giai đoạn phát triển, chi tiết như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc (*)	272.586.923.114	410.827.549.843
Dự án mỏ đá Tam Lập	145.221.035.560	104.658.686.486
Dự án mỏ sét Phước Hòa	54.903.019.630	54.903.019.630
Dự án mỏ đá Tân Mỹ	18.727.054.236	18.727.054.236
Khác	24.611.637.892	22.373.121.882
TỔNG CỘNG	516.049.670.432	611.489.432.077

(*) Nhóm Công ty đã dùng các quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ("KCN Đất Cuốc") để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Sài Gòn (Thuyết minh số 24.1 và 24.2).

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 17.1)	10.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 17.2)	32.647.583.945	34.858.833.643
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 17.3)	306.306.000.000	306.306.000.000
TỔNG CỘNG	348.953.583.945	341.164.833.643

17.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương có kỳ hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất 3,7%/năm. Khoản tiền gửi ngân hàng này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

17.2 Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
			% Sở hữu	Giá trị (VND)	% Sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Cung cấp vật liệu xây dựng	Đang hoạt động	50	32.647.583.945	50	34.858.833.643

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

VND	
	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	53.000.000.000
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	(18.141.166.357)
Phần lỗ từ công ty liên kết	(2.211.249.698)
Số cuối năm	(20.352.416.055)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	34.858.833.643
Số cuối năm	32.647.583.945

17.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản Xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (i)	9,57	306.306.000.000	-	9,57	306.306.000.000	-

(i) Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản Xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa ("VLB") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4704000043 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 6 năm 2005, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600275107 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VLB là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng và cung cấp dịch vụ xây dựng. VLB có trụ sở chính đăng ký tại K4/79C Đường Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, Phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Toàn bộ 4.500.000 cổ phiếu VLB thuộc sở hữu của Nhóm Công ty đã được thế chấp cho khoản vay trái phiếu (Thuyết minh số 24.4)

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Lợi thế thương mại
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	71.406.939.721
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(24.992.428.902)
Phân bổ trong năm	(7.140.693.972)
Số cuối năm	(32.133.122.874)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	46.414.510.819
Số cuối năm	39.273.816.847

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát Lợi	21.885.372.121	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	4.440.172.226	6.440.172.226
Ông Lại Duy Thanh	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	1.845.415.422	7.084.490.523
Khác	15.353.808.139	21.002.812.380
TỔNG CỘNG	47.024.767.908	38.027.475.129

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.577.152.494	31.322.756.246	(36.073.600.126)	28.826.308.614
Thuế giá trị gia tăng	30.834.507.045	52.651.977.748	(55.421.440.100)	28.065.044.693
Thuế tài nguyên	2.384.771.840	25.598.592.950	(23.321.690.630)	4.661.674.160
Phí bảo vệ môi trường	1.005.121.449	11.044.846.983	(10.060.086.406)	1.989.882.026
Thuế thu nhập cá nhân	2.817.750	4.295.838.477	(3.520.636.724)	778.019.503
Thuế khác	-	5.081.602.596	(5.081.602.596)	-
TỔNG CỘNG	67.804.370.578	129.995.615.000	(133.479.056.582)	64.320.928.996

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	33.695.930.068	6.947.260.274
Dịch vụ thu xếp vốn trái phiếu	-	9.513.636.364
Khác	3.685.792.741	6.294.613.460
TỔNG CỘNG	37.381.722.809	22.755.510.098

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.756.639.928	38.350.598.114
Khoản thu trước tiên cho thuê đất Khu Công nghiệp Đất Cốc	20.756.639.928	38.350.598.114
Dài hạn	571.087.012.374	589.244.564.792
Khoản thu trước tiên cho thuê đất Khu Công nghiệp Đất Cốc	571.087.012.374	589.244.564.792
TỔNG CỘNG	591.843.652.302	627.595.162.906

23. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	367.997.804.237	614.946.174.705
Nhận đặt cọc hợp đồng cho thuê đất (*)	334.959.873.502	534.751.497.486
Mượn không lãi suất (**)	12.000.000.000	60.000.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy Ban và tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị và thường cán bộ quản lý điều hành	11.261.119.234	9.884.965.270
Khác	9.776.811.501	10.309.711.949
Dài hạn	2.978.363.275	4.047.913.213
Nhận ký cược, ký quỹ	2.978.363.275	4.047.913.213
TỔNG CỘNG	370.976.167.512	618.994.087.918

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc nhận của khách hàng thuê đất thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cốc.

(**) Đây là khoản mượn từ các cá nhân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả nợ vay	Trả nợ thuế tài chính	Phân loại lại	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
386.734.826.454	259.300.478.234	(513.405.013.549)	(9.351.159.498)	618.456.861.363	16.293.986.738	758.029.979.742
Vay ngân hàng [Thuyết minh số 24.1]	93.677.653.694	259.300.478.234	[213.405.013.549]	-	-	139.573.118.379
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả [Thuyết minh số 24.2]	-	-	-	443.328.000.000	-	443.328.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả [Thuyết minh số 24.3]	9.351.159.498	-	(9.351.159.498)	3.302.235.102	-	3.302.235.102
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả [Thuyết minh số 24.4]	300.000.000.000	(300.000.000.000)	-	175.000.000.000	-	175.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu [Thuyết minh số 24.2]	(16.293.986.738)	-	-	(3.173.373.739)	16.293.986.738	(3.173.373.739)
Dài hạn	343.231.218.496	(100.829.000.000)	(1.035.791.476)	(618.456.861.363)	4.760.060.604	357.669.626.261
Vay ngân hàng [Thuyết minh số 24.2]	-	(100.829.000.000)	-	(443.328.000.000)	-	185.843.000.000
Nợ thuế tài chính [Thuyết minh số 24.3]	4.338.026.578	-	(1.035.791.476)	(3.302.235.102)	-	-
Trái phiếu thường [Thuyết minh số 24.4]	350.000.000.000	-	-	(175.000.000.000)	-	175.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu [Thuyết minh số 24.4]	(11.106.808.082)	-	-	3.173.373.739	4.760.060.604	(3.173.373.739)
TỔNG CỘNG	729.966.044.950	(675.234.013.549)	(10.386.950.974)	-	21.054.047.342	1.115.699.606.003

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	119.573.118.379	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 6 năm 2023	5,5% - 7,0%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con tổng giá trị là 103.785.666.000 VND, hàng hóa lưu động trị giá 10.000.000.000 VND [Thuyết minh số 10] và tiền gửi có kỳ hạn trị giá 20.000.000.000 VND [Thuyết minh số 4 và 17.1].
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	20.000.000.000	Ngày 14 tháng 6 năm 2023 và ngày 15 tháng 6 năm 2023	15,9%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cước [Thuyết minh số 16].
TỔNG CỘNG	139.573.118.379			

24.2 Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	629.171.000.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	15,1 - 18,0%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cước [Thuyết minh số 16].
Trong đó:				
- Vay dài hạn	185.843.000.000			
- Vay dài hạn đến hạn trả	443.328.000.000			

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

24 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 Nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả					Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	3.499.826.374	197.591.272	3.302.235.102	809.293.564	9.351.159.498
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 – 5 năm	-	-	4.539.716.332	201.689.754	4.338.026.578
TỔNG CỘNG	3.499.826.374	197.591.272	3.302.235.102	1.010.983.318	13.689.186.076

24.4 Trái phiếu phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (i)	350.000.000.000	350.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (ii)	-	300.000.000.000	
Chi phí phát hành trái phiếu	(6.346.747.478)	(27.400.794.820)	
Số cuối năm	343.653.252.522	622.599.205.180	
<i>Trong đó:</i>			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	171.826.626.261	283.706.013.262	
Trái phiếu dài hạn	171.826.626.261	338.893.191.918	

(i) Vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành 3.500 trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền với tổng giá trị 350 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu) với kỳ hạn 3 năm.

Hàng quý sau 18 (mười tám) tháng kể từ ngày phát hành, chủ sở hữu trái phiếu có quyền đề nghị Công ty mua lại trước hạn tối đa 10% tổng giá trị mệnh giá trái phiếu phát hành, khoản gốc còn lại sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Nhóm Công ty.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất 42.482 m² đang tồn tại của dự án Khu công nghiệp Đất Cuốc;
- 4.500.000 cổ phiếu VLB thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư KSB, công ty con của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 17.3); và
- Các cổ phiếu của các cá nhân.

Các trái phiếu này chịu lãi suất 11,5%/năm cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,5%/năm, trong trường hợp lãi suất tham chiếu nhỏ hơn 6,5%/năm thì lãi suất trái phiếu áp dụng là 11%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo. Tiền lãi sẽ được trả theo kỳ 6 tháng.

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	58.953.080.594	58.817.288.725
Trích lập (Thuyết minh số 27.1)	21.478.733.148	38.771.813.307
Sử dụng quỹ	(37.636.186.238)	(38.636.021.438)
Số cuối năm	42.795.627.504	58.953.080.594

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Dự phòng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	25.776.744.505	551.745.262	(1.362.059.091)	24.966.430.676
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.486.510.000	-	(243.050.000)	3.243.460.000
TỔNG CỘNG	29.263.254.505	551.745.262	(1.605.109.091)	28.209.890.676

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

27. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**
27.1 **Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	669.684.780.000	1.658.500	(3.354.000.000)	144.129.431.146	773.505.574.116	1.583.967.443.762
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	252.812.782.617	252.812.782.617
Cổ tức bằng cổ phiếu	66.627.240.000	-	-	-	(66.627.240.000)	-
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	25.253.928.957	(25.253.928.957)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(38.771.813.307)	(38.771.813.307)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ủy ban và Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và thường ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(7.152.000.000)	(7.152.000.000)
Quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số cuối năm	736.312.020.000	1.658.500	(3.354.000.000)	169.383.360.103	885.513.374.469	1.787.856.413.072
Năm nay						
Số đầu năm	736.312.020.000	1.658.500	(3.354.000.000)	169.383.360.103	885.513.374.469	1.787.856.413.072
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	152.083.434.886	152.083.434.886
Phát hành cổ phiếu (*)	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	15.341.952.250	(15.341.952.250)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(21.478.733.148)	(21.478.733.148)
Thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và các ủy ban (**)	-	-	-	-	(5.600.000.000)	(5.600.000.000)
Quỹ khác (**)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	766.312.020.000	1.658.500	(3.354.000.000)	184.725.312.353	993.176.123.957	1.940.861.114.810

(*) Vào ngày 20 tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành mới 3.000.000 cổ phiếu cho cán bộ quản lý, cán bộ chủ chốt của Công ty với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18/2021/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Vào ngày 28 tháng 1 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 583/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu này của Công ty.

Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương thông qua Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 23 cấp ngày 17 tháng 3 năm 2022.

(**) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích quỹ đầu tư, phát triển là 10%, quỹ khen thưởng là 7% và quỹ phúc lợi là 7%, thù lao của Hội đồng quản trị và các Ủy ban khác là 2% dựa trên lợi nhuận thuần trong năm 2021 và quỹ phát triển cộng đồng là 2.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã trích bổ sung các quỹ trong năm 2022 với số tiền là 1.857.357.513 VND.

Cũng theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên này, các cổ đông của Nhóm Công ty đã thông qua mức dự tính trích quỹ đầu tư, phát triển là 10%, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 14% và thù lao, ngân sách của Hội đồng quản trị và các ủy ban khác là 6.000.000.000 VND. Theo đó, dựa trên lợi nhuận thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư, phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 36.563.328.885 VND và thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và các ủy ban khác là 6.000.000.000 VND.

27.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	76.631.202	73.631.202
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.631.202	73.631.202
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(335.400)	(335.400)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.631.202	73.631.202

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	736.312.020.000	669.684.780.000
Tăng trong năm	30.000.000.000	66.627.240.000
Số cuối năm	766.312.020.000	736.312.020.000

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU**28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	859.149.585.991	884.273.309.528
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.702.601.506	469.032.578.752
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần (*)	274.256.675.863	359.390.230.273
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	58.190.308.622	55.850.500.503
Giảm trừ doanh thu		
Giảm trừ doanh thu	(43.190.000)	-
DOANH THU THUẦN	859.106.395.991	884.273.309.528
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.659.411.506	469.032.578.752
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	274.256.675.863	359.390.230.273
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	58.190.308.622	55.850.500.503

(*) Doanh thu cho thuê là doanh thu ghi nhận một lần đối với các tài sản cho thuê dài hạn có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3.20. Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, thì ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp như sau:

	VND			
	Năm nay		Năm trước	
	Doanh thu được ghi nhận một lần	Doanh thu được phân bổ theo thời gian cho thuê	Doanh thu được ghi nhận một lần	Doanh thu được phân bổ theo thời gian cho thuê
Doanh thu thuần	274.256.675.863	8.066.372.820	359.390.230.273	10.568.188.514
Giá vốn dịch vụ cung cấp	(144.287.146.573)	(4.243.739.605)	(116.412.737.108)	(3.421.791.656)
Lợi nhuận gộp	129.969.529.290	3.822.633.215	242.977.493.165	7.146.396.858

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	57.041.672.660	18.568.721.753
Cổ tức	35.459.300.000	80.971.943.100
Lãi tiền gửi	1.400.821.265	3.206.573.040
TỔNG CỘNG	93.901.793.925	102.747.237.893

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán và dịch vụ cung cấp	378.974.283.905	335.659.149.321
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	144.287.146.573	116.412.737.108
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	18.848.626.587	19.983.538.251
TỔNG CỘNG	542.110.057.065	472.055.424.680

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	135.109.191.567	94.580.866.798
Khác	-	10.686.395
TỔNG CỘNG	135.109.191.567	94.591.553.193

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	40.304.753.828	55.048.941.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.785.873.207	46.816.971.346
Chi phí nhân viên	4.230.512.593	5.656.608.607
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.461.414.136	1.253.216.473
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	648.418.097	698.925.574
Chi phí khác	178.535.795	623.219.507
Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.948.621.642	61.720.377.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.804.563.747	25.865.689.594
Chi phí nhân viên	12.345.176.795	12.355.518.330
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	9.486.277.397	8.559.997.449
Chi phí khác	2.312.603.703	14.939.172.214
TỔNG CỘNG	93.253.375.470	116.769.319.094

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.240.724.076	237.207.167.977
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 12, 13, 14, 15 và 18)	178.488.693.237	153.573.691.360
Chi phí nguyên vật liệu	143.423.777.710	88.843.034.547
Chi phí nhân viên	61.108.164.108	55.339.045.360
Chi phí khác	66.102.073.404	53.861.804.530
TỔNG CỘNG	635.363.432.535	588.824.743.774

33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	27.109.932.451	18.534.210.544
Tiền điện	17.088.166.054	15.240.217.935
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	6.776.705.546	1.037.895.401
Khác	3.245.060.851	2.256.097.208
Chi phí khác	(23.341.738.365)	(15.577.492.190)
Tiền điện	(16.461.806.829)	(14.053.325.826)
Khác	(6.879.931.536)	(1.524.166.364)
LỢI NHUẬN KHÁC	3.768.194.086	2.956.718.354

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	31.278.972.164	47.086.590.116
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	43.784.082	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.322.756.246	47.086.590.116
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	686.319.070	1.405.875.038
TỔNG CỘNG	32.009.075.316	48.492.465.154

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	184.092.510.202	301.305.247.771
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	36.818.502.040	60.261.049.554
Các khoản điều chỉnh:		
Phân bổ lợi thế thương mại	1.428.138.794	1.428.138.794
Lỗi từ công ty liên kết	442.249.940	1.051.144.207
Chi phí không được trừ	409.078.179	48.425.992
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	43.784.082	-
Thuế TNDN của công ty con được giảm	-	(1.036.360.427)
Lỗi của các công ty con chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(249.467.171)	(324.108.039)
Thu nhập cổ tức	(7.091.860.000)	(13.283.188.620)
Khác	208.649.452	347.363.693
Chi phí thuế TNDN	32.009.075.316	48.492.465.154

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí cải tạo môi trường	4.703.782.645	4.906.663.130	(202.880.485)	69.531.335
Trợ cấp thôi việc phải trả	648.692.000	697.302.000	(48.610.000)	(120.194.000)
Khác	(915.950.361)	(481.121.776)	(434.828.585)	(1.355.212.373)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.436.524.284	5.122.843.354		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(686.319.070)	(1.405.875.038)

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	152.083.434.886	252.812.782.617
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(21.328.608.516)	(35.393.729.566)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	130.754.826.370	217.419.053.051
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	76.139.638	73.295.802
Lãi trên cổ phiếu		
• Lãi cơ bản (VND/ cổ phiếu)	1.717	2.966
• Lãi suy giảm (VND/ cổ phiếu)	1.717	2.966

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 5 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 5 năm 2022.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con
Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Khai khoáng Thăng Long	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư KSB	Công ty con
Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần DRH Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Công ty con của Cổ đông lớn
Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Hoàng Nguyên Bình	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Ông Trần Đình Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán
Ông Trần Hoàng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Các cá nhân	Quản lý chủ chốt	Tạm ứng đền bù	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Cho vay	2.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.722.248.000	1.249.998.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Phải thu khác				
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.965.122.000	2.242.874.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Cho vay	14.500.000.000	12.500.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao và tiền lương của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	7.222.119.948	6.223.142.397
Ông Phan Tấn Đạt	1.802.187.500	1.671.300.711
Ông Trần Đình Hà	1.479.693.500	1.380.914.320
Ông Nguyễn Quốc Phòng	1.169.254.499	1.017.901.684
Ông Nguyễn Hoàn Sơn	753.435.000	699.988.788
Ông Đặng Quang Thung	690.069.818	666.777.165
Ông Lê Hoài Nam	574.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Đông	564.479.631	559.459.729
Ông Trần Hoàng Anh	189.000.000	-
Ông Trần Ngọc Đính	-	118.800.000
Ông Dương Ngọc Hải	-	108.000.000
Thù lao Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT	882.000.000	648.000.000
Ông Hoàng Nguyên Bình	441.000.000	324.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	441.000.000	324.000.000
TỔNG CỘNG	8.104.119.948	6.871.142.397

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động các mỏ đá, mỏ sét và nhà xưởng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	336.710.333	641.234.688
Từ 1 - 5 năm	1.346.841.332	1.093.086.224
Trên 5 năm	3.500.186.048	3.003.233.440
TỔNG CỘNG	5.183.737.713	4.737.554.352

Ngoài ra, Nhóm Công ty hiện đang cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	96.466.253.884	93.066.106.976
Từ 1 - 5 năm	194.396.019.265	292.927.944.259
Trên 5 năm	567.291.171.253	389.581.931.544
TỔNG CỘNG	858.153.444.402	775.575.982.779

Cam kết các hợp đồng xây dựng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với giá trị là 23.624.045.739 VND.

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là hoạt động kinh doanh khoáng sản và hoạt động cho thuê khu công nghiệp. Theo đó, các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm, dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09 - DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính cùng ngày như sau:

	VND			
	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.659.411.506	542.050.744.485	(209.603.760.000)	859.106.395.991
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	147.685.127.601	169.311.211.325	-	316.996.338.926
Chi phí không phân bổ				(93.253.375.470)
Doanh thu hoạt động tài chính				93.901.793.925
Chi phí tài chính				(135.109.191.567)
Phần lỗ trong công ty liên kết				(2.211.249.698)
Lợi nhuận khác				3.768.194.086
Lợi nhuận thuần trước thuế				184.092.510.202
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(31.322.756.246)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(686.319.070)
Lợi nhuận thuần sau thuế				152.083.434.886
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	3.563.509.317.960	1.644.028.903.710	(1.402.857.671.705)	3.804.680.549.965
Tài sản không phân bổ				438.091.696.283
Tổng tài sản				4.242.772.246.248
Nợ phải trả bộ phận	1.967.690.114.210	951.396.154.541	(752.507.919.688)	2.166.578.349.063
Nợ phải trả không phân bổ				135.332.790.555
Tổng công nợ				2.301.911.139.618

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính cùng ngày như sau:

	VND			
	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	469.032.578.752	614.373.453.276	(199.132.722.500)	884.273.309.528
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	133.373.429.431	278.844.455.417	-	412.217.884.848
Chi phí không phân bổ				(116.769.319.094)
Doanh thu hoạt động tài chính				102.747.237.893
Chi phí tài chính				(94.591.553.193)
Phần lỗ trong công ty liên kết				(5.255.721.037)
Lợi nhuận khác				2.956.718.354
Lợi nhuận thuần trước thuế				301.305.247.771
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(47.086.590.116)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(1.405.875.038)
Lợi nhuận thuần sau thuế				252.812.782.617
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	2.895.898.922.122	1.908.773.065.424	(1.208.912.976.745)	3.595.759.010.801
Tài sản không phân bổ				389.095.631.986
Tổng tài sản				3.984.854.642.787
Nợ phải trả bộ phận	1.402.176.158.022	1.203.699.704.777	(564.898.338.761)	2.040.977.524.038
Nợ phải trả không phân bổ				156.020.705.677
Tổng công nợ				2.196.998.229.715

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ng Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu




NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng




TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

 Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

 (0274) 3822.602

 info@bimico.com.vn

 (0274) 3823.922

 www.bimico.com.vn